

THỎA THUẬN XANH EU & XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Trường hợp của ngành Nông sản, Thực phẩm và Dệt may



NHÓM NGHIÊN CỨU

Nguyễn Thị Thu Trang
Trần Minh Thu
Nguyễn Thị Thùy Dung
Nguyễn Thanh Trà

*Trung tâm WTO và Hội nhập
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



**FRIEDRICH NAUMANN
FOUNDATION** For Freedom.
Việt Nam

THỎA THUẬN XANH EU VÀ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Trường hợp của ngành Nông sản, Thực phẩm và Dệt may



Lời nói đầu

Để triển khai mục tiêu xây dựng Liên minh châu Âu (EU) thành khu vực trung hòa về phát thải vào năm 2050, Thỏa thuận Xanh EU (European Green Deal) đã được Ủy ban châu Âu công bố ngày 13/12/2019 và được Hội đồng châu Âu biểu quyết thông qua ngày 15/01/2020.

Thỏa thuận Xanh EU (EGD) là một tập hợp các sáng kiến chính sách của EU nhằm giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu việc sử dụng các nguồn lực tự nhiên trong phát triển kinh tế. Từ góc độ sản xuất kinh doanh, việc thông qua và từng bước thực thi các mục tiêu chính sách cụ thể trong EGD đồng nghĩa với việc các hoạt động kinh doanh trên hoặc với thị trường EU, trong đó có nhập khẩu, mua bán, sử dụng, tiêu thụ và thải bỏ các hàng hóa từ bên ngoài vào thị trường EU, sẽ phải đáp ứng các yêu cầu xanh cao hơn.

EU hiện đang là một trong các thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng ngày càng lớn dưới tác động tích cực, lan tỏa của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Để tiếp tục khai thác hiệu quả và bền vững thị trường này, việc hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định xanh ở thị trường EU là đặc biệt quan trọng với các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

Một Khảo sát nhanh do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện tháng 8/2023 cho thấy có một tỷ lệ đáng kể các doanh nghiệp và các chủ thể liên quan khác chưa từng biết tới hoặc chỉ nghe nói sơ qua về EGD hoặc các chính sách, quy định cụ thể triển khai EGD mà EU đã thực hiện đến thời điểm này.

Trong khi đó, không ít các chính sách, quy định cụ thể của EU triển khai thực thi EGD có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này đã được ban hành, đang hoặc sẽ có hiệu lực trong thời gian sắp tới. Đồng thời, theo kế hoạch của EU, nhiều chính sách, quy định khác cũng sẽ được thực hiện trong thời gian tới, với nhiều tiêu chuẩn cao hơn, bao trùm nhiều loại hàng hóa nhập khẩu vào EU hơn.

Do đó, vấn đề cấp bách hiện nay với doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam sang EU là tìm hiểu về EGD, về các lộ trình cụ thể của Thỏa thuận này, về các chiến lược, quy định cụ thể đã ban hành, về tác động chung của EGD đối với xuất khẩu Việt Nam vào khu vực này cũng như về các yêu cầu xanh cụ thể mà EU đặt ra với các nhóm, loại hàng hóa khác nhau nhập khẩu vào Khối này. Đây sẽ là cơ sở để các doanh nghiệp có sự chuẩn bị, và hành động phù hợp nhằm đáp ứng các yêu cầu xanh của EU và tiếp tục xuất khẩu sang thị trường quan trọng này.

Để giúp các doanh nghiệp cùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có hiểu biết đầy đủ, chính xác về EGD và các ảnh hưởng của Thỏa thuận này tới tương lai xuất khẩu của Việt Nam vào EU, đặc biệt là ở một số lĩnh vực xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam và cũng là các khía cạnh EGD có nhiều tiêu chuẩn xanh mới, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (Trung tâm WTO và Hội nhập) đã triển khai nghiên cứu, xây dựng Báo cáo “Thỏa thuận Xanh EU và Xuất khẩu của Việt Nam – Trường hợp của ngành nông sản, thực phẩm và dệt may”.



Hy vọng các thông tin từ Báo cáo này sẽ giúp các doanh nghiệp, hiệp hội, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có được thông tin cơ bản về EGD, về các tác động của EGD với xuất khẩu Việt Nam nói chung, cũng như các tiêu chuẩn xanh cụ thể mà EGD đã hoặc dự kiến áp dụng đối với hai nhóm sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam; từ đây có sự chuẩn bị cần thiết và phù hợp để bảo đảm tương lai xuất khẩu bền vững sang thị trường quan trọng này, tận dụng tối đa và hiệu quả các cơ hội từ Hiệp định EVFTA.

VCCI trân trọng cảm ơn Viện Friedrich Naumann Foundation for Freedom (FNF) Việt Nam đã hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu và phổ biến Báo cáo này.

**Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
Trung tâm WTO và Hội nhập**



Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	3
TÓM TẮT	10

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ THỎA THUẬN XANH EU	18
I. Giới thiệu chung về Thỏa thuận Xanh EU	20
1. Những vấn đề chung về Thỏa thuận Xanh EU	20
2. Các định hướng chính sách và tiến triển thực thi Thỏa thuận Xanh EU	23
II. Các nội dung của Thỏa thuận Xanh EU	25
1. Về cách thức phân nhóm và xác định các nội dung của Thỏa thuận Xanh	25
2. Các nội dung của Thỏa thuận Xanh theo từng lĩnh vực	28
2.1. Lĩnh vực Khí hậu	28
2.2. Lĩnh vực Môi trường và Đại dương	31
2.3. Lĩnh vực Nông nghiệp	33
2.4. Một số lĩnh vực khác	34

CHƯƠNG 2

TÁC ĐỘNG CỦA THỎA THUẬN XANH EU TỚI XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM	38
I. Các chính sách xanh của EU có tác động tới hàng hóa nhập khẩu	40
1. Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” (Chiến lược F2F)	40
2. Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP)	42
3. Chiến lược đa dạng sinh học EU	47
4. Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)	48
5. Một số chính sách, quy định khác	50
II. Các chính sách xanh EU và tác động cụ thể tới xuất khẩu Việt Nam	52
1. Các kênh tác động của Thỏa thuận Xanh tới xuất khẩu Việt Nam	52
2. Phạm vi các lĩnh vực xuất khẩu Việt Nam chịu tác động từ Thỏa thuận Xanh EU	54
3. Các hướng tác động của Thỏa thuận Xanh EU tới xuất khẩu Việt Nam	56
3.1. Thách thức đối với xuất khẩu Việt Nam	56
3.2. Cơ hội trong dài hạn cho xuất khẩu Việt Nam	62



CHƯƠNG 3

THỎA THUẬN XANH EU VÀ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM, DỆT MAY VIỆT NAM	66
I. Ngành nông sản thực phẩm Việt Nam và Thỏa thuận Xanh EU	68
1. Tổng quan về xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang EU	68
2. Các chính sách xanh EU đối với nông sản thực phẩm nhập khẩu	72
3. Xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam trước các thách thức từ Thỏa thuận Xanh EU	78
II. Ngành dệt may Việt Nam và Thỏa thuận Xanh EU	81
1. Tổng quan về xuất khẩu dệt may Việt Nam sang EU	81
2. Các chính sách xanh EU đối với hàng dệt may nhập khẩu	85
3. Xuất khẩu dệt may Việt Nam trước các thách thức từ Thỏa thuận Xanh EU	88



Danh mục Hộp

Hộp 1	Các lợi ích của Thỏa thuận Xanh cho người dân EU	21
Hộp 2	Một số cột mốc đáng chú ý trong thực thi Thỏa thuận Xanh EU giai đoạn 2020-2023	24
Hộp 3	Một số biện pháp đáng chú ý trong Gói “Fit for 55”	29
Hộp 4	Tóm lược các hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn trong 07 chuỗi sản phẩm liệt kê trong CEAP	42
Hộp 5	Dự kiến ảnh hưởng của CBAM tới xuất khẩu Việt Nam	49
Hộp 6	Xu hướng hạn chế sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật ở EU	73
Hộp 7	Tóm tắt các quy định mới trong Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ (Regulation on Organic Production and Labelling of Organic Products)	76

Danh mục Bảng

Bảng 1	Một số bước đáng chú ý trong lộ trình thực hiện Chiến lược F2F	41
Bảng 2	Tổng hợp một số chính sách trong Thỏa thuận Xanh EU có ảnh hưởng tới các ngành xuất khẩu của Việt Nam	55
Bảng 3	Hiểu biết của các chủ thể ở Việt Nam về một số chính sách xanh của EU	57
Bảng 4	Một số ví dụ về thời điểm ban hành và có hiệu lực của một số chính sách xanh EU	59
Bảng 5	Nhóm các mặt hàng nông sản, thực phẩm EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2022	70
Bảng 6	Xuất khẩu cà phê, chè, gia vị (HS 09) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022	71
Bảng 7	Xuất khẩu quả, quả hạch (HS 08) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022	71
Bảng 8	Xuất khẩu thủy sản (HS 03) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022	71
Bảng 9	Xuất khẩu hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022	82
Bảng 10	Tốp 10 mặt hàng may mặc EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2022	83



Danh mục Hình

Hình 1	Các chính sách xanh điển hình trong Thỏa thuận Xanh EU	27
Hình 2	Hiểu biết của các chủ thể Việt Nam về Thỏa thuận Xanh	56
Hình 3	Xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022	69
Hình 4	Xuất khẩu hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022	82



Danh mục Từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CAP	Chính sách nông nghiệp chung của EU
CBAM	Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới của EU
CEAP	Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn của EU
EGD	Thỏa thuận Xanh châu Âu (hoặc Thỏa thuận Xanh EU)
EPR	Quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất
EU	Liên minh châu Âu
EUDR	Quy định về Các sản phẩm không liên quan đến nạn chặt phá/làm suy thoái rừng của EU
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
F2F	Chiến lược “Từ Nông trại đến bàn ăn”
SPS	Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại



Tóm tắt

- 1.** Thỏa thuận Xanh châu Âu (The European Green Deal - EGD) là Chương trình tổng thể và dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050. Được thông qua ngày 15/1/2020, EGD định hình chiến lược của EU để đạt mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 (trung hòa về phát thải) và trở thành khu vực kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên vào năm 2050.
- 2.** Văn kiện Thỏa thuận Xanh chỉ nêu các mục tiêu lớn cần đạt được và các định hướng chiến lược của EU về vấn đề khí hậu mà không trực tiếp đặt ra các tiêu chuẩn hay điều kiện xanh cụ thể. Triển khai thực hiện Thỏa thuận Xanh, EU đang và sẽ xây dựng các Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản chính sách, pháp luật cụ thể (sau đây gọi là các chính sách xanh) trong hầu khắp các lĩnh vực kinh tế. Các chính sách xanh này đặt ra nhiều tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu xanh mới và/hoặc nâng cấp từ các quy định hiện hành, có tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp tới nhiều nhóm chủ thể trong các hoạt động liên quan.
- 3.** Trong tổng thể, các chính sách xanh của EU được triển khai trên 09 lĩnh vực chính, trong đó có những lĩnh vực có chính sách xanh bao trùm các chủ thể trong và ngoài EU (như Khí hậu, Môi trường và Đại dương, Nông nghiệp), và các lĩnh vực mà chính sách xanh tập trung vào các vấn đề nội bộ của EU là chủ yếu (như Công nghiệp, Năng lượng, Giao thông, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính, và Xây dựng).
- 4.** Là gói chính sách nội bộ của EU, Thỏa thuận Xanh về lý thuyết chỉ áp dụng cho các chủ thể EU và các đối tượng (hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh tế) trên thị trường/lãnh thổ khối này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể, các chính sách của Thỏa thuận Xanh EU cũng sẽ áp dụng cho các đối tượng ngoài EU, phổ biến là các trường hợp (i) có phạm vi áp dụng là hàng hóa lưu hành, mua bán thương mại, sử dụng, tiêu thụ và/hoặc tạo phát thải tại EU, không phân biệt hàng hóa sản xuất tại EU hay hàng nước ngoài nhập khẩu vào EU; hoặc (ii) được thiết kế để áp dụng riêng cho hàng nhập khẩu vào EU từ bên ngoài nhằm bảo đảm cân bằng với các quy định EU áp dụng cho hàng hóa nội khối EU. Là thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam, EU thực hiện Thỏa thuận Xanh cũng sẽ ảnh hưởng tới một bộ phận đáng kể xuất khẩu của Việt Nam.
- 5.** Chỉ trong chưa đầy 4 năm triển khai Thỏa thuận Xanh, EU đã có nhiều chính sách xanh đang/dự kiến có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào khu vực này. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” (Farm to Fork - F2F) nêu các mục tiêu chuyển đổi xanh trong nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản thực phẩm. Đối với lĩnh vực sản xuất chế biến, Kế hoạch hành động Kinh tế tuần hoàn mới (new Circular economy action plan – CEAP) liệt kê 35 chính sách nhằm xây dựng nền kinh tế xanh, sạch, tuần hoàn trong 07 chuỗi sản phẩm mục tiêu (điện tử - công nghệ thông tin, pin và phương tiện vận tải, bao bì đóng gói, nhựa, dệt may, xây dựng,



thực phẩm và các sản phẩm dinh dưỡng). Ngoài ra, còn có một số chính sách khác có phạm vi hẹp hơn nhưng cũng rất đáng chú ý như Chiến lược đa dạng sinh học, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM), Chiến lược hóa chất vì sự bền vững, các chính sách về rác thải tiêu dùng... Danh sách các chính sách xanh liên quan tới hàng nhập khẩu từ bên ngoài vào EU sẽ còn tiếp tục được bổ sung cùng với tiến trình triển khai các mục tiêu trong Thỏa thuận Xanh EU đến năm 2050, mà đặc biệt là trong giai đoạn từ nay tới 2030.

6. Các chính sách xanh nói trên của EU ảnh hưởng tới xuất khẩu Việt Nam theo các cách thức khác nhau, phổ biến nhất là làm gia tăng các tiêu chuẩn “xanh, bền vững” đối với hàng hóa xuất khẩu (các tiêu chuẩn kỹ thuật xanh mới, hoặc sửa đổi, nâng cấp yêu cầu hoặc mở rộng diện áp dụng của các tiêu chuẩn hiện có). Nhóm tiếp theo là các quy định gia tăng trách nhiệm tài chính của nhà sản xuất cho các mục tiêu “xanh, bền vững” (dưới dạng các khoản phí bổ sung phải nộp, các loại chứng chỉ trung hòa carbon phải mua...). Và cuối cùng là các đòi hỏi tăng thêm về thủ tục khai báo thông tin, về trách nhiệm giải trình khi nhập khẩu (ví dụ về nguồn gốc xuất xứ đất trồng, về lượng carbon phát sinh trong quá trình sản xuất trên đơn vị sản phẩm...), hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về các khía cạnh “xanh, bền vững” của sản phẩm cho người tiêu dùng (ví dụ về ghi nhãn, về hộ chiếu số cho sản phẩm...).

7. Với các chính sách xanh được nhận diện tới thời điểm hiện tại của Thỏa thuận Xanh EU, các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam được dự báo sẽ chịu tác động mạnh nhất từ quá trình chuyển đổi xanh ở thị trường EU trong thời gian tới bao gồm (i) Sản phẩm điện, điện tử, công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, linh kiện liên quan; (ii) Nông sản (đặc biệt là cà phê, điều, hạt tiêu, cacao, thịt,...), thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ; (iii) Thực phẩm các loại (đặc biệt là thực phẩm hữu cơ); (iv) Dệt may, giày dép; (v) Các loại hóa chất, phân bón, pin, ắc quy; (vi) Sắt thép, nhôm, xi măng; và (vii) Bao bì của các loại sản phẩm (nhất là bao bì thực phẩm, hóa chất...).

8. Thách thức mà Thỏa thuận Xanh đặt ra với xuất khẩu Việt Nam trước hết nằm ở sự thay đổi, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hiệp hội và các chủ thể liên quan. Với tính chất là gói chính sách toàn diện và có lộ trình rất dài, Thỏa thuận Xanh và các chính sách, biện pháp thực thi Thỏa thuận này không chỉ nhiều về số lượng, phức tạp về tính chất, mà còn liên tục phát triển qua thời gian. Không có một bộ các tiêu chuẩn xanh chung, không có một lộ trình chuyển đổi xanh thống nhất cho tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu sang EU. Trong khi đó, một Khảo sát nhanh do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện 8/2023 cho thấy có tới 88-93% số người được hỏi chưa từng biết đến hoặc chỉ nghe nói sơ qua tới Thỏa thuận Xanh hoặc các chính sách xanh nổi bật của EU liên quan tới xuất khẩu Việt Nam. Đặc biệt, tỷ lệ các doanh nhân, cán bộ nhân viên, người lao động trong doanh nghiệp biết rõ về Thỏa thuận Xanh EU chỉ ở mức 4%, thấp hơn nhiều so với các nhóm tham gia Khảo sát khác (8-12%). Do đó, việc đầu tiên cần làm để ứng phó với các tác động của Thỏa thuận Xanh EU tới xuất khẩu Việt Nam là chủ động tìm hiểu về Thỏa thuận Xanh để nhận biết, nắm bắt chính xác và thường xuyên cập nhật về các chính sách xanh cụ thể của EU có liên quan tới từng loại sản phẩm xuất khẩu.

9. Đi sâu hơn vào các yêu cầu của các chính sách xanh, thách thức với các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam nằm ở năng lực tuân thủ các yêu cầu này. Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT), vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) thông thường của EU vốn đã không phải là dễ dàng với nhiều doanh nghiệp, thách thức tất nhiên sẽ còn lớn hơn nhiều với các tiêu chuẩn xanh mới hoặc nâng cấp từ các TBT, SPS hiện tại theo hướng cao hơn, khắt khe và khó khăn hơn. Tùy từng doanh nghiệp, thách thức đó có thể là ở năng lực để chuyển đổi về công nghệ, về kiểm soát chuỗi cung, về kỹ năng của lao động hay về năng lực giải trình, khai báo, lưu trữ thông tin. Đằng sau tất cả các thách thức kỹ thuật này là khả năng chi trả hay đầu tư để chuyển đổi. Với phần lớn các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, hạn chế cả về vốn, công nghệ và năng lực quản trị, lại đang trong giai đoạn kinh doanh đầy biến động như hiện tại, việc ứng phó với các thách thức từ Thỏa thuận Xanh là nhiệm vụ rất khó khăn.



10. Tuy nhiên, nếu có sự chuẩn bị từ sớm, việc đáp ứng các yêu cầu xanh của EU trên thực tế vẫn có thể là khả thi với phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang xuất khẩu sang EU. Một mặt, tất cả các chính sách xanh của EU đều được công khai dự thảo và tham vấn ý kiến công chúng trong một khoảng thời gian rất dài trước khi được quyết định thông qua. Kể cả khi có hiệu lực, các chính sách này đều có lộ trình triển khai từng bước, với các yêu cầu khó chỉ phải thực thi đầy đủ sau một khoảng thời gian dài. Mặt khác, không phải mọi tiêu chuẩn xanh đều yêu cầu chi phí tuân thủ cao mà có thể là yêu cầu thay đổi trong cách thức hành động (ví dụ các yêu cầu về khai báo phát thải, về thông tin đối với sản phẩm...). Đồng thời, một số trường hợp, các tiêu chuẩn xanh EU được pháp luật hóa từ các tiêu chuẩn tự nguyện trước đó mà doanh nghiệp đã thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, do đó có thể không đòi hỏi thay đổi quá lớn với doanh nghiệp.

11. Mặc dù trước mắt các chính sách xanh của EU đặt ra những thách thức lớn cho xuất khẩu Việt Nam, nhưng trong lâu dài, việc thực hiện chủ động chuyển đổi xanh một cách đồng bộ và toàn diện có thể mang lại những cơ hội nhất định cho doanh nghiệp. Từ góc độ thị trường, đây là cách thức tốt nhất để doanh nghiệp có thể đi trước một bước, tiếp cận sớm thị trường các sản phẩm xanh đầy tiềm năng của EU với tệp khách hàng có ý thức tiêu dùng xanh đang gia tăng mạnh mẽ của khu vực này. Đồng thời, thích ứng sớm với các yêu cầu xanh ở EU cũng mang đến sự bảo đảm nhất định cho khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp đi các thị trường phát triển khác vốn cũng đang thúc đẩy các hành động nhằm thực hiện các mục tiêu khí hậu tương tự EU (như Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, Australia...). Từ góc độ hiệu quả, chuyển đổi xanh mặc dù có thể yêu cầu đầu tư ban đầu cao nhưng lại có thể là nhân tố giúp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp trong dài hạn. Không những thế, trên bình diện vĩ mô, việc từng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh trong nội địa nền kinh tế, từ đó đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển bền vững của chính Việt Nam.

12. Trước các chính sách xanh này của EU, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong các ngành bị ảnh hưởng được khuyến nghị cần (i) theo dõi sát diễn tiến các chính sách xanh ở EU; (ii) nhận diện kịp thời, chính xác các tiêu chuẩn xanh cụ thể có liên quan tới sản phẩm của mình; và (iii) có sự chuẩn bị, đầu tư và hành động từ sớm, từ xa để dần thích ứng, và bảo đảm khả năng tuân thủ các yêu cầu bắt buộc khi EU áp dụng chính thức. Từ góc độ của mình, các cơ quan Nhà nước, hiệp hội, tổ chức khác có thể hỗ trợ hiệu quả cho quá trình thích ứng với các tiêu chuẩn xanh EU này của doanh nghiệp thông qua việc (i) cung cấp thông tin kịp thời, chuẩn xác và chi tiết về các tiêu chuẩn xanh EU theo nhóm sản phẩm cụ thể; (ii) tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện; và (iii) phối hợp với phía EU trao đổi về cách thức thực thi phù hợp, về các hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Việt Nam, nếu có.

13. Nông sản thực phẩm là một trong các nhóm sản phẩm của Việt Nam có tiềm năng xuất khẩu mang lại giá trị cao ở thị trường EU. Đây cũng là lĩnh vực tập trung nhiều chính sách xanh của EU. Nổi bật trong số đó là Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” với các định hướng quan trọng về (i) giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng và dư lượng tối đa cho phép đối với các chất trong nông sản thực phẩm; (ii) giảm lượng thuốc kháng sinh được phép sử dụng trên động vật và dư lượng trong các loại thịt, thủy sản; (iii) tăng cường các yêu cầu xanh về thiết kế, chất liệu các loại bao bì đóng gói thực phẩm; (iv) điều chỉnh cách thức ghi nhãn, vị trí nhãn, tăng cường các thông tin phải cung cấp cho người tiêu dùng về các đặc tính xanh của sản phẩm; (v) thay đổi các yêu cầu về cách thức nuôi nhốt, vận chuyển, giết mổ vật nuôi... Ngoài ra, một số chính sách xanh khác cũng có ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang EU vào thời điểm hiện tại như Quy định về chống phá rừng – EUDR, hoặc có thể là trong tương lai như Quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới – CBAM... (nếu các chính sách này mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng ra cả các sản phẩm nông sản thực phẩm).



14. Với dệt may Việt Nam, EU đã và đang là thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với EU, dệt may lại đứng trong топ đầu các ngành làm suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, do đó dệt may cũng thuộc nhóm tập trung nhiều nỗ lực xanh nhất của EU. Phần lớn các chính sách xanh của EU về dệt may được tập trung tại *Chiến lược của EU đối với dệt may tuần hoàn và bền vững* với các định hướng chính sách về (i) thiết kế sinh thái (thiết kế bảo đảm độ bền, khả năng sửa chữa, tái chế...); (ii) tăng cường thông tin qua hệ chiếu số của sản phẩm, các yêu cầu thông tin nhằm chống gian dối về tính xanh (greenwashing); (iii) hạn chế tối đa phát tán hạt vi nhựa từ sản phẩm dệt may ra môi trường; (iv) giảm thiểu các hóa chất độc hại trong sợi; (v) áp dụng trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất... Ngoài ra, một số chính sách xanh khác cũng có thể sẽ mở rộng diện áp dụng ra các sản phẩm dệt may như Chỉ thị về khí thải công nghiệp, Lộ trình chuyển đổi cho hệ sinh thái dệt may trong tương lai, Cam kết tiêu dùng bền vững, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)...

15. Trong so sánh với nhiều lĩnh vực khác, các chính sách xanh của EU đối với nông sản, thực phẩm và dệt may được đánh giá là phức tạp và thách thức hơn đáng kể bởi phần lớn đều (i) có phạm vi áp dụng bao trùm tất cả các sản phẩm nông sản thực phẩm và dệt may (mà không phải chỉ một số loại cụ thể trong các nhóm này); (ii) được luật hóa dưới dạng các yêu cầu pháp lý tối thiểu, bắt buộc thực hiện (mà không phải là các khuyến nghị khuyến khích thực hiện); (iii) bao gồm các tiêu chuẩn, biện pháp, quy định tác động đến nhiều khâu trong chuỗi sản xuất (từ thiết kế mẫu mã đến nguyên phụ liệu, từ sản xuất, nuôi trồng đến vận chuyển, từ sử dụng đến sửa chữa, từ thải bỏ đến tái chế...) mà không phải chỉ áp dụng với thành phẩm cuối cùng.

16. Mặc dù thách thức là chủ yếu, các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản thực phẩm và dệt may Việt Nam cũng có một số thuận lợi nhất định trong tổ chức triển khai các chính sách xanh EU. Thứ nhất, do hầu hết các chính sách hiện nay mới chỉ là ở dạng dự thảo, chưa phải là các quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng, các doanh nghiệp vẫn còn thời gian nhất định để tìm hiểu và chuẩn bị. Thứ hai, một số yêu cầu xanh (nhất là đối với dệt may hoặc thực phẩm hữu cơ) trên thực tế đã khá quen thuộc với nhiều doanh nghiệp Việt Nam (do có nội dung tương tự với các Bộ quy tắc tự nguyện mà khách hàng EU yêu cầu trước nay), vì vậy, việc chuyển đổi có thể sẽ không quá khó khăn. Thứ ba, tương tự các lĩnh vực khác, các chính sách xanh trong lĩnh vực nông sản thực phẩm và dệt may phần lớn sẽ có lộ trình thực thi dài, mức độ yêu cầu sẽ được nâng dần, mà không phải là áp dụng đầy đủ các nghĩa vụ ngay khi các chính sách này có hiệu lực.

17. Vì vậy, ngoài các giải pháp chung cho tất cả các ngành bị ảnh hưởng bởi Thỏa thuận Xanh EU, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm và dệt may Việt Nam sang EU được khuyến nghị cần (i) quan tâm theo dõi sát xu hướng xanh ở EU, đặc biệt là các chính sách, quy định pháp luật cụ thể triển khai Chiến lược “Từ trang trại tới bàn ăn” (F2F) và Chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững của EU; (ii) chủ động, phối hợp chặt chẽ với khách hàng và các đơn vị liên quan trong cập nhật quá trình soạn thảo, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn, quy định xanh cụ thể liên quan tới sản phẩm của mình; và (iii) có hành động chuẩn bị phù hợp, chủ động và tích cực để sẵn sàng tuân thủ. Với riêng ngành dệt may, ngoài các yêu cầu từ Thỏa thuận Xanh, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược chuyển đổi xanh của riêng mình ngay từ bây giờ nhằm đáp ứng theo lộ trình hợp lý các yêu cầu xanh từ phía người tiêu dùng và khách hàng, từ đó, bảo đảm khả năng duy trì thị trường xuất khẩu một cách bền vững.



Summary

- 1.** The European Green Deal (EGD) is a comprehensive and long-term program of the European Union (EU) to respond to the global climate emergency from now to 2050. Approved on January 15, 2020, the EGD has shaped the EU's strategy to reach net zero greenhouse gas emissions (climate neutrality) and become a resource-efficient economy by 2050.
- 2.** The full text of EGD states major goals to be achieved and EU's strategic directions on climate issues without directly setting specific green standards nor conditions. To implement the EGD, the EU has been developing various specific strategies, programs, action plans, policies and legislation (hereinafter referred to as green policies) in almost all economic sectors. These green policies set many new and/or upgraded green standards, conditions and/or requirements, then directly or indirectly affecting various groups of economic actors in related sectors.
- 3.** In general, the EU's green policies are categorized by 09 main sectors, some cover activities/actors both inside and outside the EU (e.g., Climate, Environment and Oceans, Agriculture), while many mainly focus on European ones (e.g., Industry, Energy, Transportation, Research and Development, Finance, and Construction).
- 4.** As an internal policy package of the EU, the EGD theoretically only applies to EU actors and activities within the EU market/territory (including goods, services, economic activities circulating/occurring in the EU). However, in some specific cases, EGD's policies may also apply to actors/activities outside the EU, most commonly (i) ones with scope of application involving goods circulated, traded, used, consumed, discharged and/or releasing emissions within the EU, regardless of whether goods are produced within or imported into the EU; or (ii) ones designed to apply specifically to imports into the EU to ensure alignment with EU regulations on EU domestic goods. Because the EU is Vietnam's key export market, the implementation of the EGD is assumed to have considerable impacts on a substantial part of Vietnam's exports.
- 5.** In just less than four years from the start of EGD's implementation, the EU has introduced numerous green policies that have/are expected to have a direct impact on foreign goods imported into this Union. In the agricultural sector, the "Farm to Fork" (F2F) Strategy outlines green transition goals in many different aspects of production, trade and consumption of agricultural products and foods. For manufacturing and processing sectors, the new Circular Economy Action Plan (CEAP) lists 35 policies to build a green, clean, and circular economy in 07 targeted product chains (electronics and information technology, batteries and vehicles, packaging, plastics, textiles, construction, food and nutrients).



In other narrower areas, some EGD policies are noteworthy, such as the Biodiversity Strategy, the Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM), the Chemicals strategy for sustainability, the Consumer waste policy, etc. This list of EU green policies covering imports from outside the EU will continue to be added along with the progress of implementing EGD's targets by 2050, particularly in the period from now to 2030.

6. The EU green policies as above-mentioned are to have impacts on Vietnam's exports in different ways. The most common impacts are the increase in "green and sustainable" standards for EU-exported goods (in form of total new green standards/requirements, or newly-amended, upgraded or expanded green standards/requirements from existing ones). The next group of impacts is the increase in manufacturers' financial responsibility for "green, sustainable" targets (payment of additional fees, purchase of carbon certificates, etc.). And finally, the extra requirements on accountability responsibility upon goods' origin (e.g., origin of the land used for agricultural production, amount of carbon emissions during the production process per unit of product, etc.), or information provision about the "green, sustainable" aspects of products to consumers (e.g., labeling, digital passport for products, etc.).

7. With the green policies in the European Green Deal identified so far, the following Vietnam's exporting sectors are expected to be severely affected by the green transition in the EU market in the coming time: (i) Electrical, electronics, information technology products, machinery, equipment, and related components; (ii) Agricultural products (especially coffee, cashews, pepper, cocoa, meat, etc.), seafood, wood and wood products; (iii) Foods of all kinds (especially organic foods); (iv) Textiles and footwear; (v) Chemicals, fertilizers, batteries; (vi) Iron and steel, aluminum, cement; and (vii) Product packaging (especially packaging of food and chemicals, etc.).

8. The challenge brought by EGD to Vietnam's exports firstly lies in the awareness of businesses, associations, and involved stakeholders. As a comprehensive and long-term policy package, the EGD and its implementing actions are not only numerous in number and complex in nature, but also continuously evolving over time. There is no prefixed set of green standards nor unified green transition roadmap for all goods imported into the EU. Meanwhile, a quick survey conducted by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) in August 2023 showed that 88-93% of respondents had never known or only briefly heard of the EGD or the EU's outstanding green policies related to Vietnam's exports. In particular, the number of businessmen, employees, and workers having a clear understanding of the EGD is only 4%, which is much lower than other groups (8-12%). Therefore, the first solution to deal with the impacts of the EGD on Vietnam's exports is to proactively learn about the EGD in order to identify, accurately grasp and regularly update specific green policies related to specific exported products.

9. Going deeper into the requirements of green policies, the challenge for Vietnamese manufacturers and exporters lies in their capability to comply with these requirements. Meeting the EU's common Technical Barriers to Trade (TBT) and Sanitary and Phytosanitary (SPS) is already difficult for many businesses, the task is surely much more challenging with new or upgraded green standards that are higher, stricter and/or more difficult than existing TBT and SPS. Depending on each manufacturer, the challenges they face may be the capacity to transform technology, to control the production chains, to ensure the labor skills, or to track, store or provide information in the right manners. Behind all these technical challenges is the affordability or investment for transition. For the majority of small and micro-sized enterprises with limited capital, technology, and management capacity, and currently in a volatile business period, coping with challenges from the EGD is a just difficult mission.



10. However, with early preparation, it is still feasible for most Vietnamese exporters to meet the EU's green requirements. On the one hand, all EU green policies are to be drafted and publicly consulted a long time before being officially adopted/approved. Even when entering into force, these policies normally have a step-by-step implementation roadmap, in which difficult requirements would only be fully enforced after a long schedule. On the other hand, not all green standards require high compliance costs, they may instead involve changes in the way of action (for example, requirements on the report of CO₂ emission, on the provision of detailed information on the product, etc.). Moreover, in some cases, EU mandatory green standards are actually the codification of voluntary standards of EU customers which Vietnamese enterprises have been acting in compliance with for quite a time, and thus do not require any significant changes to these businesses.

11. Although in the near time, the EU's green policies pose significant challenges to Vietnam's exports, in a longer term, proactively implementing green transition in a synchronous and comprehensive manner can offer certain opportunities for Vietnamese businesses. From a market perspective, this is the best way for businesses to be one step ahead and gain early access to the EU's potential green products market with a rapidly increasing number of green customers in this area. At the same time, early adaptation to EU green requirements also provides certain guarantees for businesses to export to other developed markets that are also promoting actions to realize climate goals similar to the EU (such as the United States, United Kingdom, Japan, Australia, etc.). From an efficiency perspective, although green transition may require substantial initial investment, it can become a cost saver and efficiency promoter in the long term. Additionally, on a macro level, the green transition by individual business can jointly make a significant contribution to promoting the green transition in the domestic economy, thereby making a meaningful contribution to Vietnam's sustainable development.

12. Coping with these EU's green policies, Vietnamese manufacturers/exporters targeting EU markets are recommended to (i) closely watch out the progress of EU's green policies; (ii) promptly and accurately identify specific green standards/requirements relevant to their products; and (iii) plan, prepare fund, and take early action to gradually adapt and ensure compliance with mandatory requirements when the EU officially enforces them. At their turn, government agencies, business associations and related entities can effectively support Vietnamese enterprises in adapting to EU green policies by (i) providing timely, accurate and detailed information on EU green standards by products/sectors; (ii) advising and guiding them on how to comply with such requirements; and (iii) coordinating with the EU competent authorities on appropriate enforcement mechanisms, and on technical assistance for Vietnamese businesses, if any.

13. Agricultural and food products are among Vietnam's high value exporting potentials in the EU market. This is however a sector that concentrates many EU green policies, notably the "Farm to Fork" Strategy with important rules on (i) reducing the use of plant protection products and maximum residue limits (MRL) for substances in agricultural and food products; (ii) reducing the use of antibiotics in animal and MRL for antibiotics in meat and seafood; (iii) strengthening green requirements on design and materials of food packaging; (iv) adjusting labeling methods and label position, enhancing information provided to consumers about the green aspect of products; (v) changing requirements for animal rearing, transportation, and slaughtering, etc. In addition, some other green policies may also impact the production and export of agricultural and food products from Vietnam to the EU in the present (such as the Regulation on Deforestation-free products – EUDR), or possibly in the future (such as the Regulation on Extended Producer Responsibility, Border Carbon Adjustment Mechanism – CBAM, etc. if their scope of application is expanded to include agricultural and food products).



14. For Vietnam's textile sector, the EU has been the most important export market. For the EU, textile and garment is among the top sectors causing environmental degradation and climate change, thus subject to many early green efforts of the EU. The majority of EU green policies on textiles are concentrated in the *EU Strategy for Sustainable and Circular Textiles* with multiple policies heading to (i) eco-design (design ensuring durability, reparability, recyclability, etc.); (ii) enhanced information (through product digital passports, information requirements to prevent greenwashing, etc.); (iii) minimizing the release of microplastics from textiles into the environment; (iv) reducing hazardous chemicals in fibers; (v) implementing extended producer responsibility, etc. In addition, some other green policies may also extend to textiles someday such as the Industrial Emissions Directive, Textiles Ecosystem Transition Pathway, Commitment to sustainable consumption, Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM), etc.

15. In comparison to many other sectors, EU's green policies on agricultural and food products, and textiles are considerably more complex and challenging as most of them (i) have a wide scope of application, covering across all agricultural and food products, and textiles (not just specific types within these categories/groups); (ii) are codified as mandatory, minimum legal requirements (not merely voluntary recommendations); and (iii) involve standards, measures, and/or requirements affecting multiple stages in the production chain (from design to supply of raw materials, from production, farming to transportation, from usage to repair, from disposal to recycling), not just applicable to the final products.

16. Out of the challenges, Vietnamese businesses in agricultural and food products, and textiles sectors may have certain advantages in implementing EU's green policies. Firstly, as most of the current policies are in draft form and not yet effective, businesses still have a certain time to acknowledge and prepare for implementation. Secondly, some green requirements (especially for textiles or organic food) are already quite familiar to many Vietnamese businesses (due to their similar contents to the voluntary codes that EU customers have required), so the transition might not be overly difficult. Thirdly, like other sectors, the green policies in these sectors will generally have a long implementation roadmap, the level of requirements will be gradually raised, without applying fully obligations as soon as these policies take effect.

17. Therefore, in addition to the recommendations for all sectors affected by the EGD, businesses engaged in producing, processing, manufacturing and exporting textiles, agricultural and food products to the EU are advised to (i) closely monitor green trends in the EU, especially specific policies and legal regulations to implement the "Farm to Fork" Strategy and the *EU Strategy for Sustainable and Circular Textiles*; (ii) proactively and closely coordinate with customers and related entities in updating, drafting, adopting, and implementing specific green standards and regulations related to their products; and (iii) take appropriate, proactive and early preparatory actions for compliance when needed. For textile sector, besides the requirements of EGD, businesses now should actively build their own green transition strategy to meet the expected green requirements from consumers, thereby capable to sustainably grasp at their shares in developed markets.

01

TỔNG QUAN VỀ THỎA THUẬN XANH EU

Phần này giới thiệu về tính chất, phạm vi, mục tiêu, các nội dung cốt lõi và các diễn tiến thực thi của Thỏa thuận Xanh châu Âu (EGD).



I. Giới thiệu chung về Thỏa thuận Xanh EU

1 Những vấn đề chung về Thỏa thuận Xanh EU

Thỏa thuận Xanh châu Âu (The European Green Deal-EGD, sau đây gọi là “Thỏa thuận Xanh (EU)”) là Chương trình tổng thể và dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050. Văn kiện này được Ủy ban châu Âu công bố ngày 13/12/2019 và được Hội đồng châu Âu biểu quyết thông qua ngày 15/01/2020.

VỀ TÍNH CHẤT

Về bản chất, Thỏa thuận Xanh là một gói chính sách định hình chiến lược của EU để đạt mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 (trung hòa về phát thải) và trở thành khu vực kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên vào năm 2050.

Các nội dung trong Thỏa thuận Xanh chỉ gồm các mục tiêu lớn cần đạt được và một số các định hướng chiến lược của EU về vấn đề khí hậu trong các khía cạnh liên quan. Văn kiện này không trực tiếp đặt ra các tiêu chuẩn hay điều kiện xanh cụ thể.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận Xanh, nhiều Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản chính sách, pháp luật (sau đây gọi chung là các “chính sách xanh”)... đã và sẽ được EU xây dựng và triển khai trên thực tế. Các chính sách xanh này bổ sung, nâng cấp hoặc đặt ra nhiều tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu xanh cụ thể, từ đó tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp tới nhiều nhóm chủ thể trong các hoạt động liên quan.

VỀ MỤC TIÊU

Thỏa thuận Xanh EU hướng tới 04 mục tiêu chung sau đây:

- Trở thành khu vực trung hòa về phát thải khí nhà kính vào năm 2050
- Bảo vệ sự sống con người, động vật và thực vật thông qua cắt giảm ô nhiễm
- Hỗ trợ các doanh nghiệp châu Âu trở thành các chủ thể đi đầu thế giới trong sử dụng công nghệ và sản xuất sản phẩm sạch
- Bảo đảm quá trình chuyển tiếp công bằng và có tính bao trùm (không bỏ lại ai phía sau)



Hộp 1

Các lợi ích của Thỏa thuận Xanh cho người dân EU

Theo Ủy ban châu Âu, Thỏa thuận Xanh EU sẽ giúp cải thiện phúc lợi và sức khỏe của người dân và thế hệ tương lai ở EU, cụ thể là bảo đảm cho họ:

- Bầu không khí trong lành, nước sạch, đất trong lành và đa dạng sinh học
- Các tòa nhà được cải tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả
- Thực phẩm lành mạnh và giá cả phải chăng
- Thêm phương tiện giao thông công cộng
- Năng lượng sạch hơn và đổi mới công nghệ sạch tiên tiến
- Sản phẩm bền lâu hơn có thể được sửa chữa, tái chế và tái sử dụng
- Việc làm và đào tạo kỹ năng phù hợp với tương lai cho quá trình chuyển đổi
- Các ngành kinh tế có khả năng chống chịu và cạnh tranh toàn cầu

Nguồn: Chuyên mục trực tuyến Thỏa thuận Xanh EU của Ủy ban châu Âu (EC) tại địa chỉ https://commission.europa.eu/strategy-and-policy/priorities-2019-2024/european-green-deal_en

Về phạm vi

Do mọi hoạt động kinh tế đều góp phần và/hoặc có ảnh hưởng tới tình trạng biến đổi khí hậu hay suy thoái môi trường, Thỏa thuận Xanh EU được thiết kế để bao trùm tất cả các lĩnh vực kinh tế của EU, với các khía cạnh chính sách liên lĩnh vực nhằm tạo ra kết quả cộng hưởng trong thực hiện mục tiêu cuối cùng là trung hòa phát thải khí nhà kính vào năm 2050.

Nói cách khác, tất cả các ngành nghề, khía cạnh kinh tế EU đều chịu tác động bởi các chính sách trong Thỏa thuận Xanh ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, do mức độ ảnh hưởng tới môi trường và biến đổi khí hậu lớn, một số lĩnh vực kinh tế được Thỏa thuận Xanh tập trung đẩy nhanh tiến trình trung hòa phát thải hơn, trong đó đáng kể có các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, năng lượng, tài chính, giao thông và xây dựng.



VỀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Với tính chất là gói chính sách nội bộ của Liên minh châu Âu, Thỏa thuận Xanh EU về lý thuyết chỉ áp dụng cho các chủ thể EU, các đối tượng (hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh tế) trên thị trường/lãnh thổ EU.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể, các chính sách của Thỏa thuận Xanh EU cũng sẽ áp dụng cho các chủ thể kinh tế ngoài EU nhưng có liên quan tới các hoạt động kinh tế EU, cụ thể:

- *Các chính sách, quy định áp dụng bắt buộc cho hàng hóa, dịch vụ lưu hành, mua bán thương mại, sử dụng, tiêu thụ và/hoặc tạo phát thải tại EU:* Do nhóm đối tượng của các biện pháp này bao gồm cả một số loại hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài (nước thứ ba) vào thị trường EU và được sử dụng, tiêu thụ tại đây, các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài cung ứng hàng hóa, dịch vụ này vào EU cũng sẽ phải tuân thủ các chính sách liên quan;
- *Các chính sách, quy định áp dụng trực tiếp cho hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ bên ngoài vào EU:* So với trường hợp trên, nhóm này ít hơn, được EU sử dụng trong một số tình huống nhằm thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu khí hậu và môi trường của EU một cách triệt để, toàn diện, tránh tình trạng EU tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu gián tiếp làm vô hiệu hóa các mục tiêu khí hậu của EU hoặc thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh gây hại tới môi trường ở nước xuất khẩu. Trong các trường hợp này, nhà nhập khẩu EU và tương ứng với đó là các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài của các sản phẩm liên quan sẽ là đối tượng phải tuân thủ các biện pháp này.

Như vậy, mặc dù là một văn bản nội bộ của EU, trong một số chính sách, biện pháp thực thi cụ thể, Thỏa thuận Xanh sẽ áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ bên ngoài vào EU cũng như các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài liên quan.

Từ đây, Thỏa thuận Xanh được cho là sẽ tác động cả trực tiếp và gián tiếp tới nhiều dòng chảy thương mại hàng hóa, dịch vụ từ tất cả các nơi trên thế giới vào EU, khu vực có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ 2 toàn cầu (chỉ sau Hoa Kỳ). Là thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam, EU thực hiện Thỏa thuận Xanh cũng sẽ ảnh hưởng tới một bộ phận đáng kể xuất khẩu của Việt Nam.



2 Các định hướng chính sách và tiến triển thực thi Thỏa thuận Xanh

Các định hướng chính sách cơ bản

Trong Văn kiện, Thỏa thuận Xanh đề cập tới 09 định hướng chính sách chủ yếu, mỗi khía cạnh này sẽ bao gồm các quy định, chiến lược cụ thể, các nguồn tài chính phục vụ thực thi theo các lộ trình được thiết kế để tiến dần tới các mục tiêu đặt ra.

Cụ thể, Thỏa thuận Xanh được thiết kế xung quanh các định hướng chính sách lớn sau đây:

- Thực hiện các mục tiêu khí hậu tham vọng vào năm 2030 (cắt giảm ít nhất 55% lượng phát thải ròng khí nhà kính so với mức phát thải năm 1990) và năm 2050 (trở thành khu vực đầu tiên trung hòa phát thải)
- Cung cấp năng lượng sạch, giá cả phải chăng và an toàn
- Xây dựng kinh tế sạch và tuần hoàn
- An toàn từ nông trại đến bàn ăn (thiết lập hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường)
- Xây dựng môi trường không độc hại (giảm ô nhiễm hạt vi nhựa, tìm kiếm các giải pháp thay thế bền vững cho hóa chất...)
- Bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học
- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang giao thông thông minh và bền vững
- Xây dựng và cải tạo theo hướng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên
- Không để ai bị bỏ lại phía sau (cơ chế chuyển đổi công bằng – hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng nặng bởi quá trình chuyển đổi)

Diễn tiến thực thi Thỏa thuận Xanh

Sau khi Văn kiện Thỏa thuận Xanh được công bố và thông qua, nhiều Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản pháp luật... đã được ban hành nhằm hiện thực hóa các chính sách mục tiêu đề cập trong Thỏa thuận Xanh.

Theo thống kê của Ủy ban châu Âu (EC), tính từ tháng 1/2020 đến tháng 10/2023, chỉ tính riêng các hành động cấp EU (chưa tính đến các hành động của các nước thành viên EU), đã có tới 58 bước đi khác nhau (đề xuất/ ban hành các Chiến lược, Kế hoạch hành động, Luật, Quy định, Chỉ thị, ...) để cụ thể hóa các chính sách xanh trong nhiều lĩnh vực của Thỏa thuận Xanh. Nhiều trường hợp (đặc biệt là các Chiến lược/Kế hoạch hành động...) sau khi được công bố/thông qua lại tiếp tục được chi tiết hóa bằng các giải pháp, công cụ pháp lý, biện pháp hành chính... cụ thể.

Hiện không có thống kê đầy đủ nào về tổng số các hành động cả ở phạm vi EU và nước thành viên EU được thực hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh, nhưng có thể khẳng định số lượng và phạm vi các hành động này là rất lớn.



Có thể thấy EU đang tiến rất nhanh trong thực thi các mục tiêu khí hậu của mình. Thậm chí chỉ trong chưa đầy 4 năm kể từ khi thông qua Thỏa thuận Xanh từ cuối năm 2019 đến nay, EU đã kịp điều chỉnh một số mục tiêu (mà điển hình là mục tiêu giảm 55% mức phát thải nhà kính vào năm 2030 đã được thay thế bằng mục tiêu giảm 57%), và cập nhật các quy định (ví dụ điều chỉnh các hành động trong Chiến lược công nghiệp châu Âu với Kế hoạch công nghiệp theo Thỏa thuận Xanh) nhằm tăng tốc các nỗ lực và kết quả xanh ở châu lục này.

Hộp 2

Một số cột mốc đáng chú ý trong thực thi Thỏa thuận Xanh EU¹ giai đoạn 2020-2023

- Ngày 4/3/2020: Đề xuất Dự Luật Khí hậu châu Âu - European Climate Law (Luật này sau đó đã được ban hành ngày 9/7/2021, có hiệu lực ngày 29/7/2021)
- Ngày 10/3/2020: Công bố Chiến lược công nghiệp châu Âu – EU Industrial Strategy (tiếp tục được điều chỉnh với “Kế hoạch công nghiệp theo Thỏa thuận Xanh” – The Green deal Industrial Plan công bố ngày 01/02/2023)
- Ngày 11/3/2020: Đề xuất Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn - Circular Economy Action Plan - các Chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững, Quy định về bao bì và rác thải bao bì... ban hành sau đó là một phần công việc đề cập trong Kế hoạch hành động này
- Ngày 20/5/2020: Công bố Chiến lược Từ trang trại tới bàn ăn - Farm to Fork Strategy và Chiến lược Đa dạng sinh học EU đến 2030 - EU Biodiversity Strategy for 2030
- Ngày 12/5/2021: Công bố Kế hoạch hành động Không ô nhiễm - Zero pollution Action Plan
- Ngày 14/7/2021: Thông qua Gói hành động Vì mục tiêu 55 (Fit for 55) gồm một loạt các đề xuất sửa đổi, cập nhật các quy định hiện hành của EU nhằm thực hiện mục tiêu giảm 55% mức phát thải vào năm 2030 (so với mức của những năm 1990) qua các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc – Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM) thông qua 5/2023 là một phần trong gói Fit for 55 này
- Ngày 17/11/2021: Công bố Các đề xuất liên quan tới chống phá rừng, cải cách hệ thống quản lý rác thải bền vững và làm sạch đất - Proposals to stop deforestation, innovate sustainable waste management and make soils healthy – Luật chống phá rừng ban hành ngày 6/12/2022 là một phần của các đề xuất này
- Ngày 23/4/2023: Công bố Đề xuất sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn tiếp thị nông sản, thực phẩm hiện hành – Proposal to revise the existing marketing standards of agri-food products

Nguồn: Chuyên mục trực tuyến Thỏa thuận Xanh EU của Ủy ban châu Âu (EC) tại địa chỉ https://commission.europa.eu/strategy-and-policy/priorities-2019-2024/european-green-deal_en

¹ Chỉ lựa chọn một số hành động tiêu biểu có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào EU, không bao gồm các hành động chỉ tác động tới các chủ thể trong nội bộ EU.

II. Các nội dung của Thỏa thuận Xanh EU

1 VỀ CÁCH THỨC PHÂN NHÓM VÀ XÁC ĐỊNH CÁC NỘI DUNG CỦA THỎA THUẬN XANH

Do phát triển xanh và bền vững là vấn đề tổng hợp và liên ngành, một hành động có thể ảnh hưởng nhiều lĩnh vực, một mục tiêu có thể chỉ đạt được thông qua nhiều chính sách, triển khai trong nhiều lĩnh vực, EU lựa chọn thiết kế các nội dung cốt lõi¹ của Văn kiện Thỏa thuận Xanh theo 09 định hướng mục tiêu chính sách cơ bản (xem mục 1.2 ở trên) mà không phải là theo các lĩnh vực cụ thể:

- Mỗi định hướng mục tiêu của Thỏa thuận Xanh sẽ gồm nhiều chính sách cần thực hiện để đạt được mục tiêu. Tuy nhiên cũng có những chính sách có thể cùng lúc thực hiện hai hoặc nhiều định hướng mục tiêu;
- Các chính sách có thể bao gồm các hành động, biện pháp ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm thực hiện một hoặc nhiều định hướng mục tiêu trong Thỏa thuận Xanh.

Đồng thời, như đã đề cập ở phần trên, Văn kiện Thỏa thuận Xanh chỉ là văn kiện khung, với các gói chính sách được đề cập chung, mang tính định hướng mà không phải là các tiêu chuẩn, yêu cầu, biện pháp xanh cụ thể. Các vấn đề nội dung chi tiết, các hành động cụ thể (thể hiện qua các Luật, Quy định, Chiến lược, Kế hoạch hành động...) chỉ được xây dựng và áp dụng trong quá trình triển khai Thỏa thuận này trên thực tế theo lộ trình. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, có những nội dung đã được triển khai từ trước đó, nhưng nếu xét thấy chúng có thể đóng góp vào việc thực thi các mục tiêu của Thỏa thuận Xanh thì EU cũng đưa vào khung khổ chung về thực thi Thỏa thuận Xanh, với các cập nhật (sửa đổi, tăng cường cơ chế thực thi...) nếu cần thiết.

Trong khi đó, từ góc độ thực thi và tuân thủ, các chủ thể kinh tế nói chung và doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói riêng lại thường chỉ tập trung vào các chính sách, biện pháp cụ thể liên quan tới Thỏa thuận Xanh trong từng lĩnh vực cụ thể mà mình quan tâm.

Để hài hòa giữa hướng tiếp cận chung của Thỏa thuận Xanh theo nhóm mục tiêu và nhu cầu thông tin cụ thể của doanh nghiệp về các nội dung của Thỏa thuận này có liên quan theo lĩnh vực, Nhóm nghiên cứu dựa vào sự phân nhóm các loại hành động liên quan tới Thỏa thuận Xanh mà Ủy ban châu Âu sử dụng² và với các điều chỉnh cần thiết để phân nhóm các nội dung của Thỏa thuận Xanh. Ở mỗi nhóm nội dung, các chi tiết được mô tả và diễn giải theo Văn kiện Thỏa thuận Xanh và thực tế các chính sách, biện pháp thực thi Thỏa thuận Xanh triển khai tới thời điểm này (10/2023).

¹ Không tính các nội dung chung hoặc liên quan chủ yếu tới các vấn đề hành chính/chính trị của riêng EU như (i) Giới thiệu chung về sự cần thiết, cấp bách; (ii) Vị trí quốc tế và vai trò trong hợp tác quốc tế của EU; (iii) Hợp tác công – tư trong EU.

² Chú ý: Việc phân nhóm chỉ là tương đối bởi các có các chính sách, biện pháp cùng lúc thực hiện nhiều mục tiêu trong các lĩnh vực khác nhau, hoặc cùng được xem là giải pháp thực thi của nhiều Chiến lược, Kế hoạch hành động khác nhau miễn là đóng góp vào mục tiêu chung của Thỏa thuận Xanh.



Theo đó, các nhóm nội dung cơ bản của Thỏa thuận Xanh EU sẽ được trình bày theo:

- Các lĩnh vực: Khí hậu, Môi trường và Đại dương, Nông nghiệp, Công nghiệp, Năng lượng, Giao thông, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính, Xây dựng;
- Ở mỗi lĩnh vực, các nội dung sẽ bao gồm các chính sách, hành động cụ thể liên quan tới Thỏa thuận Xanh mà EU đã thực hiện tính từ thời điểm 01/2020 (thời điểm thông qua Thỏa thuận Xanh) đến hiện tại (10/2023).

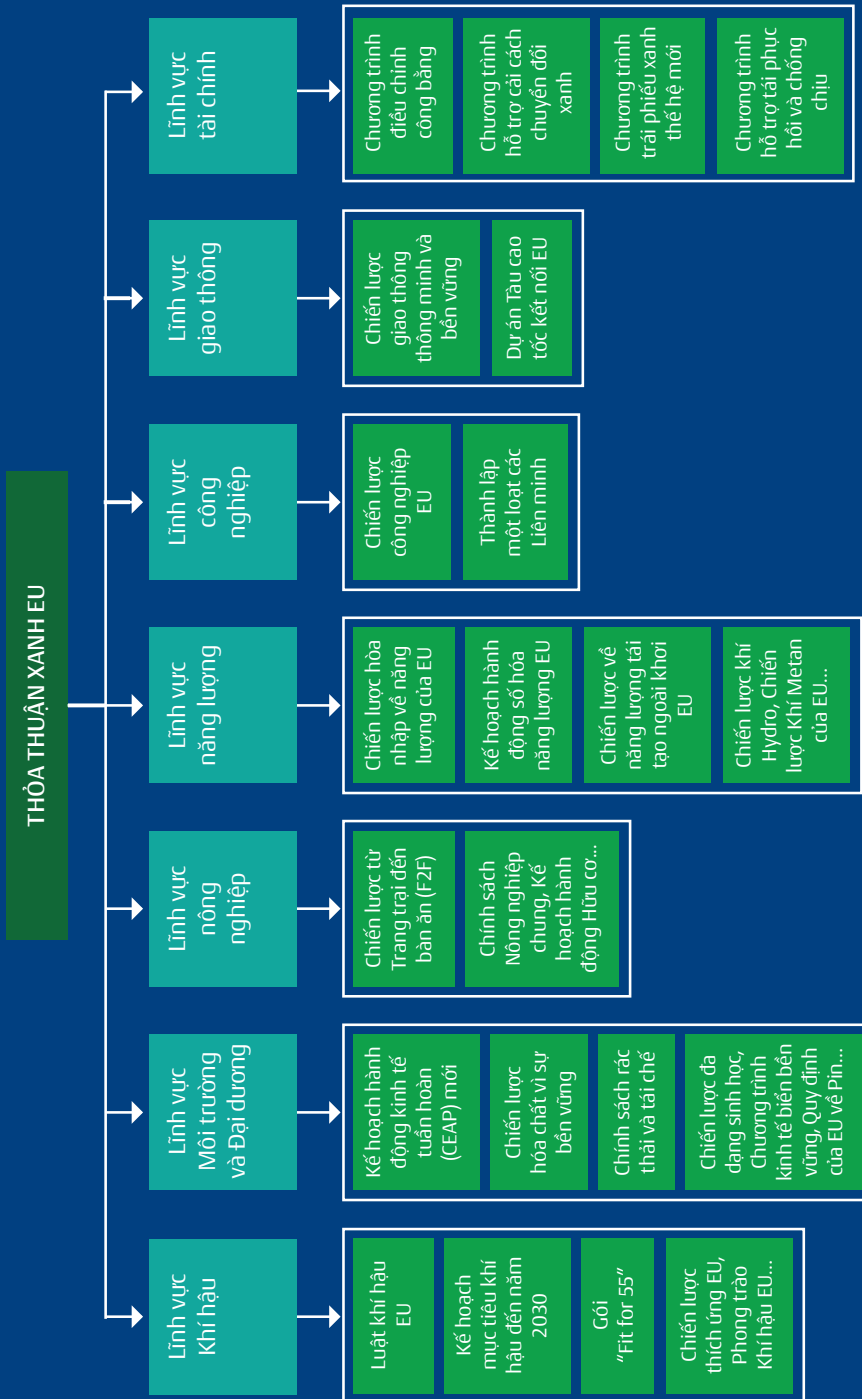
Dưới đây là tóm tắt các chính sách, hành động cụ thể của EU trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh mà EU đã triển khai trong các lĩnh vực cụ thể¹.

¹ Trong trường hợp này, chính sách sẽ được tóm lược ở lĩnh vực có mối liên hệ chặt chẽ hơn



Hình 1 Các chính sách xanh điển hình trong Thỏa thuận Xanh EU

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI





2 Các nội dung của Thỏa thuận Xanh theo từng lĩnh vực

2.1 Lĩnh vực Khí hậu

Mục tiêu cơ bản và cuối cùng của Thỏa thuận Xanh EU là biến EU trở thành khu vực trung hòa phát thải (climate neutral) vào năm 2050. Do đó, khí hậu có thể xem là lĩnh vực trọng tâm của Thỏa thuận Xanh EU.

Sau đây là tóm lược các chính sách đáng chú ý trong lĩnh vực khí hậu nhằm thực thi Thỏa thuận Xanh của EU:

Luật Khí hậu EU (European Climate Law)

Luật Khí hậu EU, văn kiện pháp lý cốt lõi về khí hậu và phát thải trong Thỏa thuận Xanh EU, được thông qua ngày 9/7/2021 và có hiệu lực từ 29/7/2021¹.

Mục tiêu của Luật này là pháp luật hóa các mục tiêu chính sách cơ bản về khí hậu và phát thải khí nhà kính của Thỏa thuận Xanh thành các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc với EU và các nước thành viên EU.

Các nội dung chính của Luật Khí hậu EU bao gồm:

- Xác định mục tiêu pháp lý bắt buộc và trách nhiệm của các cơ quan EU và các nước thành viên EU
Các mục tiêu bắt buộc nêu trong Luật này bao gồm (i) mục tiêu cuối cùng “đạt phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050”²; và (ii) mục tiêu trung gian “giảm ít nhất 55% mức phát thải vào năm 2030 so với mức phát thải của những năm 1990”.
- Thiết lập các công cụ theo dõi tiến độ các mục tiêu khí hậu bởi các cơ quan EU và các nước thành viên (sử dụng các công cụ theo dõi hiện có và quy trình rà soát định kỳ 5 năm)
- Xác định các hành động cụ thể tiếp theo:
 - Xây dựng các mục tiêu khí hậu cụ thể cho mốc 2040;
 - Xây dựng các dự thảo sửa đổi, xây dựng mới các văn bản chính sách, pháp luật nhằm thực hiện mục tiêu thành phần mới được xác định trong Luật Khí hậu (giảm ít nhất 55% mức phát thải vào năm 2030).

Sau Luật Khí hậu EU, ở cấp độ liên minh, các cơ quan có thẩm quyền của EU đã thực hiện một loạt các chương trình, hành động cụ thể để thực hiện các mục tiêu khí hậu liên quan, đặc biệt là mục tiêu trung gian năm 2030, trong đó đáng chú ý có:

- Công bố Kế hoạch mục tiêu khí hậu đến năm 2030 (2030 Climate Target Plan) mới;
- Đề xuất và triển khai Gói “Fit for 55” (tạm hiểu là Gói các giải pháp pháp lý trong tổng thể các lĩnh vực, khía cạnh nhằm đạt mục tiêu giảm 55% mức phát thải), bao gồm (i) sửa đổi các văn bản, quy định pháp luật đang có của EU về khí hậu; và (ii) xây dựng các sáng kiến pháp luật mới nhằm thực hiện các mục tiêu khí hậu mới.

Nhiều biện pháp cụ thể trong Gói “Fit for 55” có tác động đáng kể tới một số nhóm sản phẩm nhập khẩu (ví dụ Chỉ thị về Năng lượng tái tạo, Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới – CBAM...)

¹ Dự thảo Luật này được Ủy ban châu Âu công bố ngày 04/03/2020, tức là chỉ gần hai tháng sau khi Văn kiện Thỏa thuận Xanh EU được thông qua và là bước đi đầu tiên, quan trọng nhất trong quá trình triển khai Thỏa thuận này.

² Mục tiêu này đã được nêu trong Thỏa thuận Xanh EU, tuy nhiên tại Thỏa thuận Xanh đây chỉ là mục tiêu chính sách, không bắt buộc thực hiện, Luật Khí hậu đã chuyển mục tiêu này thành quy định pháp lý bắt buộc.



Một số biện pháp đáng chú ý trong Gói “Fit for 55”

1. Nhóm biện pháp sửa đổi các quy định trong các văn bản pháp luật hiện có

- *Chỉ thị về Hệ thống Thương mại Phát thải (Emissions Trading System-ETS Directive)* – Hệ thống mua bán phát thải dựa trên nguyên tắc hạn mức và mua bán của EU: Sửa theo hướng (i) Giảm hạn mức, tăng tốc độ giảm hạn mức; (ii) Mở rộng phạm vi các lĩnh vực phải mua bán phát thải;
- *Quy định Nỗ lực chia sẻ (Effort Sharing Regulation-ESR)* - Các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào năm 2030 trong các lĩnh vực vận tải nội địa, tòa nhà, nông nghiệp, công nghiệp nhỏ và chất thải cho mỗi quốc gia thành viên EU: Sửa theo hướng nâng mục tiêu giảm phát thải trong các lĩnh vực này từ 29% lên đến 40% vào năm 2030 (so với năm 2005);
- *Quy định về sử dụng đất, thay đổi trong sử dụng đất và lâm nghiệp (Land use, land use change and forestry Regulation-LULUCF)* - Các mục tiêu loại bỏ phát thải carbon - khí nhà kính trong sử dụng đất và lâm nghiệp: Sửa theo hướng (i) Nâng mục tiêu loại bỏ phát thải carbon trên toàn EU vào năm 2030 (từ 225 triệu tấn khí CO₂ lên 310 triệu tấn CO₂); (ii) Bổ sung các mục tiêu cụ thể đối với từng nước thành viên EU về loại bỏ phát thải trong các lĩnh vực LULUCF;
- *Chỉ thị về Hiệu quả Năng lượng (Energy Efficiency Directive)*: Sửa theo hướng (i) Giảm mức tiêu thụ năng lượng ở cấp EU; (ii) Tăng mức đóng góp và nghĩa vụ tiết kiệm năng lượng của từng nước thành viên;
- *Chỉ thị về Năng lượng tái tạo (Renewable Energy Directive)*: Sửa theo hướng (i) nâng mục tiêu sản xuất năng lượng từ các nguồn tái tạo; (ii) tăng mức sử dụng năng lượng tái tạo/phát thải carbon thấp trong các lĩnh vực khác nhau;
- *Tiêu chuẩn thực hiện phát thải CO₂ đối với ô tô và xe tải (CO₂ emissions performance standards for cars and vans)*: Điều chỉnh chỉ tiêu giảm lượng phát thải trung bình đối với ô tô mới (giảm 50-55% tùy loại ô tô trong giai đoạn 2030-2034 so với mức phát thải của năm 2021; từ 2035 không cho đăng ký ô tô mới phát thải CO₂);
- *Chỉ thị về thuế năng lượng (Energy Taxation Directive)*: Sửa theo hướng (i) điều chỉnh mức thuế và phạm vi áp thuế đối với các sản phẩm năng lượng để tương thích với các chính sách về năng lượng và khí hậu của EU; (ii) loại bỏ các miễn trừ cũng như mức thuế thấp vốn đang góp phần khuyến khích việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

2. Nhóm biện pháp bổ sung các quy định pháp luật mới

- *Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (Carbon border adjustment mechanism – CBAM)*: Đây là một cơ chế mới nhằm đảm bảo các hành động đầy tham vọng về khí hậu ở EU không dẫn đến tình trạng “rò rỉ carbon” từ EU sang các nước khác. Theo đó, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào EU sẽ phải trả thêm một khoản phí (còn gọi là thuế carbon) căn cứ vào mức độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất hàng hóa đó tại nước xuất khẩu (xem chi tiết tại Chương II Báo cáo này).
- *Quy định về triển khai cơ sở hạ tầng nhiên liệu thay thế (Regulation on deployment of the alternative fuels infrastructure - AFIR)*: Quy định này đặt ra các mục tiêu bắt buộc ở cấp EU và cấp quốc gia về cung cấp cơ sở hạ tầng sạc điện và tiếp nhiên liệu hydro cho vận tải đường bộ, đường thủy và đường hàng không nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi sang các phương tiện giao thông không phát thải.



Một số nhóm chính sách khác

Thỏa thuận Xanh trong lĩnh vực khí hậu còn bao gồm nhiều mảng chính sách khác, tuy nhiên phần lớn là liên quan tới các chủ thể trong nội bộ của EU mà ít ảnh hưởng tới nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào EU (ngoại trừ các biện pháp cụ thể liên quan tới các chất có tác động trực tiếp tới biến đổi khí hậu). Cụ thể:

Một số biện pháp liên quan tới các chất tác động trực tiếp tới biến đổi khí hậu

- **Đối với các chất phá hủy tầng ozone:**

Thúc đẩy thực thi nghiêm túc *Quy định của EU về các chất phá hủy tầng ozone năm 2009* (EU Regulation on substances that deplete the ozone layer) trong đó có (i) quy trình cấp phép đối với mọi hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các chất phá hủy tầng ozone; và (ii) Mở rộng phạm vi các chất phá hủy tầng ozone phải kiểm soát (thêm 05 loại hóa chất mới ngoài danh sách hơn 90 chất liệt kê trong Công ước Montreal).

- **Đối với khí gas gây hiệu ứng nhà kính:**

- Sửa đổi *Quy định về khí gas gây hiệu ứng nhà kính của EU năm 2014* (Fluorinated greenhouse gases F-gases): Quy định sửa đổi được thông qua ngày 5/4/2022, trong đó (i) giảm hạn ngạch cho phép (quota) đối với chất HFCs; (ii) thêm các hạn chế mới đối với việc sử dụng F-gas trong các thiết bị; (iii) tạo điều kiện mở rộng kiểm soát tại biên giới; (iv) bổ sung các quy trình kiểm soát, thủ tục báo cáo và thẩm tra dữ liệu về các chất này.
- Tăng cường thực thi nghiêm túc *Chỉ thị của EU về Các hệ thống điều hòa không khí di động năm 2006* (European Directive on Mobile air-conditioning systems - MACs) theo lộ trình nâng dần phạm vi cấm sử dụng hệ thống điều hòa chạy bằng F-gas trên các xe chở khách.

Các quy định cụ thể trong nhóm này đã và đang ảnh hưởng tới tiêu chuẩn đối với các sản phẩm liên quan, bao gồm cả sản phẩm của EU và sản phẩm nước ngoài nhập khẩu vào EU.

Chiến lược thích ứng EU (EU Adaptation Strategy): Chiến lược thích ứng EU được Ủy ban châu Âu công bố ngày 24/2/2021 với mục tiêu xác định cách thức để EU có thể thích ứng với những tác động không tránh khỏi của biến đổi khí hậu và trở thành khu vực có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu vào năm 2050. Cũng trong Chiến lược, chuỗi 14 hành động cụ thể cùng các bước đi cần thiết đã được nhận diện nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đặt ra.

Phong trào khí hậu EU (The European Climate Pact): Phong trào khí hậu EU là diễn đàn kết nối người dân EU trong mục tiêu xây dựng một EU bền vững về khí hậu, được Ủy ban châu Âu thiết lập như một phần của Thỏa thuận Xanh, công bố ngày 9/12/2020.

Ngoại giao khí hậu (Climate Diplomacy): Ngoại giao khí hậu là một chùm các chính sách thống nhất của EU trong hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu, trong đó đáng chú ý có (i) Các hành động toàn cầu (hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu – các COP, Công ước Paris, Công ước Kyoto, Hiệp định Marrakesh...); (ii) Các hành động song phương (hiện đã có với Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Nam Phi, Mỹ Latin và Caribbean); (iii) Các khoản hỗ trợ tài chính (dự kiến đóng góp tài chính của EU theo các chiến lược, quỹ, chương trình tài chính quốc tế cho biến đổi khí hậu).



2.2 Lĩnh vực Môi trường và Đại dương

Các chính sách xanh trong lĩnh vực này bao gồm các biện pháp, hành động của EU nhằm hiện thực hóa các mục tiêu liên quan trong Thỏa thuận Xanh, bao gồm:

- Bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái;
- Giảm ô nhiễm không khí, nước và đất;
- Hướng tới nền kinh tế tuần hoàn;
- Cải thiện hiệu quả quản lý rác thải;
- Bảo đảm tính bền vững của kinh tế biển và hoạt động đánh bắt cá.

Cũng trong khuôn khổ này, để thực hiện mục tiêu không phát thải ròng vào năm 2050 của Thỏa thuận Xanh, EU cũng đặt ra một số chỉ tiêu trung gian đến năm 2030, trong đó đáng chú ý có:

- Cải thiện chất lượng không khí để giảm 55% số ca tử vong sớm do ô nhiễm không khí;
- Cải thiện chất lượng nước bằng cách giảm rác thải, rác nhựa trên biển (giảm 50%) và hạt vi nhựa thải ra môi trường (giảm 30%);
- Cải thiện chất lượng đất bằng cách giảm 50% thất thoát chất dinh dưỡng và sử dụng thuốc trừ sâu hóa học.

Để triển khai hiện thực hóa các mục tiêu và chỉ tiêu này, EU đã và đang thực hiện một loạt chính sách cụ thể như được tóm tắt dưới đây.

Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn mới (The new Circular Economy Action Plan - CEAP)

Để thực hiện các mục tiêu liên quan trong Thỏa thuận Xanh, một bản Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP) mới, thay thế cho CEAP đã có hiệu lực từ 2015 trước đó, đã được Ủy ban châu Âu thông qua ngày 11/3/2020.

Về *mục tiêu*, CEAP 2020 hiện thực hóa các mục tiêu của Thỏa thuận Xanh thông qua việc bổ sung một loạt các biện pháp mới (so với CEAP trước) nhằm:

- Chuyển các tiêu chuẩn về sản phẩm bền vững từ khuyến khích sang yêu cầu bắt buộc ở EU;
- Trao quyền cho người tiêu dùng (công và tư) trong các lựa chọn sản phẩm bền vững;
- Giảm rác thải từ các sản phẩm tiêu dùng;
- Thúc đẩy sự tham gia của tất cả các chủ thể trong EU, ngoài EU trong thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Về *nội dung*, CEAP 2020 bao gồm các sáng kiến, biện pháp chính sách thực hiện kinh tế tuần hoàn trong suốt vòng đời sản phẩm. Các biện pháp này quy định về:

- Cách thức các sản phẩm được thiết kế, sản xuất, thương mại theo một chu trình tuần hoàn;
- Khuyến khích tiêu dùng bền vững;
- Ngăn chặn rác thải;
- Lưu giữ các nguồn lực tự nhiên tại EU càng lâu càng tốt.



Chiến lược hóa chất vì sự bền vững (Chemicals strategy for sustainability)

Chiến lược hóa chất vì sự bền vững do Ủy ban châu Âu công bố ngày 14/10/2020 là một hành động nhằm hướng tới mục tiêu không ô nhiễm, một trong các nội dung bản lề của Thỏa thuận Xanh EU.

Về mục tiêu, Chiến lược này hướng tới việc:

- Cấm việc sử dụng các hóa chất độc hại nhất trong các sản phẩm tiêu dùng, chỉ cho phép sử dụng trong sản xuất khi thật cần thiết;
- Tính đến các tác động tổng hợp của các loại hóa chất khi đánh giá rủi ro;
- Xác định lộ trình đi tới cấm hẳn chất PFAS ở EU, trừ trong trường hợp thật cần thiết;
- Thúc đẩy đầu tư, tăng năng lực sáng tạo trong sản xuất và sử dụng hóa chất an toàn, bền vững;
- Thiết lập quy trình “một chất một đánh giá” trong đánh giá rủi ro và nguy hại của hóa chất.

Về thực thi, trong khuôn khổ Chiến lược này, một số văn bản chứa quy định pháp luật liên quan tới hóa chất của EU đã/sẽ được sửa đổi, bổ sung mới, trong đó đáng chú ý là các tiêu chuẩn mới liên quan tới hóa chất (xem chi tiết tại Chương II Báo cáo này).

Rác thải và tái chế (Waste and recycling)

Các chính sách về rác thải của EU được thiết kế nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, đóng góp vào kinh tế tuần hoàn thông qua việc (i) cải thiện năng lực quản lý rác thải; (ii) tạo động lực cho các sáng tạo trong tái chế; và (iii) hạn chế các bãi rác thải.

Các chính sách cơ bản trong nhóm này bao gồm:

- Chỉ thị khung của EU về Rác thải (The Waste Framework Directive): Khung khổ pháp lý cơ bản về xử lý và quản lý rác thải ở EU
- Các văn bản pháp lý về quản lý rác thải trong một số khía cạnh, lĩnh vực đặc thù, trong đó đáng chú ý có:
 - Quy định của EU về pin và ắc quy (EU rules on batteries and accumulators);
 - Một số quy định về tiêu chuẩn mới, nâng cấp liên quan tới một số chất sử dụng trong hàng hóa, yêu cầu đối với bao bì đóng gói (xem chi tiết tại Chương II Báo cáo này).

Một số nhóm chính sách khác

Được Ủy ban châu Âu xếp vào nhóm các mục tiêu Thỏa thuận Xanh trong lĩnh vực môi trường và đại dương còn có một số chính sách khác, tuy nhiên chủ yếu tập trung vào các vấn đề nội bộ của EU, ít tác động tới nhập khẩu từ nước ngoài vào khu vực này. Cụ thể:

- *Chiến lược đa dạng sinh học đến 2030* (Biodiversity strategy for 2030): Chiến lược được công bố ngày 20/5/2020 này là một kế hoạch tổng thể, tham vọng và dài hơi nhằm bảo vệ thiên nhiên và đảo ngược quá trình thoái hóa của hệ sinh thái ở EU với 03 nhóm hành động liên quan tới (i) Mở rộng danh mục các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học của EU; (ii) Công bố kế hoạch bảo tồn thiên nhiên EU (với Luật Bảo tồn thiên nhiên EU); (iii) Bổ sung các biện pháp thúc đẩy thay đổi (các quỹ phục vụ đa dạng sinh học, cơ chế quản trị mới...);
- *Chương trình hành động môi trường đến năm 2030* (Environment action programme to 2030): Có hiệu lực từ 2/5/2022, Chương trình này bao gồm các chính sách môi trường đến năm 2030 có giá trị pháp lý bắt buộc của EU;



- *Kế hoạch hành động “Hướng tới mục tiêu không ô nhiễm không khí, đất và nước”* (the EU Action Plan: “Towards a Zero Pollution for Air, Water and Soil”): Được công bố ngày 12/5/2021, Kế hoạch này bao gồm (i) Chiến lược hóa chất bền vững; (ii) Các biện pháp nhằm theo dõi và kiểm soát ô nhiễm không khí, nước, đất ở EU; và (iii) Sửa đổi các biện pháp xử lý ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất công nghiệp lớn ở EU;
- *Chương trình về Kinh tế biển bền vững* (Sustainable blue economy): Được công bố vào 17/5/2021, Chương trình này thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu, kỹ năng và sáng tạo nhằm thúc đẩy kinh tế biển mà không ảnh hưởng môi trường;
- *Quy định của EU về Pin* (Batteries Regulation): Quy định này của EU được thông qua ngày 12/7/2023, sẽ thay thế hoàn toàn Chỉ thị của EU về Pin bền vững (Batteries Directive) hiện hành từ năm 2025, với nội dung chủ yếu là cập nhật các quy định theo mục tiêu mới trong Thỏa thuận Xanh, thúc đẩy giảm thiểu tác động của việc sử dụng pin tới môi trường trong bối cảnh thị trường, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội mới;
- *Chính sách về khai thác hải sản chung* (Common fisheries policy - CFP): Được ban hành ngày 21/2/2023, Chính sách này bao gồm các quy tắc nhằm bảo đảm khai thác và bảo tồn nguồn lợi hải sản EU, trong đó có các khía cạnh về (i) Bảo vệ hệ sinh thái biển; (ii) Chuyển đổi năng lượng trong ngành hải sản EU; (iii) Mô hình mới trong quản lý thị trường hải sản ở EU.

2.3 Lĩnh vực Nông nghiệp

Các chính sách của Thỏa thuận Xanh trong lĩnh vực nông nghiệp hướng tới mục tiêu:

- Bảo đảm an ninh lương thực trong bối cảnh biến đổi khí hậu và sụt giảm đa dạng sinh học;
- Giảm ảnh hưởng của hệ thống lương thực EU tới khí hậu và môi trường;
- Tăng khả năng chống chịu của hệ thống lương thực EU;
- Thúc đẩy chuyển đổi toàn cầu theo cạnh tranh bền vững từ trang trại đến bàn ăn.

Dưới đây là tóm tắt các chính sách cụ thể nhằm triển khai các mục tiêu Thỏa thuận Xanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Phần lớn các chính sách này tập trung vào các vấn đề nông nghiệp nội bộ của EU, ít tác động tới việc nhập khẩu nông sản, thực phẩm từ bên ngoài vào EU.

Chiến lược “Từ nông trại đến bàn ăn” (Farm to Fork Strategy)

Chiến lược “Từ nông trại đến bàn ăn” (F2F) được Ủy ban châu Âu công bố ngày 20/5/2020 với mục tiêu chính là đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi của EU sang hệ thống lương thực bền vững.

Chiến lược này bao gồm một chuỗi các hành động cụ thể nhằm xây dựng một hệ thống lương thực công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường, trong đó đáng chú ý có:

- Xây dựng khung pháp lý về hệ thống lương thực bền vững (FSFS): dự kiến sẽ được Ủy ban châu Âu thông qua vào cuối năm 2023;
- Kế hoạch dự phòng về cung ứng lương thực và an ninh lương thực (công bố ngày 12/11/2021): xác định các khía cạnh cần cải thiện nhằm bảo đảm an ninh lương thực của EU trong giai đoạn khủng hoảng (với các kinh nghiệm từ đại dịch COVID-19) và thiết lập Cơ chế phản ứng và sẵn sàng trước khủng hoảng lương thực EU (European Food Security Crisis preparedness and response Mechanism - EFSCM);
- Các hành động pháp lý cụ thể (sửa đổi các văn bản, quy định pháp luật liên quan) nhằm thực hiện các mục tiêu của Chiến lược (ví dụ giảm 50% việc sử dụng và rủi ro từ hóa chất bảo vệ thực vật vào năm 2030, đạt tỷ lệ 25% diện tích đất nông nghiệp canh tác hữu cơ...).



Việc triển khai các kế hoạch hành động thực thi Chương trình này, đặc biệt là các sửa đổi, điều chỉnh các quy định pháp luật của EU liên quan, được cho là sẽ dẫn tới các tiêu chuẩn khắt khe hơn của EU đối với sản xuất nông nghiệp, thực phẩm (về sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, về mức độ tồn dư hóa chất cho phép trong các sản phẩm nông sản, thực phẩm...) trong nội khối cũng như đối với sản phẩm nước ngoài nhập khẩu vào EU.

Một số nhóm chính sách khác liên quan tới nông nghiệp

- *Chính sách nông nghiệp chung* (Common Agricultural Policy - CAP): Thực hiện Thỏa thuận Xanh trong lĩnh vực nông nghiệp, EU đã có một số hành động cụ thể liên quan tới Chính sách này, bao gồm (i) Cải cách CAP theo cách tiếp cận mới linh hoạt, dựa trên kết quả cuối cùng, có tính đến các nhu cầu/đặc điểm cụ thể của địa phương và phù hợp với các mục tiêu Thỏa thuận xanh; (ii) Thiết lập các tiêu chí mới cho việc lập và triển khai các Kế hoạch chiến lược CAP của các quốc gia thành viên;
- *Kế hoạch hành động Hữu cơ* (Organic Action Plan): EU đã cập nhật việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Hữu cơ theo 03 trục với 23 hành động cụ thể, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung một số quy định, nguyên tắc liên quan tới việc sản xuất, phân phối, tiếp thị các sản phẩm hữu cơ trên thị trường EU.

2.4 Một số lĩnh vực khác

Ngoài khí hậu, môi trường – đại dương và nông nghiệp, Thỏa thuận Xanh EU còn đề cập tới các mục tiêu chính sách xanh trong nhiều lĩnh vực khác (Công nghiệp, Năng lượng, Giao thông, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính, Xây dựng...). Hầu hết các nội dung được Ủy ban châu Âu phân nhóm vào các lĩnh vực này đều là các chính sách chỉ liên quan tới các chủ thể EU trên lãnh thổ EU và/hoặc là vấn đề nội bộ của EU và các nước thành viên Khối này.

Sau đây là tóm tắt ngắn gọn các nội dung cơ bản của Thỏa thuận Xanh trong một số lĩnh vực tiêu biểu thuộc nhóm này.

Năng lượng

Sản xuất và tiêu thụ năng lượng chiếm tới hơn 75% lượng phát thải khí nhà kính ở EU. Do đó, trung hòa carbon trong hệ thống năng lượng EU là công việc quan trọng với EU để thực hiện các mục tiêu khí hậu trong Thỏa thuận Xanh.

Chính sách xanh trong lĩnh vực năng lượng của EU đang được EU triển khai tích cực, với một loạt các chính sách lớn, trong đó đáng chú ý có:

- *Chiến lược hòa nhập về năng lượng của EU* (EU strategy on energy system integration): công bố ngày 8/7/2020, với các hành động nhằm (i) thúc đẩy kết nối các nguồn năng lượng (điện, gas, xăng dầu...) với nhau và với các nguồn sử dụng (các tòa nhà, phương tiện giao thông, sản xuất công nghiệp...); (ii) tạo điều kiện phát triển công nghệ, số hóa, mô hình thị trường liên quan tới việc kết nối;
- *Các sáng kiến Điện lưới thông minh*, sử dụng các công nghệ thông tin và truyền thông để tối ưu việc truyền dẫn, phân phối điện năng giữa nhà sản xuất và hộ tiêu thụ, hợp nhất cơ sở hạ tầng điện với cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc;
- *Kế hoạch hành động số hóa năng lượng EU* (EU action plan for digitalisation of energy): Được công bố 10/2022, kế hoạch này gồm các biện pháp nhằm (i) tận dụng công nghệ thông tin để tăng minh



bạch và hiệu quả kiểm soát tiêu thụ năng lượng của người dân và các cơ quan, tổ chức; (ii) thông qua các văn bản pháp luật để bảo vệ tốt hơn an ninh hệ thống mạng công nghệ thông tin về năng lượng. Hiện đã có 25 hành động cụ thể của EU triển khai các mục tiêu trong Kế hoạch này;

- *Chiến lược khí hydro EU* (EU Hydrogen strategy): Chiến lược này được công bố 8/7/2020, bao gồm các chính sách trong 05 khía cạnh (đầu tư, sản xuất và cầu, thị trường và cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và hợp tác quốc tế). Tính tới Quý I năm 2022, đã có 20 hành động cụ thể đang triển khai Chiến lược này. Đồng thời gói Fit for 55 cũng bao gồm nhiều đề xuất pháp luật đáng chú ý để cụ thể hóa Chiến lược này;
- *Chiến lược về năng lượng tái tạo ngoài khơi EU* (EU strategy on offshore renewable energy): Chiến lược được công bố ngày 19/11/2020 này đặt ra các mục tiêu về sản lượng năng lượng gió, đại dương của EU vào năm 2030, 2050 và các chính sách định hướng để đạt được các mục tiêu này;
- *Chiến lược EU về khí metan* (EU's methane strategy): Được công bố 10/2020, Chiến lược này gồm các giải pháp nhằm giảm việc phát thải khí metan trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp và phát thải.

Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp là lĩnh vực được xác định là nguồn phát thải lớn, do đó việc thực thi các mục tiêu của Thỏa thuận Xanh cần huy động sự tham gia chuyển đổi tích cực và triệt để của tất cả các lĩnh vực công nghiệp của EU.

Cho tới nay, EU đã có nhiều chính sách, hành động mạnh trong lĩnh vực này, trong đó có:

- *Chiến lược công nghiệp EU* (European industrial strategy): Chiến lược này được công bố 10/3/2020, cập nhật ngày 11/5/2021, với 03 thành tố chính là (i) bảo đảm khả năng chống chịu của EU; (ii) Tăng cường năng lực tự chủ chiến lược; (iii) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi song song; ngày 1/2/2023 tiếp tục được bổ sung với Kế hoạch công nghiệp theo Thỏa thuận Xanh (The Green Deal Industrial Plan);
- *Thành lập một loạt Liên minh* (mô hình phối kết hợp công-tư) nhằm thúc đẩy các mục tiêu chuyển đổi xanh trong các lĩnh vực công nghiệp cụ thể, ví dụ Liên minh Pin EU (European Battery Alliance), Liên minh Nguyên liệu thô EU (European Raw Materials Alliance), Liên minh Khí hydro sạch EU (European Clean Hydrogen Alliance), Liên minh Nhựa tuần hoàn (Circular Plastics Alliance)...

Giao thông

Trong lĩnh vực giao thông, các chính sách xanh hướng tới mục tiêu thiết lập hệ thống giao thông hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường ở EU.

02 Chương trình đáng chú ý của EU trong lĩnh vực này gồm:

- *Chiến lược giao thông thông minh và bền vững* (Sustainable and Smart Mobility Strategy):
 - Chiến lược này đưa ra một kế hoạch hành động gồm 82 sáng kiến nhằm thực hiện mục tiêu giảm 90% lượng phát thải khí nhà kính từ giao thông vận tải vào năm 2050.
 - Các sáng kiến này tập trung vào việc (i) giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch (thông qua việc sử dụng các phương tiện phát thải thấp/không phát thải, sử dụng nhiên liệu tái tạo); (ii) thúc đẩy việc sử dụng các phương tiện giao thông bền vững (thông qua việc ưu tiên sử dụng đường sắt, các phương tiện công cộng để di chuyển), vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, đường thủy nội địa và đường biển tuyến ngắn; (iii) tăng trách nhiệm của người gây ô nhiễm, người sử dụng nguồn gây ô nhiễm (cơ chế định giá carbon, phí cơ sở hạ tầng...).
- *Dự án Tàu cao tốc kết nối EU* (Connecting Europe Express).



Tài chính

Để đạt được các mục tiêu đặt ra trong Thỏa thuận Xanh, EU đã và đang có các hành động cụ thể để huy động nguồn tài chính nhằm triển khai các chương trình, chính sách xanh trong các lĩnh vực, khía cạnh liên quan.

Với mục tiêu đầy tham vọng là huy động ít nhất 1000 tỷ euro vào các khoản đầu tư bền vững trong thập kỷ tới, EU đã và đang triển khai nhiều chương trình tài chính xanh (phần lớn trong số đó chỉ dành cho tổ chức, cá nhân EU nhưng cũng có một số khía cạnh mở ra cho các hoạt động xanh ngoài EU), ví dụ:

- *Chương trình Trái phiếu xanh Thế hệ mới* (NextGenerationEU green bonds);
- *Chương trình Hỗ trợ tái hồi phục và chống chịu* (Recovery and Resilience Facility);
- *Chương trình Điều chỉnh công bằng* (Just Transition Mechanism);
- *Chương trình Hỗ trợ cải cách chuyển đổi xanh* (Green transition reform support).

Nghiên cứu và Sáng tạo

Để triển khai Thỏa thuận Xanh, nghiên cứu và sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong tìm kiếm, thúc đẩy các phương thức chuyển đổi, phát triển các giải pháp giảm rủi ro trong lĩnh vực này, EU có một số chương trình đáng chú ý sau:

- *Chương trình Đường chân trời EU* (Horizon Europe): Chương trình nghiên cứu – sáng tạo EU giai đoạn 2021-2027 này bao gồm một loạt các sáng kiến hợp tác trong thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo ở EU;
- *Các nguyên tắc về nghiên cứu – sáng tạo xanh* (Green research and innovation rules): Bao gồm các nguyên tắc phải tuân thủ trong quy trình rà soát, thẩm định xây dựng các văn bản pháp luật, chính sách mới của EU để bảo đảm rằng các quy định mới này tạo thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục tiêu chuyển đổi xanh trong lĩnh vực liên quan.

Tóm lại, Thỏa thuận Xanh EU là một gói bao gồm nhiều chính sách xanh với các định hướng mục tiêu liên hoàn nhằm giúp EU trở thành khu vực trung hòa về phát thải, giảm thiểu việc sử dụng nguồn lực tự nhiên. Các biện pháp, hành động cụ thể thực thi Thỏa thuận Xanh đang được EU tích cực soạn thảo, ban hành và áp dụng, đặc biệt trong các lĩnh vực mà EU đánh giá là có liên quan mật thiết tới tình trạng biến đổi khí hậu như nông nghiệp, khí hậu, môi trường... Thỏa thuận Xanh EU vì vậy là một chương trình dài hơi, liên tục được bổ sung, điều chỉnh, với các tác động cụ thể khác biệt lên các nhóm đối tượng. Do đó, Thỏa thuận Xanh EU cần được xem xét như là một tổng thể và với diễn tiến được cập nhật thường xuyên.



02

TÁC ĐỘNG CỦA THỎA THUẬN XANH
TỚI XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM
SANG EU





I. Các chính sách xanh của EU có tác động tới hàng hóa nhập khẩu

Như đã trình bày trong Chương I, các nội dung cơ bản của Thỏa thuận Xanh và các chính sách thực thi liên quan bao trùm nhiều lĩnh vực, với rất nhiều các nội dung chi tiết. Trong đó, nhiều nội dung chỉ liên quan tới các chủ thể ở EU, không ảnh hưởng hay tác động tới các chủ thể hay hoạt động ngoài EU.

Tuy nhiên, một số chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU có phạm vi điều chỉnh là/bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào thị trường EU.

Dưới đây là tóm tắt các chính sách xanh đáng chú ý của EU có ảnh hưởng tới hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào EU đã được triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh tính tới thời điểm hiện tại (10/2023), trong đó tập trung vào các chính sách ảnh hưởng tới các nhóm hàng hóa xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam vào thị trường này.

1 Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” (Chiến lược F2F)

Chiến lược "Từ trang trại đến bàn ăn" được Ủy ban châu Âu công bố ngày 20/5/2020, và được xem là giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu xây dựng hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường trong Thỏa thuận Xanh.

Về mục tiêu, Chiến lược F2F hướng tới 04 mục tiêu lớn là ngăn chặn chất thải và lãng phí thực phẩm, sản xuất thực phẩm bền vững, phân phối và xử lý thực phẩm bền vững, và tiêu thụ thực phẩm bền vững.

Liên quan tới khía cạnh sản xuất bền vững, Chiến lược F2F đặt ra các chỉ tiêu rất cao cho mốc năm 2030, gồm:

- Giảm 50% lượng sử dụng cũng như rủi ro từ các loại thuốc bảo vệ thực vật hóa học và giảm 50% lượng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nguy hiểm;
- Giảm thất thoát chất dinh dưỡng ít nhất 50% trong khi không làm suy giảm độ phì nhiêu của đất;
- Giảm sử dụng phân bón ít nhất 20%;
- Giảm 50% doanh số bán thuốc kháng sinh cho vật nuôi và nuôi trồng thủy sản;
- Đạt tỷ lệ 25% diện tích đất nông nghiệp được canh tác hữu cơ.



Để thực thi Chiến lược F2F, một Kế hoạch hành động với lộ trình cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược đã được xác định và triển khai trên thực tế, trong đó có một số hành động đáng chú ý có ảnh hưởng tới hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam.

Bảng 1 Một số bước đáng chú ý trong lộ trình thực hiện Chiến lược F2F

Lộ trình	Hành động
Q2 2022	Sửa đổi quy định về Sử dụng bền vững thuốc trừ sâu để giảm đáng kể rủi ro và sự phụ thuộc vào thuốc trừ sâu và tăng cường quản lý dịch hại tổng hợp Sửa đổi các quy tắc để tạo điều kiện đưa ra thị trường các loại thuốc trừ sâu sinh học
Q3 2022	Sửa đổi các tiêu chuẩn tiếp thị của EU đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản để đảm bảo tiêu thụ và cung cấp các sản phẩm bền vững
Q4 2022	Sửa đổi luật phụ gia thức ăn chăn nuôi để giảm tác động môi trường của chăn nuôi Chi dẫn về nguồn gốc đối với một số sản phẩm Hài hòa hóa việc ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc trên mặt trước của bao bì sản phẩm Sửa đổi các quy tắc về cách xác định hạn sử dụng (ngày “sử dụng trước” và “sử dụng tốt nhất trước”) để giảm lãng phí thực phẩm
Q2 2023	Sửa đổi quy định về Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm để cải thiện an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe của người dân và giảm tác động tới môi trường
Q4 2023	Khung ghi nhãn thực phẩm bền vững nhằm giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn thực phẩm bền vững Sửa đổi một số quy định về phúc lợi động vật để mở rộng phạm vi và đảm bảo mức độ phúc lợi động vật cao hơn

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI

Có thể thấy trong số các hành động được dự kiến, có nhiều biện pháp pháp lý (sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật bắt buộc) liên quan tới tiêu chuẩn, chất lượng, cách thức tiếp thị... của nông sản thực phẩm (Sẽ trình bày cụ thể hơn tại Chương III Báo cáo này). Các quy định này được áp dụng đồng thời cho các sản phẩm của EU và sản phẩm nhập khẩu từ bên ngoài vào EU. Do đó, hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông sản, thực phẩm vào EU cần đặc biệt quan tâm tới các biện pháp này.



2 Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP)

Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn (Circular economy action plan – CEAP) là một phần của quan trọng của Thỏa thuận Xanh, được đưa ra vào tháng 3/2020, nhằm mục tiêu xây dựng nền kinh tế xanh, sạch, tuần hoàn, đồng thời biến các sản phẩm bền vững trở thành tiêu chuẩn tại EU. Kế hoạch mới này thay thế cho CEAP đã có hiệu lực từ 2015 trước đó.

Đây là một trong những gói giải pháp thực hiện Thỏa thuận Xanh có ảnh hưởng trực tiếp và trên diện rộng nhất đối với việc sản xuất, sử dụng, thải bỏ các sản phẩm hàng hóa ở EU, trong đó có các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài vào EU.

Về phạm vi, CEAP bao gồm 35 hành động (actions) cụ thể liên quan tới các biện pháp thực hành sản phẩm tuần hoàn trong 07 chuỗi giá trị sản phẩm, gồm: Điện tử và các sản phẩm công nghệ thông tin (ICT), Pin và phương tiện vận tải, Bao bì đóng gói, Nhựa, Dệt may, Xây dựng và các tòa nhà, Thực phẩm nước uống và các sản phẩm dinh dưỡng. Đây là các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên đồng thời cũng có tiềm năng tuần hoàn cao.

Hộp 4

Tóm lược các hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn trong 07 chuỗi sản phẩm liệt kê trong CEAP

1. Sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin (Electronics and ICT)

- Quản lý các sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin (CNTT) theo Chỉ thị về thiết kế sinh thái (Ecodesign Directive) để các thiết bị được thiết kế theo hướng tiết kiệm năng lượng, có độ bền cao, có thể sửa chữa, nâng cấp, bảo trì, tái sử dụng và tái chế;
- Tập trung thực hiện “quyền được sửa chữa” (bao gồm quyền cập nhật phần mềm cũ) đối với các sản phẩm điện tử, CNTT;
- Quản lý bộ sạc dành cho điện thoại di động và các thiết bị tương tự;
- Thu gom, xử lý chất thải từ các thiết bị điện và điện tử theo các phương án thu hồi trên toàn lãnh thổ EU;
- rà soát các quy định của EU về việc hạn chế các chất độc hại trong các thiết bị điện và điện tử.

2. Pin và phương tiện vận tải (Batteries and vehicles)

Pin: Xây dựng khung pháp lý mới đối với pin, với các nội dung:

- Quy định về hàm lượng tái chế; các biện pháp cải thiện tỷ lệ thu gom và tái chế tất cả các loại pin;
- Xử lý vấn đề về pin không sạc lại được (non-rechargeable batteries), tiến tới loại bỏ các loại pin này, thay thế bằng các loại khác thích hợp;
- Minh bạch thông tin về tính bền vững của pin (lượng khí thải carbon trong quá trình sản xuất pin, nguồn cung ứng nguyên liệu, tạo điều kiện tái sử dụng và tái chế pin).



Phương tiện vận tải

- Sửa đổi các quy định về phương tiện hết hạn sử dụng (end-of-life vehicles);
- Xem xét các quy định về hàm lượng tái chế bắt buộc đối với một số vật liệu nhất định, và nâng cao hiệu quả tái chế.

3. Bao bì đóng gói (Packaging)

Rà soát sửa đổi Chỉ thị 94/62/EC theo hướng:

- Giảm bao bì đóng gói và chất thải bao bì;
- Thúc đẩy thiết kế hướng tới tái sử dụng và tái chế bao bì, hạn chế bao bì đối với các sản phẩm không cần đóng gói;
- Giảm thiểu mức độ phức hợp (complexity) của vật liệu đóng gói (giảm số lượng các vật liệu và polyme sử dụng trong một bao bì để tạo điều kiện cho tái chế).

Một số hành động khác

- Đánh giá tính khả thi của việc dán nhãn trên toàn EU để thuận tiện khi phân loại rác thải bao bì chính xác tại nguồn;
- Thiết lập các quy tắc để tái chế an toàn các vật liệu nhựa tiếp xúc với thực phẩm (ngoại trừ nhựa PET).

4. Nhựa (Plastics)

Các yêu cầu bắt buộc về hàm lượng tái chế và các biện pháp giảm thiểu chất thải bao bì, vật liệu xây dựng và phương tiện giao thông;

Xử lý các hạt vi nhựa trong môi trường:

- Hạn chế các hạt vi nhựa được cố ý thêm vào;
- Xây dựng các biện pháp ghi nhãn, tiêu chuẩn hóa, chứng nhận và quản lý đối với việc vô tình phát tán hạt vi nhựa;
- Phát triển, thống nhất các phương pháp đo lường hạt vi nhựa vô tình bị phát tán (đặc biệt là từ lốp xe và từ hàng dệt may).

Phát triển các khung chính sách về tính bền vững:

- Dán nhãn và sử dụng nhựa sinh học;
- Sử dụng nhựa phân hủy sinh học hoặc nhựa có thể phân hủy.

Thúc đẩy thực thi Chỉ thị mới về Sản phẩm nhựa sử dụng một lần, đặc biệt:

- Diễn giải các sản phẩm thuộc phạm vi của Chỉ thị;
- Dán nhãn các sản phẩm như thuốc lá, cốc đựng đồ uống, khăn ướt và đảm bảo nắp dính liền thân chai để tránh xả rác;
- Xây dựng các quy tắc mới về đo lường hàm lượng tái chế trong sản phẩm.



5. Dệt may (Textiles)

Thực hiện các mục tiêu của Chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững qua các biện pháp:

- Áp dụng khung sản phẩm bền vững mới cho hàng dệt may (thiết kế sinh thái, xử lý các hóa chất độc hại, quyền lựa chọn của chủ thể tiêu dùng);
- Ưu đãi và hỗ trợ cho các vật liệu và quy trình sản xuất tuần hoàn;
- Hướng dẫn các nước thành viên EU thực hiện mục tiêu thu gom rác thải dệt may vào năm 2025;
- Tăng cường phân loại, tái sử dụng và tái chế hàng dệt may.

6. Xây dựng và các tòa nhà (Construction and buildings)

Thúc đẩy các nguyên tắc tuần hoàn trong suốt vòng đời của các tòa nhà bằng cách:

- Các yêu cầu về hàm lượng tái chế đối với một số sản phẩm xây dựng;
- Thúc đẩy cải thiện độ bền và khả năng thích ứng của các công trình xây dựng;
- Xem xét tiêu chí đánh giá vòng đời trong mua sắm công và khuôn khổ tài chính bền vững của EU;
- Sửa đổi các mục tiêu thu hồi vật liệu đối với chất thải xây dựng.

7. Thực phẩm, nước uống và các sản phẩm dinh dưỡng (Food, water and nutrients)

- Sáng kiến về việc tái sử dụng nhằm thay thế bao bì, bộ đồ ăn và dao kéo sử dụng một lần bằng các sản phẩm có thể tái sử dụng trong dịch vụ thực phẩm (food service);
- Kế hoạch quản lý dinh dưỡng tổng hợp;
- Quy định mới khuyến khích tái sử dụng nước trong nông nghiệp và công nghiệp.

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ Văn kiện CEAP

Về thực thi, phần lớn trong 35 hành động dự kiến nói trên được triển khai thông qua việc sửa đổi các quy định pháp luật tương ứng của EU theo hướng nâng cao, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (TBT) liên quan đối với các sản phẩm được liệt kê (tiêu chuẩn về đặc tính sản phẩm, về quy trình đóng gói, về cách thức ghi nhãn ...) hoặc các yêu cầu đối với việc xử lý rác thải sau tiêu dùng.



Sau đây là một số nhóm biện pháp thực thi đã được EU triển khai trong khuôn khổ CEAP có tác động đáng kể tới hàng hóa nhập khẩu vào EU:

- *Chiến lược EU về Dệt may* (Sẽ trình bày cụ thể hơn trong Chương III của Báo cáo này)
- *Dự thảo quy định về Trao quyền cho người tiêu dùng trong thực hiện chuyển đổi xanh* (Proposal for empowering the consumer for the green transition)

Tiến trình: Dự thảo được công bố bởi Ủy ban châu Âu vào đầu năm 2022, hiện đang trong quá trình tham vấn xem xét bởi Hội đồng châu Âu và Nghị viện châu Âu để thông qua.

Nội dung: Nội dung Dự thảo bao gồm các dự kiến sửa đổi pháp luật hiện hành nhằm giúp người tiêu dùng EU được thông tin đầy đủ hơn về sản phẩm, từ đó có thể thực hiện các lựa chọn tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường. Cụ thể, nhà sản xuất và thương nhân sẽ phải (i) cung cấp nhiều thông tin chi tiết hơn về độ bền, khả năng sửa chữa và tính bền vững của sản phẩm; (ii) từ bỏ các hành vi buộc sản phẩm trở thành lỗi thời sớm¹ và (iii) bảo đảm chỉ sử dụng các nhãn bền vững đã được kiểm chứng.

- *Dự thảo Quy định mới về Thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững* (Proposal for a new Ecodesign for Sustainable Products Regulation)

Tiến trình: Dự thảo Quy định mới đã được công bố vào 3/2022, hiện đang trong quá trình tham vấn xem xét bởi Hội đồng châu Âu và Nghị viện châu Âu để thông qua. Khi được thông qua, Quy định sẽ có hiệu lực ngay, tuy nhiên các yêu cầu cụ thể về thiết kế sinh thái cho từng nhóm mặt hàng thì sẽ được quy định trong các văn bản hướng dẫn (delegated acts) – EU dự kiến sẽ có khoảng 30 văn bản hướng dẫn mới cho Quy định này được soạn thảo từ nay tới 2030.

Nội dung:

- *Về phạm vi:* Dự thảo này nhằm thay thế Chỉ thị về Nhãn sinh thái (Ecodesign Directive) hiện đang áp dụng ở EU, dự kiến sẽ (i) điều chỉnh tất cả các sản phẩm chế biến chế tạo trừ thực phẩm, dược phẩm, các loại thức ăn gia súc, động thực vật (thay vì chỉ các sản phẩm có liên quan tới năng lượng trong Chỉ thị hiện hành); và (ii) thực hiện theo các quy định thống nhất trên toàn EU (thay vì theo quy định riêng của từng nước thành viên trong Chỉ thị hiện hành);
- *Về các quy định:* Dự thảo dự kiến sẽ (i) đặt ra các yêu cầu cụ thể về thiết kế sinh thái theo từng nhóm sản phẩm để thích hợp với đặc điểm vòng đời của mỗi nhóm thông qua các tiêu chí tối thiểu để đảm bảo sản phẩm bền, tin cậy, có thể tái sử dụng, có thể sửa chữa, tiết kiệm năng lượng và có một số bộ phận có thể tái chế; (ii) hướng dẫn các khả năng tân trang, tái chế, khôi phục sản phẩm; (iii) quy định về “hộ chiếu sản phẩm” dạng số (theo đó mỗi sản phẩm đều phải có một “hộ chiếu” số hóa cho phép tra cứu các thông tin liên quan tới sản phẩm.

¹ Ví dụ đối với các sản phẩm điện tử, nhà sản xuất có thể thiết kế các ứng dụng, cập nhật mới mà chỉ thích hợp với các mẫu sản phẩm mới, từ đó thúc đẩy người dùng phải bỏ sản phẩm mẫu cũ để mua sản phẩm mẫu mới.



- **Các quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer responsibility - EPR)**
 - Chương trình EPR vốn là một công cụ chính sách để thực hiện Chỉ thị của EU về rác thải (Waste Framework Directive) và Chỉ thị về đóng gói và rác thải bao bì (Packaging and Packaging Waste Directive), theo đó các nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm tài chính một phần hoặc toàn bộ cho việc xử lý rác thải từ quá trình sử dụng sản phẩm của mình thông qua việc nộp một khoản phí tương ứng cho quốc gia nơi phải xử lý các rác thải này. Mục tiêu của EPR là buộc nhà sản xuất phải suy nghĩ và tìm biện pháp (trong thiết kế và sản xuất) để hạn chế tối thiểu lượng rác thải sinh ra từ việc sử dụng sản phẩm.

EPR hiện đã và đang áp dụng ở EU, tuy nhiên, chỉ giới hạn ở một số nhóm sản phẩm (ví dụ pin, ắc quy, phương tiện vận tải...).
 - Trong khuôn khổ thực thi Thỏa thuận Xanh, Chương trình EPR có thể được điều chỉnh để mở rộng về phạm vi (ví dụ áp dụng cho rác thải từ bao bì của tất cả các sản phẩm) và về tiến độ (tới hết năm 2024, dự kiến tất cả các nước thành viên EU sẽ có kế hoạch riêng về EPR đối với rác thải bao bì, áp dụng cho các sản phẩm nội địa hoặc nước ngoài nhập khẩu và tiêu thụ tại thị trường nước mình).

Đáng chú ý là quy định trong các Chương trình này phần lớn áp dụng cho tất cả các sản phẩm liên quan (không phân biệt nội khối EU hay nhập khẩu từ bên ngoài), một số trường hợp chỉ áp dụng cho sản phẩm nhập khẩu (ví dụ EUDR hoặc CBAM). Do đó, CEAP và các văn bản cụ thể hóa CEAP đang và sẽ ảnh hưởng đáng kể tới hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào EU, trong đó có hàng hóa từ Việt Nam.



3 Chiến lược đa dạng sinh học EU

Chiến lược đa dạng sinh học của EU đến năm 2030 là một hành động thực thi Thỏa thuận Xanh EU (xếp trong nhóm Môi trường và Đại dương), được công bố ngày 20/5/2020. Đây là một kế hoạch toàn diện nhằm bảo vệ và khôi phục đa dạng sinh học ở EU, cũng như nỗ lực của EU trong việc bảo vệ đa dạng sinh học của toàn cầu.

Trong khuôn khổ Kế hoạch hành động của Chiến lược đa dạng sinh học, một số biện pháp pháp lý đáng chú ý đã được EU thông qua, đặc biệt là Quy định số 2023/1115 ngày 31/05/2023 về các sản phẩm không liên quan đến nạn chặt phá/làm suy thoái rừng (EU Deforestation-Free Products Regulation – EUDR, sau đây gọi tắt là “Quy định về chống phá rừng”).

Trên thực tế, EU là nền kinh tế lớn và là thị trường tiêu thụ nhiều các mặt hàng có liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng, nên EU muốn chịu trách nhiệm một phần và muốn đi đầu trong việc giải quyết vấn đề này. Do vậy, EUDR được đưa ra nhằm mục tiêu ngăn chặn các sản phẩm được sử dụng, tiêu thụ tại EU góp phần vào nạn phá rừng và suy thoái rừng ở EU và trên toàn cầu.

Mục tiêu của EUDR là để bảo đảm rằng các sản phẩm nhập khẩu vào EU không được nuôi trồng trên đất phá rừng hoặc làm suy thoái rừng (Sẽ trình bày cụ thể hơn tại Chương III Báo cáo này).

Khác với phần lớn các quy định khác ban hành trong khuôn khổ thực thi Thỏa thuận Xanh, Quy định này nêu rõ đối tượng điều chỉnh là một số sản phẩm nông, lâm sản nhập khẩu từ nước ngoài vào EU. Là thị trường nhập khẩu lớn trên thế giới đối với các mặt hàng này, Quy định này của EU được dự báo là sẽ tạo ra ảnh hưởng đáng kể tới việc sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng này trên thế giới khi chính thức có hiệu lực từ 1/1/2024 tới.



4 Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)

Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM) là một trong các hành động thực thi Thỏa thuận Xanh (lĩnh vực Khí hậu), được đề cập trong Gói “Fit for 55” ngày 14/7/2021, theo đó hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào EU sẽ phải trả thêm một khoản phí (gọi là thuế carbon) căn cứ vào mức độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước xuất khẩu.

Ngày 16/5/2023, EU đã tiến hành bước đi đầu tiên thực hiện sáng kiến CBAM với việc ban hành Quy định 2023/956 về Thiết lập Cơ chế điều chỉnh carbon (CBAM) – CBAM giai đoạn đầu. Theo quy định này, giai đoạn đầu của CBAM được thiết kế như sau:

Về phạm vi áp dụng

Trong giai đoạn đầu, CBAM áp dụng cho 06 nhóm hàng hóa có nguy cơ ô nhiễm cao nhất, bao gồm: Sắt thép, Xi măng, Phân bón, Nhôm, Điện và Hydro (tổng khí thải của các lĩnh vực này chiếm tới 94% lượng khí thải công nghiệp của EU).

Về lộ trình áp dụng

CBAM giai đoạn đầu được thiết kế theo lộ trình 03 bước như sau:

- Giai đoạn chuyển tiếp (từ 1/10/2023 đến 31/12/2025):

Nhà nhập khẩu các hàng hóa thuộc 06 nhóm này của EU phải khai báo mức độ phát thải của hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể hơn nữa, từ 1/10/2023-31/12/2024, việc khai báo có thể thực hiện theo một trong ba phương pháp lựa chọn, từ 1/1/2025 trở đi việc khai báo bắt buộc phải thực hiện theo phương pháp của EU.

Tuy nhiên, trong toàn bộ giai đoạn chuyển tiếp này, nhà nhập khẩu chưa phải nộp bất kỳ khoản phí nào.

- Giai đoạn chính thức (từ 1/1/2026 đến 31/12/2033):

Cùng với nghĩa vụ khai báo, nhà nhập khẩu EU sẽ phải xuất trình chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải ròng của hàng hóa nhập khẩu vượt quá hạn ngạch cho phép (tức là phải mua chứng chỉ CBAM cho mỗi tấn CO₂ tương đương có trong sản phẩm nhập khẩu vào EU nếu vượt quá mức hạn ngạch theo các quy định cụ thể của EU).

Cũng trong giai đoạn này, EU sẽ có điều chỉnh về tỷ lệ phân bổ hạn ngạch miễn phí theo hướng giảm dần, phù hợp với Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải trong nội bộ EU (ETS).

- Giai đoạn áp dụng đầy đủ (từ 1/1/2034 trở đi):

Từ 2034, sẽ không còn hạn ngạch phát thải miễn phí, doanh nghiệp sẽ phải mua và xuất trình chứng chỉ CBAM cho lượng phát thải ròng carbon trong sản phẩm.

Sau khi ban hành Quy định 2023/956 về CBAM giai đoạn đầu, EU đã có thêm một số bước để hướng dẫn cụ thể hơn về CBAM, gồm:

- Ban hành quy định thực thi CBAM trong giai đoạn chuyển tiếp (ngày 17/8/2023), gồm các hướng dẫn chi tiết về (i) cách thức báo cáo và cung cấp thông tin của các nhà nhập khẩu; (ii) phương pháp tính toán lượng khí thải tích hợp thải ra trong quá trình sản xuất hàng hóa.
- Tiến hành soạn thảo quy định hướng dẫn thực hiện CBAM trong giai đoạn chính thức (cách thức tính toán cụ thể để áp dụng cơ chế mua bán và giá chứng chỉ CBAM).



Dự kiến sau khi chính thức triển khai CBAM giai đoạn đầu, EU sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực thi để cân nhắc khả năng mở rộng phạm vi áp dụng CBAM giai đoạn tiếp theo (từ năm 2030) sang một số sản phẩm có nguy cơ gây ô nhiễm cao khác (nhóm 30 sản phẩm được liệt kê, trong đó có dệt may), hoặc cho tất cả sản phẩm.

EU là khu vực thương mại đầu tiên trên thế giới đánh thuế carbon đối với hàng hóa nhập khẩu. EU cũng là khu vực nhập khẩu lớn 06 loại sản phẩm liên quan. Do đó, dự kiến CBAM sẽ có tác động lớn tới việc sản xuất, xuất khẩu 06 loại sản phẩm này ở nhiều nước xuất khẩu. Quan trọng hơn nữa, nếu EU sau 2030 quyết định mở rộng CBAM sang các sản phẩm nhập khẩu khác, nhất là nếu mở rộng ra tất cả hàng hóa nhập khẩu, vấn đề phát thải carbon sẽ trở thành vấn đề quan trọng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, xuất khẩu hàng hóa sang EU của cả thế giới. Trên thực tế, đây cũng là mục tiêu cốt lõi của CBAM: ngăn chặn tình trạng “rò rỉ” nguy cơ phát thải khí nhà kính từ EU sang các nước khác (tình trạng nhà sản xuất EU chuyển sản xuất ra nước ngoài để lẩn tránh các nghĩa vụ xanh đang áp dụng với sản xuất ở EU) và thúc đẩy thực hiện sản xuất xanh trên toàn cầu.

Hộp 5

Dự kiến ảnh hưởng của CBAM tới xuất khẩu Việt Nam

Với yêu cầu về khai báo mức độ phát thải của quá trình sản xuất sản phẩm và trả phí tương ứng cho lượng phát thải khí carbon ròng, khi được áp dụng đầy đủ và với phạm vi rộng, CBAM sẽ là thách thức rất lớn đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường EU.

Ở giai đoạn đầu áp dụng CBAM, trong số 06 nhóm hàng thuộc phạm vi điều chỉnh, Việt Nam hiện chỉ xuất khẩu 04 mặt hàng (nhôm, sắt thép, xi măng và phân bón) vào thị trường EU, trong đó phần lớn kim ngạch là sắt thép và nhôm. Theo số liệu của ITC Trademap (năm 2022), kim ngạch 06 nhóm này chỉ chiếm chưa đầy 2% tổng xuất khẩu của Việt Nam sang EU, tuy nhiên với riêng sắt thép và nhôm, kim ngạch xuất khẩu vào EU chiếm tới 23-26% tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm này của Việt Nam ra thế giới (năm 2021).

Do đó, mặc dù CBAM giai đoạn đầu chưa ảnh hưởng đáng kể tới xuất khẩu Việt Nam nói chung nhưng lại có tác động mạnh tới xuất khẩu của các ngành liên quan (đặc biệt là thép).

Với CBAM, doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu các sản phẩm liên quan cần (i) kiểm soát chặt chẽ lượng phát thải trong toàn bộ quy trình sản xuất; (ii) xây dựng báo cáo lượng phát thải đúng quy định; và (iii) có phương án giảm thiểu lượng carbon trong từng công đoạn của quy trình sản xuất để không vượt quá ngưỡng tiêu chuẩn của EU.

Mặc dù CBAM hiện chỉ áp dụng đối với 06 nhóm hàng hóa, nhưng trong tương lai, CBAM có thể sẽ áp dụng cho nhiều sản phẩm khác mà Việt Nam đang xuất khẩu nhiều sang khu vực này. Thêm nữa, một số thị trường (như Anh, Canada...) cũng có thể thực hiện CBAM trong thời gian tới. Do đó, để chuẩn bị tốt hơn cho tương lai này, ngay từ bây giờ các doanh nghiệp Việt Nam cần theo dõi sát sao và có kế hoạch chuyển đổi, cải tiến quy trình sản xuất, giảm phát thải carbon để giảm thiểu tới đa các tác động từ cơ chế này.

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI



5 Một số chính sách, quy định khác

Bên cạnh các nhóm quy định pháp luật thực thi Thỏa thuận Xanh có ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến một hoặc một số nhóm sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam như nêu ở trên, rải rác trong nhiều Chương trình, Chiến lược, Kế hoạch hành động khác trong khuôn khổ Thỏa thuận này cũng có tác động đến một số ngành, lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam ở mức độ hạn chế hơn nhưng cũng không thể bỏ qua, ví dụ:

Chiến lược hóa chất vì sự bền vững (Chemicals strategy for sustainability)

Chiến lược này được EU công bố ngày 14/10/2020, và để thực thi, một số văn bản chứa quy định pháp luật, tiêu chuẩn mới/nâng cấp liên quan tới hóa chất của EU đã/sẽ được sửa đổi, bổ sung mới, trong đó đáng chú ý có:

- Sửa đổi Quy định của EU về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế đối với hóa chất (REACH)
- Sửa đổi quy định của EU về phân loại rủi ro, ghi nhãn và đóng gói hóa chất (CLP)
- Sửa đổi quy định của EU về các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (ví dụ bao bì thực phẩm; các thiết bị nhà bếp, chế biến thực phẩm và bàn ăn)
- Công bố sáng kiến sản phẩm bền vững (Sustainable Product Initiative), theo đó (i) sửa Chỉ thị Thiết kế bền vững của EU; (ii) bổ sung các biện pháp pháp lý mới liên quan tới các loại hóa chất độc hại hiện diện trong các sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, đồ nội thất, sắt thép và hóa chất.

Do phần lớn các quy định nói trên đều là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa chất áp dụng cho các hàng hóa liên quan, việc sửa đổi, bổ sung các quy định này theo các mục tiêu của Thỏa thuận Xanh đang/sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa liên quan nhập khẩu vào EU.

Các biện pháp sửa đổi liên quan tới xử lý rác thải từ các sản phẩm tiêu dùng

Các chính sách về rác thải của EU được thiết kế nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, đóng góp vào kinh tế tuần hoàn. Trong khuôn khổ thực thi Thỏa thuận Xanh liên quan tới lĩnh vực này, đã có thêm một số quy định pháp lý mới/điều chỉnh về quản lý rác thải, trong đó đáng chú ý có:

- Quy định của EU về pin và ắc quy (EU rules on batteries and accumulators)
- Các quy định của EU liên quan tới các loại rác thải chứa chất hữu cơ gây ô nhiễm lâu dài (EU rules on waste containing persistent organic pollutants - POPs)
- Các quy định của EU về hạn chế sử dụng chất nguy hiểm trong thiết bị điện, điện tử (EU rules restricting the use of hazardous substances in electrical and electronic equipment)
- Các quy định của EU về xử lý rác thải thiết bị điện, điện tử (EU rules on treating waste electrical and electronic equipment - WEEE).

Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản như đề cập ở trên sẽ tác động tới các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng liên quan của các sản phẩm được đề cập tại thị trường EU, do đó cũng ảnh hưởng tới việc nhập khẩu các sản phẩm này từ bên ngoài vào EU.



Bên cạnh đó, như đã nhấn mạnh, Thỏa thuận Xanh EU sẽ còn tiếp tục được triển khai với nhiều bước đi khác từ nay cho tới 2050. Do đó, các trường hợp liệt kê ở phía trên mới chỉ là các biện pháp nhận diện được cho tới thời điểm này. Trong tương lai, đặc biệt là từ nay tới 2030 (giai đoạn mà EU phải cấp tập hành động nhằm thực hiện các mục tiêu trung gian mà EU đặt ra cho tới năm 2030), danh sách các chính sách, quy định, biện pháp xanh có thể ảnh hưởng trực tiếp tới xuất khẩu Việt Nam của EU chắc chắn sẽ còn dài thêm, với các nội dung phức tạp hơn, trong nhiều lĩnh vực, khía cạnh hơn. Do đó, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam cần theo dõi toàn bộ tiến trình để có thể cập nhật ngay các xu hướng chung cũng như các quy định cụ thể liên quan.

II. Các chính sách xanh EU và tác động cụ thể tới xuất khẩu Việt Nam

Liên minh châu Âu (EU27) là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam, với kim ngạch tăng trưởng liên tục qua nhiều năm và là đối tác mà Việt Nam luôn đạt thặng dư thương mại cao. Với việc Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực từ 1/8/2020, triển vọng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU càng tươi sáng hơn.

Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực này đạt 46,8 tỷ USD, tăng 16,7%; thặng dư khoảng 31,4 tỷ USD, tăng 35% so với 2021. Các nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực sang EU bao gồm điện thoại, máy tính, sản phẩm điện tử, giày dép túi xách, máy móc thiết bị, dệt may, cà phê, sắt thép, thủy sản, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ, chất dẻo, rau quả...

Với tính chất và quy mô của thị trường EU, duy trì sự ổn định và bền vững của hoạt động xuất khẩu sang EU là rất quan trọng đối với tương lai phát triển của nhiều ngành sản xuất, xuất khẩu Việt Nam, kéo theo đó là triển vọng thu nhập của hàng triệu người lao động tham gia vào các chuỗi sản xuất, xuất khẩu sản phẩm liên quan.

Thỏa thuận Xanh EU cùng với các chính sách, hành động, kế hoạch cụ thể trong nhiều lĩnh vực đang và sẽ dẫn tới những thay đổi đáng kể trong các yêu cầu, quy định, điều kiện, thủ tục mà EU áp dụng đối với nhiều loại hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào khu vực này. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU vì vậy cũng đứng trước các thách thức và cả cơ hội từ xu hướng tăng cường các tiêu chuẩn xanh này của EU.

1 Các kênh tác động của Thỏa thuận Xanh tới xuất khẩu Việt Nam

Rà soát các chính sách, kế hoạch đã và đang thực hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh của EU cho thấy Thỏa thuận này có thể ảnh hưởng tới xuất khẩu Việt Nam theo các cách thức chủ yếu sau:

Gia tăng các tiêu chuẩn “xanh, bền vững” đối với hàng hóa xuất khẩu

Rà soát cho thấy phần lớn các chính sách, kế hoạch, hành động thực thi Thỏa thuận Xanh ảnh hưởng đến hàng hóa xuất khẩu Việt Nam sang thị trường này thông qua việc tăng cường các tiêu chuẩn xanh đối với hàng hóa theo các cách thức khác nhau, ví dụ:

- Bổ sung mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (TBT) và/hoặc vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) gắn với mục tiêu “xanh, bền vững” (ví dụ các quy định mới về thiết kế sinh thái, cách thức ghi/dán nhãn hàng hóa hữu cơ, hộ chiếu sản phẩm...)
- Sửa đổi, điều chỉnh các TBT, SPS đang có hiệu lực theo hướng tăng mức độ, yêu cầu “xanh, bền vững” (ví dụ các điều chỉnh liên quan tới các định mức tối đa/tối thiểu với một số loại hóa chất, dư lượng kháng sinh trong hàng hóa, mở rộng danh mục các loại thuốc bảo vệ thực vật bị cấm/hạn chế sử dụng...)



- Mở rộng diện áp dụng các TBT, SPS “xanh, bền vững” sang nhiều sản phẩm hàng hóa (ví dụ nhãn sinh thái không chỉ áp dụng cho nhóm sản phẩm năng lượng mà mở rộng ra tất cả các sản phẩm)
- Chuyển các tiêu chuẩn, trách nhiệm tự nguyện (khuyến khích) thành các tiêu chuẩn, nghĩa vụ bắt buộc (ví dụ một số hành động khuyến nghị về kinh tế tuần hoàn, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm, phúc lợi động vật...)

Gia tăng trách nhiệm tài chính của nhà sản xuất để đóng góp vào các mục tiêu “xanh, bền vững”

Mặc dù không phổ biến nhưng một số các chính sách, hành động trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh đòi hỏi nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam phải chịu thêm các khoản tiền (trực tiếp hoặc gián tiếp dưới các hình thức khác nhau) để có thể xuất khẩu hàng hóa vào EU, ví dụ:

- Các khoản tiền phải nộp theo Quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR): Các nhà sản xuất các sản phẩm chế biến chế tạo (trừ một số loại sản phẩm) có thể sẽ phải nộp cho nước nhập khẩu một khoản phí nhất định để xử lý rác thải phát sinh từ việc sử dụng sản phẩm mình xuất khẩu;
- Các khoản tiền phải trả để mua chứng chỉ CBAM cho mỗi tấn CO₂ phát thải theo Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới.

Gia tăng thủ tục khai báo, thông tin về yếu tố “xanh, bền vững” của sản phẩm

Một số các yêu cầu mới theo các chính sách, kế hoạch trong Thỏa thuận Xanh EU sẽ buộc nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam phải thực hiện các thủ tục khai báo, cung cấp thông tin, hồ sơ nhằm chứng minh trách nhiệm xanh, ví dụ:

- Thủ tục báo cáo mức độ phát thải CO₂ của hàng hóa nhập khẩu theo Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới - CBAM
- Yêu cầu cung cấp các giấy tờ, bằng chứng chứng minh hàng hóa không được nuôi, trồng hay có xuất xứ trên đất có được do phá rừng hoặc từ việc làm suy thoái rừng theo Quy định về chống phá rừng - EUDR
- Thủ tục chứng minh, xác nhận/công nhận tương đương đối với sản phẩm hữu cơ theo Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ...

Ngoài các cách thức tác động tới hàng hóa xuất khẩu Việt Nam được thống kê từ các biện pháp mà EU đã hoặc dự kiến áp dụng rõ ràng như nêu ở trên, không loại trừ khả năng trong tương lai, với các chính sách, biện pháp pháp lý sẽ được xây dựng, soạn thảo và thông qua bởi các cơ quan EU và các nước thành viên EU nhằm thực hiện các mục tiêu của Thỏa thuận Xanh, xuất khẩu Việt Nam sẽ còn bị ảnh hưởng bởi Thỏa thuận Xanh theo các kênh, cách thức khác.



2 Phạm vi các lĩnh vực xuất khẩu Việt Nam chịu tác động từ Thỏa thuận Xanh EU

Về mặt lý thuyết, Thỏa thuận Xanh bao trùm tất cả các lĩnh vực kinh tế ở EU, vì vậy, trong lâu dài, tất cả các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này có thể sẽ phải chịu tác động từ các chính sách xanh của EU ở các mức độ khác nhau, theo lộ trình và dưới các hình thức khác nhau.

Trong giai đoạn đầu của quá trình thực thi, các chính sách, biện pháp của Thỏa thuận Xanh tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực mà EU coi là tác nhân chính gây ra suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và/hoặc làm cạn kiệt các nguồn lực tự nhiên. Cụ thể:

- *Trong sản xuất:* Sắt thép, Nhôm, Xi măng, Phân bón, Điện và Hydro được liệt kê là nhóm tạo ra phần lớn phát thải công nghiệp ở EU (94%); ngoài ra còn có các sản phẩm nguy cơ cao, liên quan tới nhiều ngành (như hóa chất, pin, ắc quy...)
- *Trong tiêu dùng:* Thực phẩm, Nhà cửa, Dệt may và Giao thông lần lượt là các nhóm có ảnh hưởng bất lợi tới môi trường EU (và tương ứng là các ngành nông lâm thủy sản, chế biến thực phẩm, gỗ và sản phẩm gỗ, vật liệu xây dựng, phương tiện giao thông...).

Với các khía cạnh ưu tiên như ở trên và thực tế các chương trình, chiến lược xanh được nhận diện tới thời điểm hiện tại của Thỏa thuận Xanh EU, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam trong các lĩnh vực sau đây đang là đối tượng của nhiều tiêu chuẩn xanh của EU:

- Điện, điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, linh kiện liên quan;
- Nông sản (đặc biệt là cà phê, điều, hạt tiêu, cacao, thịt,...), thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ;
- Thực phẩm các loại (đặc biệt là thực phẩm hữu cơ);
- Dệt may, da giày;
- Các loại hóa chất, phân bón, pin, ắc quy;
- Sắt thép, nhôm, xi măng;
- Bao bì của các loại sản phẩm (nhất là bao bì thực phẩm, hóa chất...).

Trong tương lai, cùng với lộ trình thực thi Thỏa thuận Xanh EU, nhiều sản phẩm xuất khẩu khác của Việt Nam có thể cũng sẽ phải đối mặt với các chính sách, biện pháp xanh mới của EU khi xuất khẩu sang thị trường này.



Bảng 2

Tổng hợp một số chính sách trong Thỏa thuận Xanh EU có ảnh hưởng tới các ngành xuất khẩu của Việt Nam

STT	Chính sách, biện pháp của EU	Lĩnh vực chịu tác động
I Chiến lược Từ trang trại tới bàn ăn (F2F)		
1	Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật	Các sản phẩm nông sản như rau quả, chè, cà phê, gia vị...
2	Quy định về sản phẩm thuốc thú y	Các sản phẩm có nguồn gốc động vật
3	Sửa đổi Quy định của EU về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm	Tất cả các loại thực phẩm
4	Sửa đổi Quy định về thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng	Tất cả các loại thực phẩm
5	Bộ quy tắc ứng xử của EU về thực hành tiếp thị và kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm	Tất cả các loại thực phẩm
6	Sửa đổi một số Quy định về phúc lợi động vật	Động vật và các sản phẩm động vật
7	Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ	Nông sản, thực phẩm
II Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP)		
1	Chiến lược của EU đối với dệt may tuần hoàn và bền vững	Sản phẩm dệt may
2	Quy định về Trao quyền cho người tiêu dùng trong thực hiện chuyển đổi xanh	Tất cả các sản phẩm
3	Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững	Tất cả các sản phẩm chế biến chế tạo từ thực phẩm, dược phẩm, các loại thức ăn gia súc, động thực vật
4	Chiến lược hóa chất vì sự bền vững	Mỹ phẩm, đồ chơi, chất tẩy rửa, đồ chăm sóc trẻ em, đồ nội thất, hàng dệt may hoặc các vật liệu tiếp xúc với thực phẩm...
5	Chỉ thị về Tuyên bố xanh	Dệt may, thực phẩm, sản phẩm điện tử...
6	Sửa đổi Chỉ thị khung của EU về rác thải	Thực phẩm, các sản phẩm dệt may, giày dép
III Chiến lược đa dạng sinh học EU		
1	Quy định về chống phá rừng - EUDR	Gia súc, cacao, cà phê, cao su, dầu cọ, đồ tương, gỗ và các sản phẩm được tạo ra từ những mặt hàng này (da, socola, đồ nội thất...)
IV Gói Fit for 55		
1	Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới - CBAM	Giai đoạn đầu: Sắt thép, Xi măng, Phân bón, Nhôm, Điện và Hydro

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI



3 Các hướng tác động của Thỏa thuận Xanh EU tới xuất khẩu Việt Nam

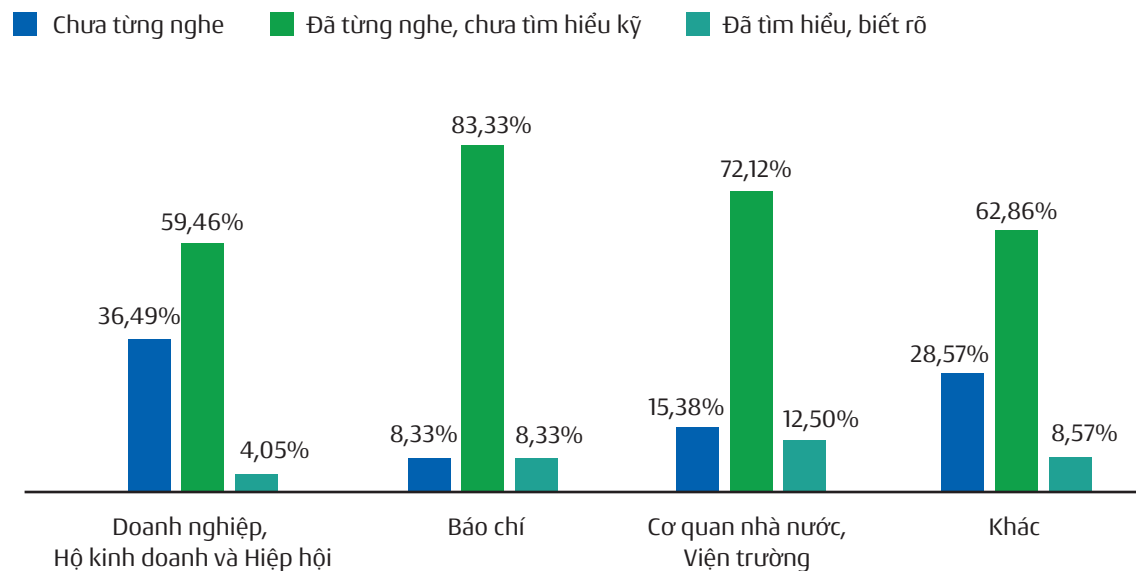
3.1 Thách thức đối với xuất khẩu Việt Nam

Thách thức về thay đổi, nâng cao nhận thức

Với tính chất là gói chính sách toàn diện và có lộ trình rất dài, các nội dung của Thỏa thuận Xanh và các chính sách, biện pháp thực thi Thỏa thuận này không chỉ nhiều về số lượng, phức tạp về tính chất (nhiều tầng quy định, nhiều mức độ ràng buộc, nhiều lĩnh vực, khía cạnh đan xen) mà còn liên tục phát triển qua thời gian (bao gồm cả lộ trình mới và các điều chỉnh hiện trạng). Do đó, ứng phó với Thỏa thuận Xanh đòi hỏi doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Việt Nam phải có nhận thức đúng, chuẩn xác và thường xuyên cập nhật về các chính sách xanh liên quan.

Trong khi đó, Khảo sát nhanh do Nhóm Nghiên cứu thực hiện trước khi triển khai Báo cáo này cho thấy mức độ hiểu biết của các chủ thể ở Việt Nam về Thỏa thuận Xanh còn rất hạn chế, phần lớn là không biết hoặc biết sơ qua, đặc biệt là ở nhóm các doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức kinh doanh, những chủ thể là đối tượng áp dụng trực tiếp của nhiều chính sách xanh liên quan.

Hình 2 Hiểu biết của các chủ thể Việt Nam về Thỏa thuận Xanh



Nguồn: Khảo sát của VCCI về Thỏa thuận Xanh EU 8/2023

Đối với một số chính sách cụ thể của Thỏa thuận Xanh có ảnh hưởng trực tiếp tới xuất khẩu của Việt Nam sang EU, mức độ hiểu biết của các nhóm chủ thể liên quan ở Việt Nam có cải thiện hơn chút ít (với tỷ lệ “đã tìm hiểu kỹ, biết rõ” cao hơn) so với hiểu biết chung về Thỏa thuận Xanh. Tuy vậy, phần lớn (87-93%) vẫn chưa biết hoặc chỉ nghe nói tới các chính sách này.



Bảng 3 Hiểu biết của các chủ thể ở Việt Nam về một số chính sách xanh của EU

Mức độ hiểu biết	Thỏa thuận Xanh EU	Chiến lược “Từ Nông trại tới Bàn ăn”	Cơ chế carbon tại biên giới (CBAM)	Quy định Chống phá rừng (EUDR)	Chiến lược “Dệt may bền vững và tuần hoàn”
Chưa từng nghe	27,09%	29,43%	42,81%	16,39%	35,45%
Đã từng nghe, chưa tìm hiểu kỹ	65,22%	60,20%	50,17%	71,24%	55,85%
Đã tìm hiểu, biết rõ	7,69%	10,37%	7,02%	12,37%	8,70%

Nguồn: Khảo sát của VCCI về Thỏa thuận Xanh EU 8/2023

Hiểu biết hạn chế của các đối tượng, đặc biệt là nhóm chủ thể kinh doanh dẫn tới những hiểu nhầm, ngộ nhận về Thỏa thuận Xanh EU, từ đó kéo theo những cách thức phản ứng trái chiều. Hoặc là thờ ơ, không quan tâm tới các hành động của EU trong Thỏa thuận Xanh, cho rằng các vấn đề này không liên quan tới mình hoặc không tạo ra ảnh hưởng gì tới các sản phẩm, chủ thể ngoài EU. Hoặc là lo lắng quá mức, cho rằng tất cả các tiêu chuẩn của EU đều sẽ bị tăng lên, khó khăn hơn, hoặc đều hướng tới sản phẩm xuất khẩu của mình. Cả hai hướng này đều không có căn cứ và đều dẫn tới cách thức ứng xử không phù hợp, gây thiệt hại ở mức độ khác nhau tới triển vọng sản xuất, xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang EU.

Do đó, thách thức đầu tiên mà các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam sang EU và các cơ quan, tổ chức liên quan cần phải xử lý là thay đổi, nâng cao nhận thức về Thỏa thuận Xanh và các chính sách, biện pháp thực thi một cách thực chất, bao trùm và chính xác.

Sự thay đổi đó trước hết và quan trọng nhất phải bắt đầu từ thay đổi nhận thức về các chính sách xanh của EU. Cụ thể, các chính sách, tiêu chuẩn xanh, bền vững của EU cần được nhìn nhận đầy đủ với tính chất là một dòng chảy lâu dài, một xu hướng tất yếu của thị trường EU nói riêng và thị trường xuất khẩu thế giới nói chung. Chỉ khi tiếp cận như vậy, các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam mới có thể xây dựng chiến lược ứng xử phù hợp: chuyển đổi từ đối phó sang thích nghi; từ cố gắng đáp ứng theo các tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể khi phát sinh sang nỗ lực đầu tư để chuyển dịch xanh, bền vững lâu dài.

Khi đã có căn bản này, ở các bước kỹ thuật cụ thể để nâng cao nhận thức, nắm bắt chính xác các diễn tiến để có các kế hoạch thích nghi chi tiết, nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam được khuyến nghị:

- Cần hiểu chính xác về xu hướng, nội dung chung của Thỏa thuận Xanh và các mục tiêu chính sách thành phần;
- Cập nhật thường xuyên, liên tục về các chính sách, biện pháp cụ thể có liên quan tới sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là về diện điều chỉnh, cách thức áp dụng và thời điểm/lộ trình thực hiện trên thực tế;
- Cần cập nhật thông tin thường xuyên về các diễn tiến liên quan đến Thỏa thuận xanh trong nhóm doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức, cá nhân có cùng mối quan tâm về một/nhóm sản phẩm cụ thể.



Thách thức trong năng lực đáp ứng, tuân thủ

Đối với xuất khẩu Việt Nam, EU là thị trường phát triển, có tiêu chuẩn cao trong hầu hết các khía cạnh. Do đó, trong so sánh với nhiều thị trường khác, từ trước tới nay EU vẫn luôn là khu vực mà doanh nghiệp gặp nhiều thách thức trong đáp ứng các tiêu chuẩn TBT, SPS để tiếp cận thị trường.

Với một loạt các tiêu chuẩn xanh mới được bổ sung hoặc được nâng cấp theo các mục tiêu cụ thể của Thỏa thuận Xanh trong các lĩnh vực khác nhau (chỉ tính tới các tiêu chuẩn/quy chuẩn bắt buộc/tối thiểu), nhiều loại hàng hóa xuất khẩu Việt Nam đứng trước đòi hỏi tuân thủ các tiêu chuẩn mới, hoặc tiêu chuẩn cao hơn so với trước đây, thậm chí có lộ trình tiếp tục cao hơn, khắt khe hơn nữa trong tương lai.

Tùy loại tiêu chuẩn, lĩnh vực và hiện trạng năng lực của các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam mà thách thức đặt ra trong đáp ứng các tiêu chuẩn xanh mới đang hoặc sẽ có hiệu lực ở EU là không giống nhau. Tuy nhiên, trong tổng thể chung, các tiêu chuẩn xanh EU đòi hỏi doanh nghiệp phải vượt qua các thách thức cụ thể liên quan tới:

- **Năng lực về công nghệ:** Nhiều tiêu chuẩn xanh đối với sản phẩm đòi hỏi sự thay đổi, cập nhật công nghệ trong sản xuất để tạo ra được các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu mới hoặc yêu cầu hiện có nhưng ở mức cao hơn, khắt khe hơn so với trước. Thậm chí, trong một số trường hợp, công nghệ phải sẵn sàng để cập nhật các mức độ mới của cùng một tiêu chuẩn theo lộ trình thực hiện từng thời kỳ (ví dụ các quy định siết chặt dần tiến tới loại bỏ một số loại thuốc trừ sâu, một số loại hóa chất độc hại, hạt vi nhựa...);
- **Năng lực kiểm soát chất lượng theo chuỗi:** Một số tiêu chuẩn gắn với cả vòng đời sản phẩm (ví dụ thiết kế sinh thái) hoặc toàn chuỗi (ví dụ các tiêu chuẩn về vi lượng chất kháng sinh, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm...), đòi hỏi doanh nghiệp phải điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới quy trình kiểm soát chuỗi sản xuất để bảo đảm các chuẩn chất lượng tương ứng;
- **Năng lực lao động:** Một số tiêu chuẩn trực tiếp đặt ra yêu cầu mới về cách thức triển khai, thực hiện quy trình lao động sản xuất (ví dụ một số chuẩn phúc lợi động vật) hoặc gián tiếp đòi hỏi trình độ lao động phải được điều chỉnh nâng cao (ví dụ để đáp ứng các công nghệ mới được triển khai nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn mới, cao hơn), dẫn tới sức ép buộc doanh nghiệp phải đào tạo, đào tạo lại lao động để đáp ứng các tiêu chuẩn này;
- **Năng lực giải trình, khai báo, truy xuất thông tin:** Một số biện pháp, yêu cầu pháp lý mới liên quan tới giải trình trách nhiệm thực hành xanh trong quá trình sản xuất kinh doanh (ví dụ yêu cầu khai báo lượng phát thải carbon trên mỗi đơn vị sản phẩm, yêu cầu giải trình xuất xứ đất sử dụng để nuôi trồng sản phẩm, yêu cầu thông tin cho người tiêu dùng về các yếu tố xanh trong sản phẩm...), đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi, nâng cấp hệ thống kiểm soát, truy xuất, lưu trữ cũng như cập nhật cách thức, quy trình khai báo, cung cấp, mô tả thông tin sản phẩm liên quan.

Trên thực tế, rất ít các doanh nghiệp Việt Nam (kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có đủ khả năng để ngay lập tức chuyển đổi và đáp ứng tất cả các khía cạnh năng lực như yêu cầu ở trên bởi nhiều lý do:

- Về chủ quan, nhiều thay đổi đòi hỏi chi phí tuân thủ (cả về nhân lực, vật lực, thời gian) đáng kể mà không phải doanh nghiệp nào cũng sẵn sàng đáp ứng (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ);
- Về khách quan, trong nhiều trường hợp việc điều chỉnh đòi hỏi sự phối hợp của nhiều chủ thể trong chuỗi sản xuất mà không chỉ một doanh nghiệp, nhà sản xuất, xuất khẩu có thể làm được. Trong một số trường hợp khác, các hướng dẫn chi tiết để thực hiện một số thủ tục, quy trình thậm chí mới đang trong quá trình soạn thảo bởi các cơ quan EU, chưa rõ sẽ phải triển khai trên thực tế như thế nào.



Tuy nhiên, việc đáp ứng các yêu cầu xanh trên thực tế vẫn có thể là khả thi với phần lớn các doanh nghiệp nếu có sự chuẩn bị tốt. Cụ thể, với nguyên tắc minh bạch và bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”, các chính sách xanh trong Thỏa thuận Xanh EU đều được thiết kế theo hướng:

- *Có thời gian công khai, lấy ý kiến dài*: Tất cả các biện pháp, đặc biệt là các quy định áp dụng bắt buộc, đều được thông qua sau khi đã có khoảng thời gian tương đối dài công khai, lấy ý kiến tham vấn công chúng. Thậm chí, các nguyên tắc làm căn cứ cho việc soạn thảo và ban hành các quy định này đã được nêu rõ trong các Chiến lược, Kế hoạch hành động, Chương trình... chung được công bố và/hoặc thông qua từ trước đó khá lâu;
- *Có lộ trình thực thi từng bước*: Tất cả các biện pháp, chính sách xanh mới, đặc biệt là các trường hợp có tính quy phạm bắt buộc thực hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh đều được thiết kế theo lộ trình thực hiện từng bước, các nghĩa vụ thường chỉ phải thực hiện đầy đủ ở bước cuối trong lộ trình (ví dụ CBAM). Trường hợp nghĩa vụ đơn lẻ không thích hợp để phân bổ thành lộ trình nhiều bước thì cũng có thời gian từ khi quy định có hiệu lực tới khi phải chính thức thực hiện nghĩa vụ khá dài (ví dụ EUDR).

Bảng 4 Một số ví dụ về thời điểm ban hành và có hiệu lực của một số chính sách xanh EU

Tên chính sách	Ngày công bố chính sách nguyên tắc	Ngày công bố Dự thảo quy định	Ngày thông qua chính thức quy định	Ngày bắt đầu thực thi các nghĩa vụ	Ngày thực thi đầy đủ các nghĩa vụ
Quy định về chống phá rừng (EUDR)	20/05/2020 <i>(Chiến lược đa dạng sinh học của EU đến năm 2030)</i>	17/11/2021	31/05/2023	29/06/2023	30/06/2025
Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)	14/07/2021 <i>(Gói Fit for 55)</i>	14/07/2021	16/05/2023	01/10/2023	01/01/2034
Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật	20/05/2020 <i>(Chiến lược từ Trang trại đến bàn ăn)</i>	22/06/2022	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định
Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững	11/03/2020 <i>(Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn)</i>	30/03/2022	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định
Chỉ thị về tuyên bố xanh	11/03/2020 <i>(Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn)</i>	22/03/2023	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI



Từ các khó khăn và thuận lợi nói trên, để vượt qua các thách thức về năng lực tuân thủ, *doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu* sản phẩm liên quan sang thị trường này được khuyến nghị:

- Theo dõi, thường xuyên cập nhật về các xu hướng chính sách, pháp luật xanh liên quan tới sản phẩm của mình để có tầm nhìn rõ ràng và chính xác về các chiều hướng tiêu chuẩn xanh trong tương lai, từ đó có sự chuẩn bị phù hợp, kịp thời, không quá sớm (gây tốn kém, lãng phí, ảnh hưởng tới giá thành và năng lực cạnh tranh của sản phẩm) nhưng cũng không quá muộn (có thể làm mất khả năng tiếp cận thị trường khi quy định có hiệu lực chính thức);
- Tìm hiểu kỹ, chính xác, đầy đủ về các yêu cầu, phạm vi áp dụng, lộ trình thực hiện, các hướng dẫn kỹ thuật nếu có, của các tiêu chuẩn xanh cụ thể có liên quan, từ đó chuẩn bị và hành động tương ứng một cách phù hợp, chuẩn xác, hiệu quả và tiết kiệm chi phí theo lộ trình;
- Trong dài hạn, có kế hoạch, lộ trình phù hợp với năng lực của mình để dần xanh hóa quy trình sản xuất, qua đó tương thích với xu hướng chung ở thị trường xuất khẩu và có thể chỉ cần điều chỉnh nhỏ để đáp ứng các tiêu chuẩn mới khi chúng được áp dụng.

Từ góc độ *các cơ quan Nhà nước, hiệp hội, tổ chức* có chức năng quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp về xuất nhập khẩu, sự tham gia tích cực của các đơn vị này trong hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu ở bình diện vĩ mô chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả chung đáng kể giúp doanh nghiệp vượt qua những thách thức về năng lực trong thực thi các tiêu chuẩn xanh EU, đặc biệt là các hỗ trợ liên quan tới:

- Cung cấp thông tin cập nhật, chính xác về các diễn biến liên quan tới các chính sách xanh EU, nhất là các thông tin được xử lý, phân tích theo từng ngành hàng, sản phẩm, qua đó doanh nghiệp có thể tiếp cận ngay các thông tin cụ thể mà mình cần;
- Trao đổi, làm việc, tham vấn với các cơ quan EU chịu trách nhiệm thực thi các chính sách xanh cụ thể để (i) làm rõ về các yêu cầu kỹ thuật, các tiêu chuẩn chi tiết, các cách thức cụ thể thực hiện/áp dụng, các hướng dẫn thực thi cụ thể trong từng trường hợp; (ii) chia sẻ về hiện trạng, các khác biệt về chính sách, tình hình thực tiễn ở Việt Nam liên quan tới việc triển khai các yêu cầu xanh của EU (nhất là các quy định về khai báo, trách nhiệm giải trình...), qua đó tìm giải pháp chính sách thích hợp, nếu được; (iii) tìm kiếm các hỗ trợ kỹ thuật từ EU cho việc hướng dẫn các chủ thể kinh doanh liên quan ở Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn mới;
- Thiết lập đầu mối trực tiếp thông tin, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu về các chính sách xanh EU trong lĩnh vực, khía cạnh mà mình phụ trách.

Thách thức trong khả năng chi trả các chi phí tuân thủ

Tuân thủ các tiêu chuẩn mới hoặc điều chỉnh nâng cấp của các chính sách xanh thường đòi hỏi các nhà sản xuất, xuất khẩu phải bỏ ra các chi phí tuân thủ mà lẽ ra họ không phải trả nếu không có các tiêu chuẩn (mới) này. Vì vậy, điều hiển nhiên là các chính sách xanh có thể làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng không có lợi tới giá thành sản xuất, xuất khẩu của sản phẩm liên quan và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chi phí tuân thủ các chính sách xanh, do đó, là thách thức không mong muốn với phần lớn các doanh nghiệp, đặc biệt là các trường hợp có quy mô vốn nhỏ, năng lực công nghệ, quản trị, cạnh tranh hạn chế, dễ bị tổn thương bởi bất kỳ khoản chi phí tuân thủ bổ sung nào.



Tuy nhiên, trên thực tế, chi phí tuân thủ các tiêu chuẩn xanh của EU không phải luôn luôn vượt khỏi tầm với của các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có quy mô vốn khiêm tốn, bởi:

- Có một số tiêu chuẩn xanh không đòi hỏi chi phí tuân thủ lớn mà chủ yếu là sự thay đổi về thái độ, ý thức, biện pháp thực hiện trong các công việc liên quan (ví dụ các yêu cầu về lưu trữ và xuất trình giấy tờ, cách thức ghi nhãn hàng hóa, vị trí dán nhãn, các thông tin phải cung cấp cho người tiêu dùng...);
- Hầu hết các tiêu chuẩn xanh có lộ trình áp dụng từng bước, và ở những bước đầu tiên chi phí tuân thủ thường không lớn (ví dụ ở các bước đầu của lộ trình, thường doanh nghiệp sẽ phải tuân thủ các yêu cầu khai báo mà chưa phải nộp phí, hoặc chỉ phải thực hiện các thay đổi nhỏ...);
- Trong một số lĩnh vực, không ít các tiêu chuẩn xanh mới thực chất là các quy định được luật hóa từ các quy tắc tự nguyện mà các khách hàng EU và/hoặc quốc tế đã yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu thực hiện từ lâu (phổ biến trong các lĩnh vực dệt may, da giày, đồ gỗ...), và vì vậy hầu như không đặt ra thách thức mới hay đòi hỏi nào quá lớn về hành động cũng như chi phí cho doanh nghiệp;
- Trong ngắn hạn, phạm vi các sản phẩm xuất khẩu phải đối mặt với các tiêu chuẩn xanh cụ thể và đã có hiệu lực còn khá hẹp. Phần lớn các sản phẩm xuất khẩu khác chỉ đang trong diện “sẽ xem xét mở rộng nếu thích hợp” (ví dụ với CBAM), đang được soạn thảo hoặc tham vấn mà chưa được thông qua (ví dụ một loạt các dự thảo trong Chiến lược Từ trang trại đến bàn ăn), hoặc thậm chí là mới đưa vào kế hoạch xây dựng pháp luật mà chưa có dự thảo (ví dụ các quy định cụ thể liên quan tới nhãn sinh thái, hạt vi nhựa trong sợi đối với hàng dệt may). Đối với các trường hợp này, sự chuẩn bị và thay đổi để xanh hơn có thể được thực hiện dần dần, với lộ trình và mức chi phí thích hợp theo sắp xếp của doanh nghiệp mà không nhất thiết là các chuyển đổi cả gói ngay lập tức;
- Đối với các doanh nghiệp buộc phải chi trả cho việc đáp ứng, tuân thủ các tiêu chuẩn xanh đã có hiệu lực đối với sản phẩm xuất khẩu của mình, có một thực tế là các tiêu chuẩn này được áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm nhập khẩu vào EU. Vì vậy, trong tương quan với các nhà sản xuất xuất khẩu nước ngoài, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp có thể không thay đổi, bởi tất cả đều phải bỏ ra các chi phí tuân thủ nhất định.

Do đó, các doanh nghiệp tùy bối cảnh quy định và hiện trạng năng lực tài chính của mình để có kế hoạch “xanh hóa” cụ thể một cách hiệu quả, với chi phí và lộ trình phù hợp. Vấn đề quan trọng là doanh nghiệp cần có ý thức và có sự chuẩn bị thích hợp để thực hiện chuyển đổi xanh, không chỉ để đáp ứng yêu cầu và xu hướng của Thỏa thuận Xanh EU mà còn cả ở các thị trường phát triển khác, nơi cũng đang xem xét triển khai các bước đi cụ thể tương tự EU.



3.2 Cơ hội trong dài hạn cho xuất khẩu Việt Nam

Thỏa thuận Xanh EU hiển nhiên đang đặt ra những thách thức lớn về chuyển đổi xanh cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là trong thời gian trước mắt.

Tuy nhiên, ở tầm nhìn xa hơn, trong kế hoạch dài hạn, doanh nghiệp chủ động chuyển đổi xanh đồng bộ và toàn diện cũng có thể tiếp cận những cơ hội mới rất đáng kể. Cụ thể:

Cơ hội mở rộng thị phần ở EU

EU trước nay luôn được biết đến là thị trường mà khách hàng sẵn sàng chi trả cao nhưng cũng có ý thức rõ nét về vấn đề bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Thậm chí trong so sánh với xu hướng chính sách xanh của EU thì ý thức tiêu dùng xanh của một bộ phận người tiêu dùng EU còn đi nhanh hơn, quyết liệt hơn.

Hiện tại, cùng với các phong trào xanh mạnh mẽ ở EU, tệp khách hàng xanh ở EU càng ngày càng lớn, mở ra “câu” thị trường đầy tiềm năng cho các sản phẩm xanh, nhất là các sản phẩm trong lĩnh vực tiêu dùng. Trong khi đó, các nguồn cung sản phẩm xanh vẫn còn rất hạn chế, trong bối cảnh đa phần các sản phẩm nước ngoài nhập khẩu hiện mới chỉ đang cố gắng đáp ứng các tiêu chuẩn pháp luật tối thiểu.

Do đó, nếu các doanh nghiệp chủ động chuyển đổi các sản phẩm xuất khẩu thông thường của mình (vốn đã bão hòa trong thị trường truyền thống) thành các sản phẩm xanh, doanh nghiệp có thể tiếp cận thị trường sản phẩm xanh đầy triển vọng của EU.

Cơ hội tiếp cận các thị trường phát triển với tiêu chuẩn tương tự EU

EU hiện là khu vực tiên phong và quyết liệt nhất trong thực hiện kinh tế xanh trên toàn cầu. Nhưng EU không phải là khu vực duy nhất nỗ lực vì một nền kinh tế thương mại xanh, bền vững. Ở nhiều thị trường quan trọng của xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là các thị trường phát triển mà Việt Nam đang hoặc có tiềm năng xuất khẩu cao như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Nhật Bản, Australia, New Zealand..., những vấn đề liên quan tới chuyển đổi xanh cũng đang dần trở thành khía cạnh được quan tâm/ưu tiên trong các chiến lược phát triển, hợp tác kinh tế - đầu tư của giới lãnh đạo và bộ máy quản lý.

Trong tương lai, nhiều khả năng các thị trường xuất khẩu quan trọng và tiềm năng này của Việt Nam cũng sẽ có những chính sách xanh, bền vững tương tự EU mà mặc dù có thể có khác biệt đôi chút về cách thức và chi tiết nhưng trong tổng thể vẫn sẽ đi theo cùng một chiều hướng. Thậm chí, ở một số thị trường, những biện pháp tương tự EU (ví dụ CBAM, chống phá rừng...) đã được dự thảo và/hoặc đưa vào các chương trình nghị sự chính thức để thông qua và có hiệu lực trong một thời điểm rất gần.

Đồng thời, cũng như EU, ở nhiều thị trường phát triển, khách hàng đang ngày càng có nhận thức sâu sắc và có hành động mạnh mẽ thông qua các lựa chọn tiêu dùng của mình với các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Do đó, ngay cả khi các quy định pháp lý chưa ràng buộc, khách hàng ở các thị trường này có thể đã đòi hỏi cao về các tiêu chuẩn xanh, bền vững.



Do đó, việc doanh nghiệp có sự trù tính, chuẩn bị và từng bước hành động để thực hiện chuyển đổi xanh trong quy trình sản xuất, đầu tư kinh doanh có thể là cơ hội “một công đôi việc” cho doanh nghiệp ở cả hai khía cạnh:

- *Thứ nhất, về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn xanh tại các thị trường xuất khẩu:* Thực hiện các tiêu chuẩn xanh của EU không chỉ giúp hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp đáp ứng các quy định để tiếp cận thị trường EU mà còn là cơ sở cho phép doanh nghiệp tự tin rằng hàng hóa của mình cũng sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn xanh đang/sẽ có của nhiều thị trường quan trọng khác. Trong một chừng mực nhất định, khi có được “chứng nhận” đáp ứng các tiêu chuẩn xanh EU, hàng hóa của doanh nghiệp cũng có thể dễ dàng được chấp nhận hoặc vượt qua kiểm soát về khía cạnh tương tự ở nhiều thị trường phát triển khác;
- *Thứ hai, về khả năng tiếp cận tệp khách hàng xanh ở các thị trường:* Chuyển đổi xanh cũng có thể giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường sản phẩm xanh ở nhiều nước, từ đó mở ra cơ hội tiếp cận tệp khách hàng xanh đang ngày càng mở rộng ở các thị trường này. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh trên thị trường sản phẩm truyền thống đang ngày càng gay gắt hơn, với quy mô thị trường ngày càng bị thu hẹp trước sự lan tỏa của ý thức về tiêu dùng xanh, bền vững.

Cơ hội tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Chuyển dịch từ mô hình sản xuất kinh doanh truyền thống sang mô hình sản xuất kinh doanh xanh và bền vững chắc chắn sẽ đòi hỏi những khoản chi nhất định (thiết lập mô hình sản xuất, công nghệ, phương thức làm việc mới...). Và với không ít doanh nghiệp, đây là khoản đầu tư đáng kể.

Tuy nhiên, trong lâu dài, việc chuyển đổi này có thể giúp tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là xung quanh các khía cạnh:

- Giảm chi phí năng lượng (ví dụ thông qua cơ chế năng lượng sạch tự sản tự tiêu, qua mô hình sản xuất được bố trí hợp lý nhằm tiết kiệm, tránh lãng phí năng lượng, qua các công nghệ sản xuất sạch tiết kiệm năng lượng/sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên có giá thành rẻ hơn...);
- Giảm chi phí kiểm soát chuỗi (ví dụ thông qua hệ thống sản xuất cho phép kiểm soát tự động, liên tục ở từng khâu trong chuỗi; thông qua cơ chế kiểm soát đầu vào cho phép loại trừ ngay tại nguồn các nguy cơ đối với chuỗi và sản phẩm cuối cùng...);
- Tối đa hóa hiệu suất kinh doanh (ví dụ thông qua các công nghệ xanh hiện đại cho phép tối đa hóa việc sử dụng năng lượng, hạn chế tình trạng lãng phí nguyên phụ liệu, vật tư, nước, tiết kiệm nguồn nhân lực...).

Cơ hội thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam

Là nền kinh tế có mức độ hội nhập sâu, đồng thời cũng rất thấu hiểu những hệ quả của tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, Việt Nam cũng đang tham gia tích cực vào các hành động chuyển dịch xanh, xây dựng nền kinh tế xanh, sạch, bền vững. Cụ thể:

- Từ góc độ quản lý Nhà nước, nhiều khung khổ chính sách, pháp luật hướng tới thực hiện chuyển đổi xanh, bền vững, tiết kiệm tài nguyên... đã và đang được xây dựng, ban hành và/hoặc thực thi, nhiều trường hợp tiệm cận với các chính sách xanh của EU và nhiều nước (ví dụ thuế môi trường, phí dịch vụ môi trường rừng, quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp, phát triển thị trường tín chỉ carbon ở Việt Nam...);
- Từ góc độ tiêu dùng, một bộ phận người tiêu dùng Việt Nam bắt đầu có ý thức về bảo vệ môi trường và đang có những nỗ lực tích cực trong lan tỏa thông điệp về môi trường trong các hành vi tiêu dùng.



Trong bối cảnh đó, thực hiện chuyển dịch xanh ở các doanh nghiệp không còn chỉ là công việc để đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu nữa mà còn là yêu cầu để doanh nghiệp:

- Bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp trong khuôn khổ pháp luật trong nước;
- Có điều kiện tiếp cận tệp khách hàng xanh nội địa (nếu doanh nghiệp có chiến lược phát triển thị trường trong nước đầy tiềm năng).

Ngoài ra, đối với một bộ phận doanh nghiệp trong các lĩnh vực xanh truyền thống (đặc biệt doanh nghiệp trong ngành lâm nghiệp, trồng rừng...), các chính sách liên quan (ví dụ phát triển thị trường tín chỉ carbon) là cơ hội tạo một nguồn thu đáng kể, có thể giúp doanh nghiệp tái đầu tư, thúc đẩy sản xuất, gia tăng biên độ lợi nhuận. Doanh nghiệp xuất khẩu là đối tượng của các biện pháp liên quan (ví dụ CBAM) thay vì phải mua các chứng chỉ xanh tốn kém của EU hay các thị trường khác có thể mua ở Việt Nam với giá hợp lý hơn. Từ đây, không chỉ lợi nhuận của doanh nghiệp có thể được bảo toàn tốt hơn mà doanh nghiệp còn có thể gián tiếp đóng góp vào sự phát triển xanh, bền vững ở trong nước.

Tóm lại, mặc dù chủ yếu hướng tới các chủ thể, vấn đề, đối tượng khí hậu bên trong EU, Thỏa thuận Xanh EU cũng được định hướng để lan tỏa các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trên toàn cầu. Điều này được thực hiện một phần thông qua “quyền lực tiêu dùng” của EU, thông qua các chính sách xanh đối với các sản phẩm sản xuất tại nước ngoài nhập khẩu vào EU. Từ đây, các yêu cầu xanh EU sẽ lan tỏa, trở thành tiêu chuẩn bắt buộc cho quá trình sản xuất, chế biến, xác minh nguồn gốc xuất xứ và xuất nhập khẩu các sản phẩm liên quan ở nước xuất khẩu. Là thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam, EU và các hành động xanh của khu vực này đang và sẽ tác động trực tiếp tới nhiều nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU (đặc biệt là điện tử, máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, dệt may, giày dép...). Thách thức đặt ra với các ngành liên quan có thể là rất lớn, cả từ góc độ nhận thức, năng lực đáp ứng và chi phí tuân thủ, đặc biệt là trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, thực hiện chuyển đổi xanh nói chung có thể mang lại cơ hội cho doanh nghiệp về thị trường, về nâng cao hiệu suất – tiết kiệm chi phí, và cả cơ hội góp một phần ý nghĩa vào thúc đẩy nền kinh tế xanh, bền vững ở ngay tại Việt Nam. Doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong các ngành bị ảnh hưởng được khuyến nghị cần theo dõi sát diễn tiến các chính sách xanh ở EU, nhận diện kịp thời các quy định có liên quan tới sản phẩm của mình và có hành động chuẩn bị từ sớm, từ xa để thích ứng, tuân thủ các yêu cầu bắt buộc khi EU áp dụng chính thức. Các cơ quan Nhà nước, hiệp hội, tổ chức khác có thể hỗ trợ hiệu quả cho quá trình thích ứng với các tiêu chuẩn xanh EU này của doanh nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin kịp thời, chuẩn xác và chi tiết về các tiêu chuẩn xanh EU theo nhóm sản phẩm cụ thể, tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện, cũng như phối hợp với phía EU trao đổi về cách thức thực thi phù hợp, về các hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Việt Nam.

03

THỎA THUẬN XANH EU VÀ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM, DỆT MAY VIỆT NAM

Thỏa thuận Xanh EU đang và sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến triển vọng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU, trong đó đáng chú ý có nông sản thực phẩm và dệt may, hai nhóm lĩnh vực xuất khẩu trọng điểm, mang lại thu nhập cho doanh nghiệp và hàng triệu người lao động Việt Nam. Chương này trình bày hiện trạng xuất khẩu các sản phẩm này của Việt Nam sang EU, nhận diện và phân tích các yêu cầu và ảnh hưởng cụ thể của Thỏa thuận Xanh EU đối với việc nhập khẩu các sản phẩm này vào EU, đồng thời khuyến nghị cách thức ứng phó, thích nghi phù hợp nhằm tiếp tục xuất khẩu ổn định, bền vững ở thị trường này.





I. Ngành nông sản thực phẩm Việt Nam và Thỏa thuận Xanh EU

1 Tổng quan về xuất khẩu nông sản thực phẩm¹ Việt Nam sang EU

EU cho đến nay chưa phải là thị trường xuất khẩu lớn của nông sản thực phẩm Việt Nam nhưng lại là thị trường có triển vọng đáng kể, đặc biệt là ở các phân khúc thị trường giá trị cao và hữu cơ trong bối cảnh xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam đang có nhiều lợi thế về thuế quan trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA).

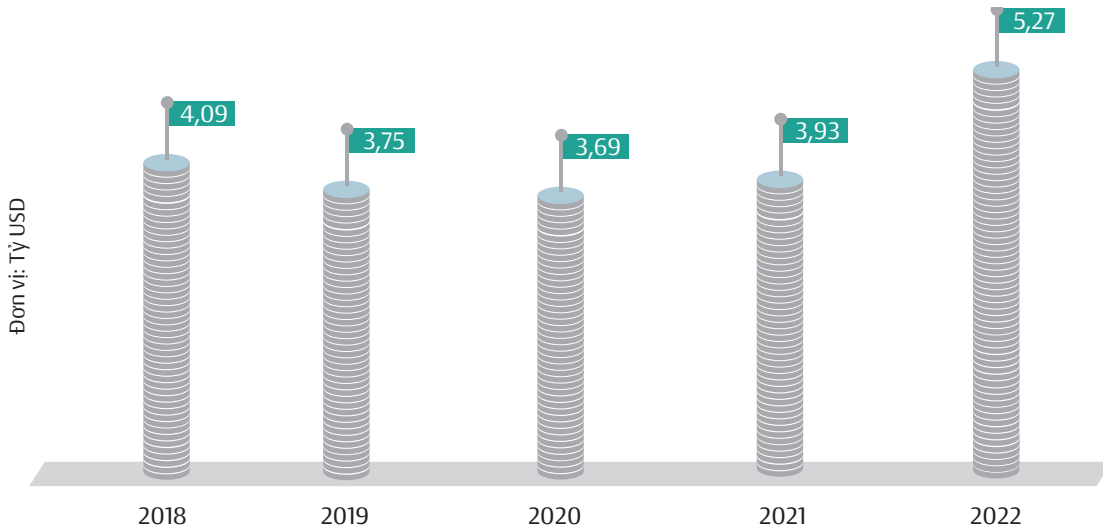
Về *kim ngạch*, xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang EU nhìn chung có sự tăng trưởng đáng kể trong 05 năm trở lại đây, tăng từ 4,09 tỷ USD năm 2018 lên đến 5,27 tỷ USD vào năm 2022 (số liệu ITC Trade Map). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của hàng nông sản, thực phẩm từ Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022 đạt 5,9%, tốt hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình mặt hàng này của Việt Nam ra thế giới (2,6%).

Dư địa để gia tăng xuất khẩu các mặt hàng này vào EU còn rất lớn khi xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang EU chỉ mới chiếm tỷ trọng rất nhỏ, khoảng 0,8% tổng lượng nhập khẩu các sản phẩm liên quan của EU.

¹ Nông sản, thực phẩm là lĩnh vực khá rộng và bao trùm nhiều loại sản phẩm khác nhau. Trong khuôn khổ Nghiên cứu này, để phù hợp với cách hiểu của EU về nông sản thực phẩm (foods), các sản phẩm nông sản thực phẩm được hiểu là nhóm hàng hóa thuộc các Chương 1-24 Bảng mã HS (rau quả, ngũ cốc, các loại thịt, thủy sản và các sản phẩm chế biến từ các loại này).



Hình 3 Xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trade Map, 2023

Về sản phẩm, các mặt hàng nông sản, thực phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU là chè, cà phê, gia vị; quả tươi/chế biến; thủy sản, ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc... Trong đó, cà phê, chè và các loại gia vị là nhóm sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang EU và chiếm thị phần tương đối trong nhập khẩu hàng hóa của thị trường này (chiếm tỷ trọng 7,4%, đứng vị trí thứ 2 trong số các nước xuất khẩu cà phê, chè nhiều nhất sang thị trường EU, chỉ sau Brazil). Tiếp theo là quả hạch, thủy sản. Cả ba nhóm dẫn đầu này cũng đồng thời là sản phẩm phải đối diện với nhiều chính sách xanh mới trong Thỏa thuận Xanh EU.



Bảng 5 Nhóm các mặt hàng nông sản, thực phẩm EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2022

Sản phẩm	Kim ngạch XK (triệu USD)	Tốp 5 nước (ngoài EU) mà EU nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng này
Chương 9: Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	1.966,47	Brazil, Việt Nam , Honduras, Colombia, Peru
Chương 8: Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	915,93	Hoa Kỳ, Peru, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Costa Rica
Chương 3: Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	902,11	Trung Quốc, Anh, Ấn Độ, Ecuador, Ma rốc, Việt Nam (8)
Chương 16: Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	505,53	Ecuador, Thái Lan, Việt Nam , Trung Quốc, Ma rốc
Chương 19: Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	234,38	Anh, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Thái Lan, Hy Lạp
Chương 20: Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch (nuts) hoặc các phần khác của cây	122,00	Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Hy Lạp, Anh
Chương 10: Ngũ cốc	92,95	Ukraine, Brazil, Canada, Anh, Mỹ
Chương 15: Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật.	76,93	Indonesia, Ukraine, Malaysia, Trung Quốc, Philippines
Chương 05: Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	31,55	Trung Quốc, Anh, Brazil, Mỹ, Iran

Nguồn: ITC Trade Map, 2023

Về thị trường xuất khẩu, Đức là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong EU đối với cả 03 nhóm hàng cà phê, gia vị; quả/quả hạch và thủy sản, lần lượt chiếm 33,3%, 34,4% và 18,7% tổng xuất khẩu các mặt hàng liên quan của Việt Nam sang thị trường EU năm 2022. Ngoài Đức, một số quốc gia khác của EU như Ý, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bỉ... cũng có nhu cầu rất lớn đối với các sản phẩm nông sản này của Việt Nam. Đây cũng là những thị trường khách hàng có yêu cầu cao về các sản phẩm xanh, hữu cơ.



Bảng 6 Xuất khẩu cà phê, chè, gia vị (HS 09) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022

Thị trường	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng
Đức	655,631	33,3%
Ý	406,275	20,7%
Tây Ban Nha	284,643	14,5%
Bỉ	177,229	9,0%
Hà Lan	81,021	4,1%

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trademap, 2023

Bảng 7 Xuất khẩu quả, quả hạch (HS 08) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022

Thị trường	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng
Đức	314,645	34,4%
Hà Lan	235,444	25,7%
Pháp	104,295	11,4%
Tây Ban Nha	61,951	6,8%
Ý	41,369	4,5%

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trademap, 2023

Bảng 8 Xuất khẩu thủy sản (HS 03) của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022

Thị trường	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng
Đức	168,435	18,7%
Bỉ	138,227	15,3%
Hà Lan	131,750	14,6%
Pháp	111,306	12,3%
Ý	79,009	8,8%

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trademap, 2023



2 Các chính sách xanh EU đối với nông sản thực phẩm nhập khẩu

Nông sản thực phẩm (foods) là nhân tố tiêu dùng gây ô nhiễm môi trường và làm suy thoái tài nguyên hàng đầu ở EU. Vì vậy, trong quá trình thực thi Thỏa thuận Xanh, EU đã và đang có nhiều chính sách xanh cụ thể liên quan tới nhóm sản phẩm này (cả trực tiếp và gián tiếp).

Sau đây là một số chính sách nổi bật có liên quan cùng những đánh giá sơ bộ về tác động của mỗi chính sách tới xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang thị trường EU:

Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” (F2F)

Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn” công bố ngày 20/5/2020 là chương trình trọng tâm của EU để thực hiện mục tiêu xây dựng hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường trong Thỏa thuận Xanh.

Cho tới nay, EU đã triển khai một loạt các hành động thực thi Chiến lược này, trong đó có một số biện pháp pháp lý có ảnh hưởng trực tiếp tới xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam vào thị trường này.

- **Dự thảo Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật (Proposal for Regulation on the sustainable use of plant protection products)**

Dự thảo Quy định đã được Ủy ban châu Âu công bố ngày 22/06/2022 và hiện đang trong quy trình tham vấn để xem xét thông qua.

Quy định này của EU bao gồm các nội dung nhằm hiện thực hóa mục tiêu giảm ít nhất 50% việc sử dụng hóa chất trừ sâu tại EU vào năm 2030. Mặc dù Quy định này chỉ trực tiếp điều chỉnh việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại EU nhưng nhiều khả năng nó có thể dẫn đến việc siết chặt các quy định về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các chất gây nguy hại trong nông sản, thực phẩm (áp dụng đối với cả sản phẩm nhập khẩu), từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến các tiêu chuẩn cụ thể đối với loại nông sản, thực phẩm nhập khẩu vào thị trường EU.

Thực hiện Quy định này đồng nghĩa với việc các nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sẽ phải (i) thiết lập và kiểm soát toàn bộ chuỗi trồng trọt, chế biến nông sản thực phẩm theo các tiêu chuẩn mới, khắt khe hơn về mức độ, loại thuốc bảo vệ thực phẩm có thể sử dụng; và (ii) có công nghệ kiểm soát, loại trừ hoặc giảm mức tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm cuối cùng theo định mức mới.



Hộp 6

Xu hướng hạn chế sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật ở EU

Hiện tại, mặc dù Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật với các mục tiêu cụ thể mới được EU dự thảo, chưa thông qua, trên thực tế, các nhà lập pháp EU đã bắt đầu triển khai những hành động cụ thể theo hướng này.

Cụ thể, chỉ trong nửa đầu năm 2023, EU đã sửa đổi ít nhất 04 Quy định hiện hành để thay đổi mức dư lượng tối đa (MRL) của 09 chất có trong nhiều loại sản phẩm nông sản thực phẩm thuộc nhóm xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam, bao gồm:

- Quy định EC số 2023/147 (Commission Regulation (EU) 2023/147) ngày 20/1/2023 về việc sửa đổi phụ lục II, III và V của Quy định số 396/2005 về mức MRL đối với cyromazine, topramezone và triflumizole trong một số sản phẩm như rau quả, trà, cà phê, các sản phẩm động vật... Quy định đã chính thức được áp dụng từ ngày 12/8/2023;
- Quy định EC số 2023/334 ngày 02/02/2023 về việc sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định số 396/2005 về mức MRL đối với Clothianidin và Thiamethoxam có trong nông sản và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Quy định đã được áp dụng từ ngày 07/03/2023;
- Quy định EC số 2023/465 ngày 03/03/2023 sửa đổi Quy định số 1881/2006 về mức MRL của asen trong một số loại thực phẩm như gạo, nước hoa quả, thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ em... Quy định này đã có hiệu lực từ ngày 26/3/2023;
- Quy định EC số 2023/466 ngày 03/03/2023 sửa đổi Phụ lục II, III, V của Quy định số 396/2005 về mức MRL đối với các chất isoxaben, novaluron và tetraconazole có trong một số sản phẩm nông sản, thực phẩm bao gồm: rau quả; hạt điều, cà phê, chè, gia vị, ngũ cốc, các sản phẩm từ động vật, trứng, sữa, mật ong... Quy định này đã chính thức được áp dụng từ ngày 26/9/2023.

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI

● Quy định về sản phẩm thuốc thú y (Regulations on veterinary medicinal products)

Quy định về sản phẩm thuốc thú y của EU được thông qua vào 11/12/2018 và chính thức có hiệu lực thực thi đầy đủ từ 28/1/2022. Do có nội dung phù hợp với mục tiêu của Chiến lược F2F nên Quy định này được EU xếp vào diện các chính sách cần thúc đẩy triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh.

Quy định này của EU bao gồm rất nhiều các biện pháp cụ thể (như cấm sử dụng các loại thuốc kháng sinh tăng trọng đối với động vật), nhằm thực hiện mục tiêu giảm 50% doanh số bán thuốc kháng sinh cho vật nuôi và nuôi trồng thủy sản vào năm 2030.

Quy định này không chỉ có ảnh hưởng đến việc mua bán và sử dụng thuốc thú y trong lãnh thổ EU mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các tiêu chuẩn cụ thể đối với các sản phẩm động vật nhập khẩu vào khu vực này.



- **Đề xuất sửa đổi quy định của EU về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm (Revision of Food Contact Materials legislation - FCMs)**

Đề xuất này nhằm tạo ra một hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường, đồng thời cải thiện an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng (đặc biệt là giảm sử dụng hóa chất độc hại), hỗ trợ sử dụng các giải pháp đóng gói sáng tạo và bền vững bằng vật liệu thân thiện với môi trường, có thể tái sử dụng và tái chế và góp phần giảm rác thải thực phẩm. Đây là giải pháp để thực hiện cùng lúc Chiến lược F2F và Chiến lược hóa chất vì sự bền vững của EU.

Hiện tại Ủy ban châu Âu mới công bố Bản đánh giá tác động về đề xuất sửa đổi Quy định FCM ngày 18/12/2020 và hiện vẫn đang trong quá trình tham vấn các bên liên quan.

Đề xuất sửa đổi Quy định này một khi được thông qua và có hiệu lực có thể làm thay đổi cách thức sản xuất, thiết kế bao bì cho các loại nông sản thực phẩm mà Việt Nam xuất khẩu sang EU.

- **Đề xuất sửa đổi Quy định về thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng (Proposal for a revision of the Regulation on Food Information to Consumers - FIC)**

Bản đánh giá tác động của đề xuất sửa đổi Quy định FIC được Ủy ban châu Âu công bố ngày 23/12/2020 và hiện vẫn đang trong quá trình tham vấn với các bên liên quan.

Theo Bản đánh giá đề xuất sửa đổi, EU dự kiến sẽ yêu cầu (i) ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc trên mặt trước của bao bì sản phẩm (nhằm giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn đúng đắn với những sản phẩm tốt cho sức khỏe); (ii) mở rộng phạm vi các sản phẩm phải nêu thông tin về nguồn gốc/xuất xứ bắt buộc trên nhãn (cho phép người tiêu dùng xác định rõ hơn nguồn gốc của thực phẩm, từ đó đưa ra những lựa chọn tiêu dùng sáng suốt); và (iii) sửa đổi quy định về cách xác định thời hạn sử dụng (“sử dụng trước” và “sử dụng tốt nhất trước”) để tránh lãng phí thực phẩm.

Nếu được thông qua và có hiệu lực, các quy định này sẽ buộc các nhà sản xuất, xuất khẩu thực phẩm Việt Nam sang EU phải thiết kế lại nhãn hàng hóa, từ nội dung đến vị trí dán nhãn, cũng như phải xây dựng lại cách tính thời hạn sử dụng của sản phẩm.

- **Bộ quy tắc ứng xử của EU về thực hành tiếp thị và kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm (EU Code of Conduct on Responsible Food Business and Marketing Practices)**

Bộ quy tắc này có hiệu lực vào ngày 5/7/2021 và là một sáng kiến tự nguyện trong ngành, trong đó liệt kê các hoạt động mà các bên tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm (nhà chế biến, nhà bán lẻ...) được khuyến nghị thực hiện để cải thiện và thể hiện hiệu suất bền vững của mình.

Tuy nhiên, Bộ quy tắc này có thể được sửa đổi và có thể trở thành luật nếu Ủy ban Châu Âu cho rằng các cam kết tự nguyện là không đủ. Nếu Bộ quy tắc này được luật hóa, trở thành yêu cầu pháp lý bắt buộc, các nhà sản xuất xuất khẩu nước ngoài sẽ phải tuân thủ các yêu cầu truy xuất nguồn gốc cũng như các chính sách về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) khắt khe hơn nếu muốn xuất khẩu thực phẩm sang EU.

Hiện tại có thể một số nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam sang EU đã phải tuân thủ Bộ quy tắc này theo yêu cầu của khách hàng EU. Tuy nhiên nếu Bộ quy tắc trở thành quy định bắt buộc, việc thực hiện sẽ là yêu cầu chung với tất cả các nhà sản xuất, xuất khẩu.



- **Đề xuất sửa đổi luật phúc lợi động vật (EU legislation on animal welfare)**

Ngày 06/07/2021, Ủy ban châu Âu đã công bố Bản đánh giá tác động của đề xuất sửa đổi một số quy định pháp luật về phúc lợi động vật của EU trong nhiều văn bản, trong đó có: (i) Chỉ thị liên quan đến việc bảo vệ vật nuôi (Directive concerning the protection of animals kept for farming purposes); (ii) Quy định về bảo vệ động vật trong quá trình vận chuyển (Regulation on the protection of animals during transport); (iii) Quy định về bảo vệ động vật tại thời điểm giết mổ (Regulation on the protection of animals at the time of killing)...

Với mục tiêu cải thiện sức khỏe động vật và chất lượng thực phẩm, giảm nhu cầu dùng thuốc và có thể bảo tồn đa dạng sinh học, EU dự kiến sửa các quy định hiện hành liên quan theo hướng (i) loại bỏ dần và thậm chí là cấm việc sử dụng lồng đối với tất cả các loài động vật được đề cập trong Sáng kiến công dân châu Âu (ECI) – “kết thúc thời đại lồng nhốt (End the Cage Age)”; (ii) sửa đổi các quy định về vận chuyển động vật và phúc lợi động vật ở cấp trang trại, bao gồm cả việc giết mổ; (iii) cân nhắc các phương án dán nhãn phúc lợi động vật để truyền tải giá trị tốt hơn thông qua chuỗi thức ăn.

Xuất khẩu các sản phẩm động vật, thịt của Việt Nam sang EU còn rất khiêm tốn, vì vậy có thể các quy định phúc lợi động vật nói trên chưa tạo ra ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp nào tập trung vào thị trường EU hiện tại hoặc trong tương lai, đây sẽ là vấn đề cần đặc biệt chú ý, bởi nó liên quan tới các công đoạn trước chế biến (quá trình nuôi, vận chuyển...) đòi hỏi các nỗ lực cao trong kiểm soát toàn chuỗi.

- **Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ (Regulation EU 2018/848 on organic production and labelling of organic products)**

Có hiệu lực từ 1/1/2021, Quy định này bao gồm các yêu cầu, điều kiện cụ thể mà một sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ để có thể được bán ở EU dưới dạng “sản phẩm hữu cơ”. Cụ thể, “sản phẩm hữu cơ” phải là sản phẩm: (i) tuân thủ đầy đủ các quy định về sản xuất và kiểm soát của nước xuất khẩu đã có thỏa thuận công nhận tương đương với EU; và (ii) có giấy chứng nhận do cơ quan kiểm soát có liên quan ở nước xuất khẩu cấp, xác nhận rằng sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn của EU.

Điều này có nghĩa là các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam nếu muốn được coi là “hữu cơ” ở EU thì sẽ phải tuân thủ các quy trình, thủ tục giấy tờ mới chặt chẽ hơn và bảo đảm các tiêu chuẩn của EU theo các cách thức mà EU chấp thuận.



Tóm tắt các quy định mới trong Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ (Regulation on Organic Production and Labelling of Organic Products)

- Phạm vi áp dụng: Mở rộng ra cả các sản phẩm nông nghiệp thứ cấp như sáp ong, muối biển, len và các sản phẩm khác
- Diện áp dụng: Ngoài nhãn trên sản phẩm còn mở rộng ra các tuyên bố, chỉ dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, hình ảnh hoặc dấu hiệu liên quan đến sản phẩm trên bao bì, chứng từ, nhãn mác... đi kèm hoặc đề cập đến sản phẩm đó
- Vật liệu nano (Engineered nanomaterials) không được phép sử dụng trong các sản phẩm hữu cơ
- Quy định các mô hình bắt buộc đối với nhà sản xuất EU và ngoài EU để có được chứng chỉ hữu cơ
- Các quy định mới áp dụng cho chứng nhận nhóm (với nhiều thay đổi liên quan tới sản phẩm từ các nước đang phát triển)
- Chỉ được phép sử dụng các thuật ngữ như hữu cơ (organic/bio) và sinh thái (ecological/eco) nếu sản phẩm được chứng nhận hữu cơ
- Bao bì thiết kế không được quá giống về màu sắc (xanh lá cây, trắng) và hình dạng (lá) của logo EU Bio, tránh gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng EU
- Nhãn cho các sản phẩm hữu cơ vào thị trường EU phải bao gồm mã số của cơ quan kiểm soát nước xuất khẩu và mã số vùng trồng nguyên liệu nông nghiệp để tạo ra sản phẩm hữu cơ.

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ Quy định EU 2018/848

Quy định về chống phá rừng (EUDR)

Quy định số 2023/1115 về một số sản phẩm liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng (EU Deforestation-Free Products Regulation – EUDR, sau đây gọi tắt là “Quy định về chống phá rừng”) được EU thông qua ngày 31/05/2023, có hiệu lực từ 29/6/2023 (tuy nhiên các quy định cấm và yêu cầu giải trình cốt lõi trong Quy định sẽ chỉ thực thi từ sau 30/12/2024).

Nội dung chủ yếu của EUDR là cấm nhập khẩu vào EU các sản phẩm được nuôi trồng trên đất phá rừng hoặc làm suy thoái rừng. Về phạm vi, EUDR áp dụng đối với các sản phẩm nước ngoài nhập khẩu vào EU thuộc các nhóm gia súc, cacao, cà phê, cao su, dầu cọ, đậu tương, gỗ và các sản phẩm được tạo ra từ những mặt hàng này (ví dụ sản phẩm da, socola, đồ nội thất...). Về mặt thủ tục, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh khi nhập khẩu vào EU sẽ phải có Xác nhận “tuân thủ” (“due diligence” statement) xác nhận rằng sản phẩm nhập khẩu không liên quan đến việc gây mất rừng hoặc làm suy thoái rừng từ sau 31/12/2020.

Mặc dù quy định này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm nuôi trồng trên đất chuyển đổi từ năm 2021 trở đi, trong khi phần lớn các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam có liên quan (đặc biệt là cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ) đều đến từ các vùng nguyên liệu đã khai thác ổn định nhiều năm nay, việc thực thi EUDR cũng tạo nghĩa vụ giải trình, chứng minh đối với các nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan ở các mức độ khác nhau tùy thuộc hiện trạng quản lý chuỗi cung.



Cụ thể, với ngành chế biến xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ, EUDR có thể không tạo ra ảnh hưởng bất lợi quá lớn do ngành này đã thực hiện việc truy xuất nguồn gốc gỗ và trách nhiệm giải trình theo Hiệp định Đối tác Tự nguyện VPA-FLEGT giữa Việt Nam và EU từ 2019. Tuy nhiên với các đơn vị xuất khẩu cà phê, ca cao, đậu tương...việc tổng hợp đầy đủ các tài liệu chứng từ về đất trồng hợp pháp và không thuộc diện mới chuyển đổi từ 2021 đến nay có thể rất phức tạp, nhất là khi hiện chưa có hướng dẫn nào cụ thể về thủ tục chứng minh.

Một số chính sách xanh khác

Ngoài các chính sách đã được nhận diện cụ thể như nêu ở trên, trong tương lai, một số chính sách xanh khác hiện chưa/ít liên quan tới nông sản thực phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang EU nhưng có thể mở rộng phạm vi áp dụng và không loại trừ khả năng sẽ bao gồm cả các sản phẩm nông sản thực phẩm. Ví dụ:

- *Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM):*

Quy định về CBAM yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài vào EU phải mua chứng chỉ CBAM để trả cho lượng phát thải carbon đã thải ra môi trường trong quá trình sản xuất. Hiện CBAM giai đoạn đầu chỉ mới đang áp dụng cho các sản phẩm nhập khẩu vào EU thuộc 06 nhóm hàng hóa mà quá trình sản xuất gây phát thải lớn nhất (gồm sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón, điện và khí hydro).

Tuy nhiên EU đã có kế hoạch để rà soát kết quả thực hiện CBAM với 06 ngành nói trên vào năm 2030 để sau đó có quyết định có mở rộng CBAM ra các sản phẩm khác (với khoảng 30 nhóm sản phẩm nguy cơ cao gây ô nhiễm; hoặc với tất cả các sản phẩm hàng hóa) hay không.

- *Các quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)*

Theo EPR, các nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm tài chính một phần hoặc toàn bộ cho việc xử lý rác thải từ quá trình sử dụng sản phẩm của mình thông qua việc nộp một khoản phí tương ứng cho quốc gia nơi phải xử lý các rác thải này.

EPR hiện đang áp dụng ở EU, tuy nhiên chỉ giới hạn ở một số nhóm sản phẩm (ví dụ pin, ắc quy, phương tiện vận tải...). Tuy nhiên, trong khuôn khổ thực thi Thỏa thuận Xanh, Chương trình EPR có thể được điều chỉnh để mở rộng về phạm vi (ví dụ áp dụng cho rác thải từ bao bì của tất cả các sản phẩm, bao gồm cả sản phẩm nội địa EU và nhập khẩu).



3 Sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam trước các thách thức từ Thỏa thuận Xanh EU

Các thách thức đặt ra

Từ bức tranh tổng thể các chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU, có thể thấy sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam đang đứng trước những thách thức đáng kể với xu hướng xanh ở thị trường này.

Cụ thể, các chính sách xanh có liên quan đến sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang EU có một số điểm đáng chú ý sau:

- *Về số lượng*, trong so sánh với nhiều lĩnh vực khác, các biện pháp, chính sách xanh liên quan tới nông sản, thực phẩm (bao gồm cả sản xuất nội khối EU và nhập khẩu từ bên ngoài) nhiều hơn đáng kể (có thể chỉ xếp sau lĩnh vực khí hậu). Hơn thế nữa, trong các nỗ lực thực hiện mục tiêu “vì một hệ thống thực phẩm bền vững cho con người và trái đất”, EU vẫn đang tiếp tục các hành động mới ở khía cạnh này, do đó số lượng các tiêu chuẩn xanh, bền vững đối với nông sản thực phẩm có thể sẽ còn tăng thêm nữa, đặc biệt là từ nay cho tới 2030;
- *Về tính chất*, ngoại trừ các chính sách mang tính hỗ trợ, khuyến nghị trong khuôn khổ Chính sách chung về nông nghiệp của EU (CAP) chỉ áp dụng cho hoạt động sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm diễn ra trên lãnh thổ EU, phần lớn các biện pháp khác (nhất là trong khuôn khổ Chiến lược Từ trang trại đến bàn ăn – F2F) đều là các quy định mang tính quy phạm bắt buộc, do đó một khi có hiệu lực sẽ trở thành tiêu chuẩn tối thiểu mà các sản phẩm nông sản, thực phẩm liên quan phải tuân thủ nếu muốn được đưa vào tiêu thụ trên thị trường EU;
- *Về phạm vi*, ngoài CAP, phần lớn các biện pháp trong lĩnh vực này được thiết kế để áp dụng cho cả các sản phẩm của EU và sản phẩm nhập khẩu từ bên ngoài vào EU. Cá biệt, có những trường hợp biện pháp được thiết kế hướng trực tiếp vào đối tượng là các sản phẩm nhập khẩu vào EU (ví dụ Quy định về chống phá rừng - EUDR). Vì thế, sản xuất và xuất khẩu nông sản thực phẩm vào EU phải quan tâm tới hầu như tất cả các chính sách xanh của EU, đặc biệt trong khuôn khổ Chiến lược Từ trang trại đến bàn ăn – F2F;
- *Về đối tượng*: Một số biện pháp trong nhóm này áp dụng chung cho tất cả các loại nông sản thực phẩm (ví dụ các quy định liên quan tới thuốc bảo vệ thực vật, bao bì đóng gói nông sản thực phẩm...). Tuy nhiên một số khác chỉ liên quan tới một số loại sản phẩm nhất định (ví dụ quy định về thực phẩm hữu cơ chỉ liên quan tới các loại nông sản thực phẩm ghi nhãn hữu cơ; EUDR chỉ áp dụng với nhóm các sản phẩm có nguy cơ cao trồng trên đất do phá rừng như cà phê, cacao...). Do đó, để xác định một loại nông sản thực phẩm có thuộc phạm vi áp dụng của một chính sách xanh cụ thể hay không cần phải tìm hiểu chi tiết, cụ thể, mà không chỉ nhìn tên chung chung;
- *Về các khía cạnh bị tác động*: Các chính sách xanh về nông sản thực phẩm của EU được nhận diện cho tới thời điểm hiện tại tác động đến nhiều công đoạn khác nhau trong cả chuỗi sản xuất, từ khâu nuôi trồng (ví dụ các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, nuôi nhốt động vật...), chế biến (ví dụ quy định về vận chuyển, giết mổ động vật...) đến khâu đóng gói thành phẩm (ví dụ các quy định về bao bì, về ghi nhãn...). Do vậy, nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm sang EU sẽ phải quan tâm để biết và tuân thủ các quy định này trong suốt chu trình/chuỗi sản xuất mà không phải chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng.



Tất cả những đặc điểm trên cho thấy việc theo dõi và tuân thủ các chính sách xanh của EU trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm là rất thách thức và phức tạp cho bất kỳ nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài nào. Với các nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam, thách thức có thể lớn hơn nữa trong bối cảnh (i) sản xuất nông thủy sản ở Việt Nam thường được tổ chức phân tán theo hộ kinh doanh, trang trại quy mô nhỏ, đơn lẻ, tính liên kết giữa vùng nguyên liệu và nhà máy còn lỏng lẻo... khiến việc kiểm soát toàn chuỗi là rất phức tạp; và (ii) các nhà máy chế biến, đặc biệt là chế biến nông sản thường có quy mô vốn hạn chế, sử dụng công nghệ đơn giản, không dễ điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu mới, trong khi lại không đủ nguồn lực để đầu tư chuyển đổi toàn diện.

Những yếu tố thuận lợi

Mặc dù rất thách thức (với các chính sách nhiều về số lượng, rộng về phạm vi, tính ràng buộc cao, diện tác động trải dài), việc thực hiện các chính sách xanh trong lĩnh vực nông sản thực phẩm của các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam cũng có một số thuận lợi nhất định:

- *Về lộ trình thực hiện chung:* Tương tự như phần lớn các chính sách được triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh, các chính sách áp dụng với nông sản, thực phẩm thông thường sẽ có một khoảng thời gian nhất định trước khi có hiệu lực chính thức, hoặc có lộ trình thực hiện dần dần cho đến khi áp dụng đầy đủ. Vì vậy, nếu theo dõi cập nhật tình hình thường xuyên, doanh nghiệp cơ bản có thể chuẩn bị cho việc tuân thủ các quy định mới;
- *Về hiện trạng hiệu lực:* Ngoại trừ một số quy định đã có hiệu lực áp dụng (ví dụ: Quy định về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ đã có hiệu lực từ 1/1/2021, Quy định về sản phẩm thuốc thú y có hiệu lực từ 28/01/2022, EUDR có hiệu lực từ 29/6/2023...), hầu hết các chính sách mới triển khai Thỏa thuận Xanh hiện mới đang ở dạng đề xuất/dự thảo, được đưa ra để tham vấn công chúng và xem xét nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền của EU, mà chưa được thông qua/ban hành chính thức. Do đó, ở thời điểm này, nhìn chung các nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm sang EU chưa phải tuân thủ quy định hay tiêu chuẩn xanh cụ thể nào (trừ các quy định về sản phẩm ghi nhãn hữu cơ hay các quy định đơn lẻ về dư lượng tối đa). Và vì thế doanh nghiệp vẫn còn thời gian để tìm hiểu, thích ứng và sẵn sàng cho những diễn tiến của các chính sách xanh trong lĩnh vực này;
- *Về tính mới:* Một số biện pháp đề xuất mới trong lĩnh vực này thực ra là đề xuất sửa đổi, nâng cấp các quy định hiện có (ví dụ các quy định liên quan tới thuốc bảo vệ thực vật, phúc lợi động vật, thông tin cho người tiêu dùng...) mà không phải là một hệ thống các yêu cầu hoàn toàn mới. Các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam vốn đã đang phải tuân thủ các hệ thống này, các đề xuất mới thường tập trung vào việc nâng cấp hoặc điều chỉnh mức độ yêu cầu (ví dụ giảm mức tối đa cho phép, bổ sung thêm các loại thông tin và cách thức truy xuất thông tin cho người tiêu dùng...). Do đó, việc tuân thủ các quy định mới nếu có sự chuẩn bị đầy đủ có thể sẽ không phải là quá khó.
- *Về mức độ ảnh hưởng tới cạnh tranh chung:* Mặc dù các tiêu chuẩn xanh, bền vững thường đi kèm với chi phí tuân thủ cao hơn, phần lớn các chính sách xanh trong lĩnh vực nông sản thực phẩm được EU áp dụng chung cho cả hàng hóa sản xuất tại nội địa EU và hàng nhập khẩu từ bên ngoài. Theo cách này, không chỉ nông sản thực phẩm từ Việt Nam phải gánh thêm các chi phí tuân thủ mà các sản phẩm từ các nguồn khác cũng phải chịu chi phí tương tự. Đối với các trường hợp tiêu chuẩn xanh mới chỉ áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu (ví dụ EUDR), ít nhất các chi phí tăng thêm cũng là vấn đề chung giữa hàng Việt Nam và hàng từ các đối thủ cạnh tranh nhập khẩu. Do đó, trong tổng thể, các tiêu chuẩn xanh, bền vững của EU khi được áp dụng được cho là sẽ không dẫn tới thay đổi đáng kể tương quan cạnh tranh trên thị trường EU, ít nhất là giữa các nguồn nhập khẩu khác nhau và từ góc độ cạnh tranh về giá.



Khuyến nghị doanh nghiệp thích ứng

Thỏa thuận Xanh EU đặt ra những yêu cầu mới đầy thách thức đối với hoạt động sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam sang thị trường EU. Và tương tự như với tất cả các ngành sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng khác, nông sản thực phẩm được cho là sẽ phải thay đổi đáng kể để đáp ứng các tiêu chuẩn xanh cao hơn, các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và thông tin phức tạp hơn, và mất nhiều chi phí hơn để tuân thủ các yêu cầu này.

Mặc dù vậy, trong bối cảnh phần lớn các yêu cầu này mới chỉ đang ở giai đoạn dự thảo, các chính sách xanh EU trong lĩnh vực này cơ bản chưa làm thay đổi hiện trạng các yêu cầu pháp lý tối thiểu mà xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam phải tuân thủ. Do đó, các nhà nuôi trồng, sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam cơ bản vẫn còn thời gian để chuẩn bị cho sự thay đổi mà xa hơn là thích ứng và tận dụng cơ hội từ xu hướng chuyển đổi xanh của EU nói riêng và thị trường xuất khẩu thế giới nói chung.

Cụ thể, ngoài các khuyến nghị chung cho tất cả các ngành xuất khẩu bị ảnh hưởng (như nêu tại Chương II), các nhà nuôi trồng, sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt Nam sang EU (tự mình hoặc trong khuôn khổ nhóm doanh nghiệp, hiệp hội) được khuyến nghị cần tập trung chú ý và hành động kịp thời trước các tiêu chuẩn xanh của EU thông qua việc:

- Tìm hiểu và thường xuyên cập nhật về các thay đổi chính sách của EU liên quan tới nông sản thực phẩm nói chung, đặc biệt là các hành động triển khai Chiến lược “Từ trang trại đến bàn ăn”, từ đó (i) nắm bắt được xu hướng, khả năng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, xuất khẩu của mình; và (ii) nhận diện ngay các dự kiến chính sách có thể tác động tới hoạt động sản xuất, xuất khẩu của mình để có sự chuẩn bị từ sớm;
- Nghiên cứu kỹ các quy định (dạng dự thảo hoặc đã ban hành) trong khuôn khổ các chính sách xanh EU (như thống kê sơ bộ tại tiểu mục 2 ở trên) để xác định các yêu cầu cụ thể đối với các sản phẩm xuất khẩu của mình, từ đó có sự chuẩn bị và điều chỉnh để sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu này khi chúng có hiệu lực trên thực tế;
- Tính tới chiến lược chuyển đổi xanh trong sản xuất, xuất khẩu trong tương lai xa hơn để có thể đi trước, khai thác thị trường các sản phẩm xanh, bền vững và tệp khách hàng xanh ở EU cũng như nhiều khu vực khác.



II. Ngành dệt may Việt Nam và Thỏa thuận Xanh EU

1 Tổng quan về xuất khẩu dệt may¹ Việt Nam sang EU

EU là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của dệt may Việt Nam trong suốt nhiều năm qua.

Về kim ngạch, xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang EU ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong 5 năm trở lại đây, tăng từ 5,14 tỷ USD năm 2018 lên đến 7,3 tỷ USD vào năm 2022 (số liệu ITC Trade Map). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của hàng dệt may thành phẩm từ Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022 đạt 10,9%, trong đó giá trị xuất khẩu năm 2022 có sự tăng trưởng vượt bậc với 24,4%.

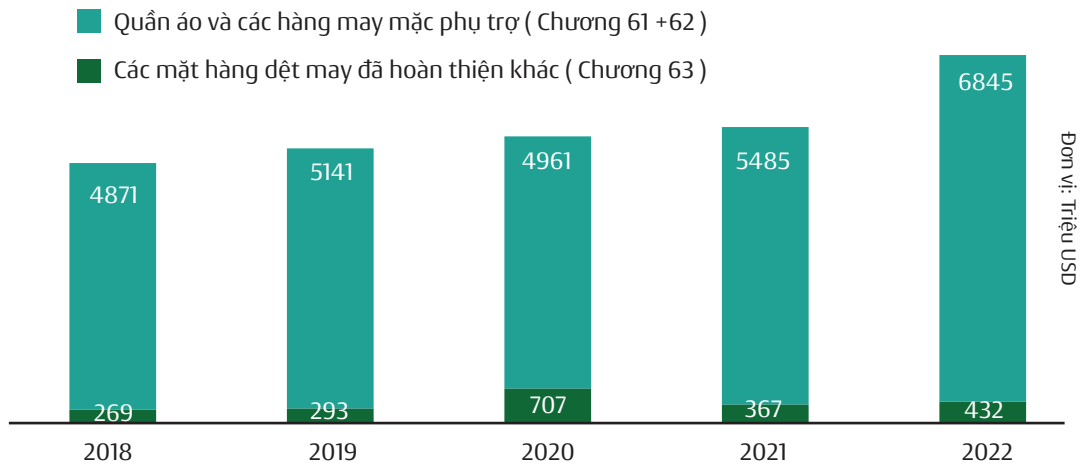
Dù tăng ổn định, triển vọng thị trường của dệt may ở EU vẫn còn rất nhiều dư địa để tiếp tục tăng trưởng bởi xét về thị phần, xuất khẩu hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam sang EU mới chỉ chiếm 3,2% tổng lượng nhập khẩu của EU. Vì vậy, cùng với tận dụng hiệu quả Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU, thực hiện Thỏa thuận Xanh trong sản xuất, xuất khẩu dệt may sang EU cũng đồng thời là chìa khóa để dệt may Việt Nam có thể hiện thực hóa triển vọng này.

¹ Hàng dệt may được đề cập trong Báo cáo này chỉ giới hạn ở hàng dệt may thành phẩm thuộc Chương 61-63, chủ yếu là quần áo; hàng may mặc phụ trợ; và các sản phẩm dệt hoàn thiện khác (như chăn, màn, khăn các loại, màn rèm vải, các sản phẩm dệt trang trí nội thất, bao túi...)

Ghi chú: Mã HS Chương 61: Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc; Chương 62: Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc; Chương 63: Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác; vải vụn.



Hình 4 Xuất khẩu hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam sang EU giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trade Map, 2023

Về thị trường, hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam mặc dù xuất hiện ở hầu khắp các nước thành viên EU nhưng chủ yếu vẫn tập trung ở một số thị trường chủ chốt. Năm 2022, Việt Nam xuất khẩu mặt hàng này nhiều nhất sang các thị trường Đức, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha và Bỉ... Đây đồng thời cũng là những thị trường mà người tiêu dùng có nhận thức và có thói quen tiêu dùng xanh dẫn đầu ở EU. Do đó thực hành dệt may xanh không chỉ để vượt qua các tiêu chuẩn xanh bắt buộc của EU mà còn là yêu cầu để tiếp cận và giữ tệp khách hàng quan trọng này.

Bảng 9 Xuất khẩu hàng dệt may thành phẩm của Việt Nam sang một số nước EU năm 2022

Thị trường	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng
Đức	2.187,94	30,1%
Pháp	1.493,97	20,5%
Hà Lan	697,17	9,6%
Tây Ban Nha	651,80	9,0%
Bỉ	594,62	8,2%

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trademap, 2023



Về sản phẩm, các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của dệt may Việt Nam sang thị trường này là hàng may mặc (quần áo và các hàng may mặc phụ trợ), chiếm hơn 94% tổng xuất khẩu. Đây cũng đồng thời là nhóm có xu hướng thời trang nhanh, là đối tượng của nhiều biện pháp, quy định trong Thỏa thuận Xanh của EU.

Bảng 10 Top 10 mặt hàng may mặc EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2022

Tên sản phẩm	Kim ngạch XK sang EU (triệu USD)	Top 5 nguồn cung lớn nhất vào EU
Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo choàng không tay, áo khoác có mũ, dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, từ sợi nhân tạo (không bao gồm dệt kim hoặc móc) – HS 620240	580,47	Trung Quốc, Myanmar, Việt Nam , Bangladesh, Campuchia
Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe, áo choàng không tay, áo khoác có mũ, dành cho đàn ông hoặc trẻ em trai, từ sợi nhân tạo (không bao gồm dệt kim hoặc móc) – HS 620140	515,77	Trung Quốc, Việt Nam , Bangladesh, Myanmar, Campuchia
Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc bằng sợi tổng hợp dành cho nam giới hoặc trẻ em trai (không bao gồm dệt kim hoặc móc) – HS 620343	462,57	Trung Quốc, Bangladesh, Việt Nam , Thổ Nhĩ Kỳ, Lào
Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi lê và các mặt hàng tương tự, từ sợi nhân tạo, dệt kim hoặc móc – HS 611030	310,60	Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Campuchia, Myanmar, Việt Nam (6)
Áo phông, áo ba lỗ và các loại áo lót khác từ bông, dệt kim hoặc móc – HS 610910	294,60	Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam
Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc từ sợi tổng hợp, dệt kim hoặc móc, dành cho phụ nữ và trẻ em gái - HS 610463	281,48	Trung Quốc, Bangladesh, Campuchia, Việt Nam , Thổ Nhĩ Kỳ
Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc từ sợi tổng hợp, dành cho phụ nữ và trẻ em gái (không bao gồm dệt kim hoặc móc) – HS 620463	259,35	Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Việt Nam , Ma-rốc



Bảng 10

Tên sản phẩm	Kim ngạch XK sang EU (triệu USD)	Tốp 5 nguồn cung lớn nhất vào EU
Áo phông, áo ba lỗ và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc (không bao gồm bông) - HS 610990	256,26	Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Việt Nam , Campuchia
Áo lót bằng các loại vật liệu dệt, có hoặc không co giãn, bao gồm dệt kim hoặc móc – HS 621210	254,78	Trung Quốc, Bangladesh, Sri Lanka, Việt Nam , Indonesia
Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi lê và các mặt hàng tương tự, từ bông, dệt kim hoặc móc – HS 611020	237,01	Bangladesh, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Parkistan, Campuchia, Việt Nam (7)

Nguồn: Tổng hợp của Nhóm Nghiên cứu VCCI từ ITC Trade Map, 2023

Đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam về hàng dệt may tại thị trường EU gồm Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ và một số nước ASEAN như Myanmar, Campuchia, Lào, Indonesia... Một vài trong số này đang có những động thái nhanh và mạnh nhằm chuyển đổi sang “dệt may xanh” để thích ứng với Thỏa thuận Xanh, và vì vậy dệt may Việt Nam cũng không thể chậm trễ trong công cuộc chuyển đổi này.



2 Các chính sách xanh EU đối với hàng dệt may nhập khẩu

Là lĩnh vực tiêu dùng đứng thứ 4 trong số các tác nhân làm suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, lĩnh vực tiêu thụ nước và sử dụng đất nhiều thứ 3, sử dụng nguyên liệu thô và phát thải khí nhà kính ở EU nhiều thứ 5 ở EU, không ngạc nhiên khi dệt may trở thành một trong những ngành được EU tập trung nhiều nỗ lực thúc đẩy thực thi Thỏa thuận Xanh EU, trong số đó đáng chú ý nhất là Chiến lược của EU đối với dệt may tuần hoàn và bền vững (EU strategy for sustainable and circular textiles).

Chiến lược này là một trong 35 hành động thuộc Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn của EU (Circular Economy Action Plan), được Ủy ban châu Âu công bố ngày 30/3/2022 và hiện đang được triển khai thực thi thông qua các biện pháp, chính sách cụ thể.

Về mục tiêu

EU thiết kế Chiến lược này như là một chương trình tổng thể, nhất quán cho quá trình chuyển đổi xanh, bền vững của ngành dệt may với mục tiêu:

- Đến năm 2030, tất cả các sản phẩm dệt may được đưa vào lưu thông trên thị trường EU đều có độ bền cao, có thể sửa chữa và tái chế, không chứa các chất độc hại;
- Người tiêu dùng EU được hưởng lợi lâu hơn từ hàng dệt may chất lượng cao giá cả phải chăng;
- Chấm dứt xu hướng thời trang nhanh, và các dịch vụ sửa chữa và tái sử dụng hàng dệt may được phổ biến rộng rãi.

Về nội dung

Chiến lược này đề ra một loạt các hành động nhằm tác động tới toàn bộ vòng đời của sản phẩm dệt may trong hệ sinh thái chuyển đổi xanh và số, trong đó đáng chú ý có:

- Thiết kế hàng dệt may theo các tiêu chí xanh (các yêu cầu tối thiểu về sử dụng sợi tái chế trong sản phẩm dệt, về độ bền, khả năng sửa chữa và tái chế, cấm tiêu hủy sản phẩm dệt may tồn kho...);
- Thông tin rõ ràng hơn về sản phẩm dệt may và “hộ chiếu số” cho sản phẩm (thông tin bắt buộc về khả năng tái chế và về các yếu tố môi trường của sản phẩm);
- Kiểm soát chặt hiện tượng thông tin gian dối về sản phẩm;
- Xử lý hiệu quả tình trạng phát tán hạt vi nhựa từ sản phẩm dệt may ra môi trường (bao gồm cả quá trình sản xuất, giặt công nghiệp, dán nhãn, sử dụng...);
- HÀi hòa các quy định của EU về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong lĩnh vực dệt may và các giải pháp khuyến khích tạo sản phẩm bền vững;
- Thiết lập lộ trình chuyển đổi sang hệ sinh thái dệt may đến 2030.

Về thực tế triển khai

Sau khi công bố Chiến lược về dệt may tuần hoàn và bền vững, EU đã đưa ra một loạt các sáng kiến khác nhau để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra trong Chiến lược này cũng như trong Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (CEAP), trong đó một số biện pháp đáng chú ý liên quan trực tiếp tới hàng dệt may nhập khẩu vào EU:



Dự thảo Quy định về Thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững (Ecodesign for Sustainable Products Regulation)

- *Tiến trình:* Dự thảo này được đưa ra vào 30/3/2022 và hiện vẫn đang trong quá trình xem xét phê chuẩn để có hiệu lực.
- *Mục tiêu:* Quy định nhằm đảm bảo tất cả các sản phẩm được sản xuất hoặc bán tại thị trường EU đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về tính bền vững.
- *Về phạm vi:* Quy định được thiết kế để áp dụng cho nhiều loại sản phẩm, trong đó có sản phẩm điện tử, công nghệ thông tin, dệt may, đồ nội thất và các sản phẩm trung gian khác có nhiều tác động đến môi trường như thép, xi măng, hóa chất...
- *Về nội dung:* Đối với các sản phẩm dệt may, trong Quy định này, EU dự kiến sẽ xây dựng và áp dụng các quy định bắt buộc về *thiết kế sinh thái* cụ thể cho sản phẩm để tăng hiệu suất của hàng dệt may về độ bền, khả năng tái sử dụng, khả năng sửa chữa, khả năng tái chế và hàm lượng sợi tái chế bắt buộc, giảm thiểu và theo dõi các hóa chất nguy hại có trong sản phẩm dệt may; yêu cầu *công khai thông tin* về số lượng các sản phẩm dệt may bị loại bỏ hoặc tiêu hủy, xem xét *cấm tiêu hủy* các sản phẩm tồn kho hoặc bị trả lại...

Cũng trong khuôn khổ này, EU sẽ có các tiêu chí bắt buộc liên quan tới mua sắm công xanh ở EU và các điều kiện đối với các ưu đãi của các nước thành viên trong mua sắm sản phẩm dệt may.

Chiến lược hóa chất vì sự bền vững (Chemicals Strategy for Sustainability)

- *Tiến trình:* Chiến lược này được công bố vào ngày 14/10/2020, là khung khổ chính sách định hướng cho các biện pháp cụ thể sau đó.
- *Mục tiêu:* Bảo đảm một môi trường không có chất độc hại với mức độ bảo vệ sức khỏe con người và môi trường cao hơn. Điểm mới của Chiến lược này là phương pháp tiếp cận “an toàn và bền vững theo từng thiết kế”, có tính đến độc tính của hóa chất ở tất cả các giai đoạn tồn tại của sản phẩm - từ sản xuất đến sử dụng, tái chế và thải bỏ, với mục đích ngăn chặn các hóa chất độc hại xâm nhập vào sản phẩm từ giai đoạn thiết kế.
- *Nội dung và phạm vi:* Thúc đẩy việc cấm các hóa chất độc hại nhất (đặc biệt là các chất gây rối loạn nội tiết) trong các sản phẩm tiêu dùng như mỹ phẩm, đồ chơi, chất tẩy rửa, đồ chăm sóc trẻ em, đồ nội thất, hàng dệt may hoặc các vật liệu tiếp xúc với thực phẩm... trừ khi việc sử dụng này là cần thiết cho vận hành xã hội hoặc nếu không có giải pháp thay thế nào khả thi.
- *Thực tế:* Một số biện pháp cụ thể đã được dự kiến triển khai để thực thi Chiến lược này, ví dụ dự kiến sửa đổi Quy định của EU về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế đối với hóa chất (REACH), trong đó có các quy định liên quan tới các chất nguy hại trong hàng dệt may.

Sửa đổi Quy định ghi nhãn hàng dệt may (Textile Labelling Regulation)

- *Tiến trình:* Dự thảo sửa đổi Quy định ghi nhãn hàng dệt may dự kiến sẽ được Ủy ban châu Âu công bố vào cuối năm 2023.
- *Nội dung:* Bổ sung các quy định mới về ghi nhãn vật lý và kỹ thuật số cho hàng dệt may, tập trung vào các thông số về tính bền vững và tính tuần hoàn dựa trên các yêu cầu của Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững sẽ ban hành.



Dự thảo Chỉ thị về Tuyên bố xanh (Green Claims Directive)

- *Tiến trình:* Dự thảo được công bố ngày 22/03/2023, hiện đang trong quá trình xem xét phê chuẩn để có hiệu lực.
- *Mục đích:* Loại bỏ các thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn về tác động tới môi trường của sản phẩm (greenwashing) thông qua các quy định để đảm bảo các nhãn và tuyên bố về môi trường trên sản phẩm là đáng tin cậy, có thể so sánh và kiểm chứng được trên toàn EU, qua đó cho phép người tiêu dùng đưa ra quyết định mua hàng sáng suốt.
- *Nội dung:* Chỉ thị này (i) xác định các tiêu chí rõ ràng về phương pháp mà nhà sản xuất phải sử dụng để chứng minh các tuyên bố và nhãn mác về môi trường trên sản phẩm; (ii) quy định các tuyên bố và nhãn của nhà sản xuất phải được kiểm tra bởi một cơ quan xác minh độc lập và được công nhận; (iii) đưa ra các quy tắc về quản lý chương trình dán nhãn môi trường để đảm bảo tính minh bạch và sự tin cậy đối với người tiêu dùng.

Dự thảo sửa đổi Chỉ thị khung của EU về Rác thải (Proposal on a targeted amendment of the Waste Framework Directive)

- *Tiến trình:* Dự thảo được công bố ngày 5/7/2023, hiện đang trong quá trình xem xét phê chuẩn bởi các cơ quan có thẩm quyền của EU.
- *Mục đích:* Tăng trách nhiệm của nhà sản xuất đối với toàn bộ vòng đời của sản phẩm dệt may, thúc đẩy quản lý rác thải dệt may bền vững ở EU và tạo động lực để nhà sản xuất cải thiện độ bền, khả năng tái chế và giảm rác thải hàng dệt may của mình.
- *Nội dung:* Nhà sản xuất hàng dệt may sẽ phải chịu trách nhiệm tài chính một phần hoặc toàn bộ cho việc xử lý rác thải từ quá trình sử dụng sản phẩm của mình thông qua việc nộp một khoản phí tương ứng cho quốc gia nơi phải xử lý các rác thải này.

Các chính sách xanh khác

- Một số chính sách mà EU thực hiện nhằm giảm tình trạng gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất hàng dệt may, gồm (i) sửa đổi *Chỉ thị về Khí thải Công nghiệp* (Industrial Emissions Directive), (ii) rà soát *Tài liệu Tham khảo về kỹ thuật tốt nhất hiện có cho ngành dệt may* (Best available techniques (BAT) reference document (BREF) for the textiles industry); (iii) khởi động *Lộ trình chuyển đổi cho hệ sinh thái dệt may trong tương lai* (Textiles Ecosystem Transition Pathway); (iv) khởi xướng các chương trình hành động nhằm thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng quá mức như *#ReFashionNow*, *European Bauhaus*, *Cam kết tiêu dùng bền vững* (Commitment to Sustainable Consumption)...
- Một số chính sách xanh khác vốn hiện chưa áp dụng cho dệt may của Việt Nam xuất khẩu sang EU nhưng trong tương lai có thể mở rộng phạm vi áp dụng sang nhóm sản phẩm này.

Ví dụ điển hình là *Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới* (CBAM) (xem chi tiết tại Chương II Báo cáo này). Hiện CBAM giai đoạn đầu chỉ mới đang áp dụng cho 06 nhóm hàng hóa gồm sắt thép, nhôm, xi măng, phân bón, điện và khí hydro. Tuy nhiên, EU đã có kế hoạch để rà soát kết quả thực hiện CBAM với 06 ngành nói trên vào năm 2030 để sau đó có quyết định có mở rộng CBAM ra các sản phẩm khác, ít nhất là với khoảng 30 nhóm sản phẩm nguy cơ cao gây ô nhiễm, trong đó có hàng dệt may.

Ngoài CBAM, rất có thể một số chính sách khác, nhất là các chính sách trong khuôn khổ Kế hoạch hành động về kinh tế tuần hoàn (hóa chất, rác thải,...) cũng có thể được EU bổ sung trong thời gian tới ảnh hưởng tới dệt may.



3 Xuất khẩu dệt may Việt Nam trước các thách thức từ Thỏa thuận Xanh EU

Các thách thức đặt ra

Được xác định là một trong những nguồn sản xuất và tiêu dùng gây ô nhiễm môi trường và phát thải carbon lớn nhất, không ngạc nhiên khi hàng dệt may là đối tượng của một loạt các chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU.

Trong so sánh với các lĩnh vực, đặc biệt là nông sản thực phẩm, các thách thức từ các chính sách xanh của EU đối với việc sản xuất, xuất khẩu hàng dệt may sang EU có điểm giống và khác biệt:

- *Về số lượng*, các biện pháp, chính sách xanh liên quan tới dệt may của EU khá nhiều, tuy nhiên, phần lớn đã được dự kiến tương đối chi tiết trong Chiến lược dệt may tuần hoàn và bền vững, do đó tính dự đoán trước cũng cao hơn, khả năng xuất hiện các quy định mới chưa nhận diện được cũng ít hơn (mặc dù vẫn có) so với các lĩnh vực khác;
- *Về phạm vi*, phần lớn trong số các chính sách xanh mà EU thực hiện với hàng dệt may có phạm vi áp dụng rộng, không chỉ bao gồm dệt may mà còn nhiều sản phẩm khác (ví dụ các biện pháp về thiết kế sinh thái, về hóa chất, hạt vi nhựa, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất...). Nói cách khác, các chính sách này thiết kế theo nhóm vấn đề môi trường cần xử lý mà không phải theo lĩnh vực sản phẩm. Điều này khiến cho việc theo dõi diễn tiến các chính sách xanh liên quan tới hàng dệt may có thể phức tạp hơn, đòi hỏi sự bao quát trong tiếp cận và phân tích chi tiết các quy định liên quan;
- *Về tính chất*, hầu hết các chính sách dự kiến đối với hàng dệt may đều là các quy định bắt buộc (mà không phải khuyến khích thực hiện như nhiều chính sách trong các lĩnh vực khác). Một khi được áp dụng, các yêu cầu này sẽ thành chuẩn tối thiểu mà nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài phải tuân thủ nếu muốn xuất khẩu hàng hóa sang EU. Do đó doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu dệt may Việt Nam cần đặc biệt chú ý tới các chính sách này;
- *Về đối tượng*: Khác với nhóm nông sản thực phẩm (với các biện pháp cụ thể chỉ áp dụng với một số sản phẩm cụ thể), trong lĩnh vực dệt may, các chính sách xanh thường có phạm vi áp dụng bao trùm tất cả các sản phẩm dệt may (mà không phân biệt sản phẩm theo HS cụ thể nào). Vì vậy, tất cả các quy định liên quan tới dệt may (textiles) đều phải được quan tâm chú ý để bảo đảm tuân thủ;
- *Về các khía cạnh bị tác động*: Với mối quan ngại sâu sắc về mức độ ảnh hưởng tới môi trường trong cả quá trình sản xuất, sử dụng, thải bỏ các sản phẩm dệt may, các chính sách xanh về dệt may của EU được thiết kế để xử lý quan ngại này trong cả chu trình sản xuất và tiêu dùng hàng dệt may (từ thiết kế mẫu mã đến nguyên phụ liệu, từ sản xuất đến vận chuyển, từ sử dụng đến sửa chữa, từ thải bỏ đến tái chế...). Do vậy, mặc dù ở giai đoạn đầu các nghĩa vụ mới chỉ dừng lại ở một số khâu đơn lẻ (ví dụ ghi nhãn sản phẩm, nộp phí EPR...), trong lâu dài, nhà sản xuất, xuất khẩu dệt may sang EU sẽ phải biết và thực hiện chuyển đổi xanh trong nhiều khâu liên hoàn của chuỗi sản xuất.



Những yếu tố thuận lợi

Bên cạnh những thách thức lớn đặt ra đối với ngành dệt may Việt Nam ở thị trường EU từ Thỏa thuận Xanh, việc thực hiện và tuân thủ các chính sách xanh này của doanh nghiệp dệt may Việt Nam cũng có điểm thuận lợi nhất định:

- *Thứ nhất*, hầu hết các chính sách xanh cụ thể, có ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất, xuất khẩu dệt may Việt Nam sang EU hiện mới đang ở dạng dự thảo, được đưa ra để tham vấn công chúng và xem xét nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền của EU, mà chưa được thông qua/ban hành chính thức. Do đó, ở thời điểm này, các nhà sản xuất, xuất khẩu dệt may sang EU chưa phải tuân thủ quy định hay tiêu chuẩn xanh mới đáng chú ý nào. Và vì thế doanh nghiệp vẫn còn thời gian để tìm hiểu và thích ứng dần;
- *Thứ hai*, trên thực tế, từ một số năm trở lại đây, để thích ứng với các phong trào xanh của người tiêu dùng ở EU, khách hàng EU (các nhà nhập khẩu, chủ các nhãn hàng thời trang) đã đi trước rất xa so với các cơ quan có thẩm quyền ở EU trong chuyển đổi xanh. Từ lâu, các khách hàng lớn của EU đã đặt ra các tiêu chuẩn xanh nhất định đối với nhà sản xuất gia công theo đơn hàng của họ ở các nước thứ ba. Từ đây, một bộ phận đáng kể các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trên thực tế đã và đang thực hiện các tiêu chuẩn xanh khác nhau trong quy trình sản xuất dệt may, phần lớn trong số này cao hơn quy định thực tế của EU. Vì vậy, khi các chính sách xanh mà hiện EU đang dự thảo có hiệu lực, nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam có thể sẽ không quá khó khăn, bởi lẽ khi thực hiện các yêu cầu này;
- *Thứ ba*, với đặc điểm chủ yếu là sản xuất gia công theo mẫu mã và đơn đặt hàng của các nhãn hàng ở EU, nhóm các nhà sản xuất, xuất khẩu dệt may gia công ở Việt Nam có thể không phải đối tượng phải trực tiếp thực hiện một số yêu cầu xanh cụ thể (ví dụ như thiết kế sinh thái, các tiêu chuẩn về hóa chất/hạt vi nhựa trong sợi vải, ghi nhãn hàng dệt may...), bởi đây vốn là các vấn đề do khách hàng thực hiện/chi định. Tất nhiên, ngay cả với nhóm này, ở các khía cạnh liên quan tới quy trình sản xuất trực tiếp (ví dụ cách thức tổ chức sản xuất, công nghệ sử dụng, quy trình xử lý chất thải trong sản xuất, năng lượng sử dụng...), nhà sản xuất xuất khẩu dệt may vẫn là chủ thể chính trong thực hiện các chính sách xanh liên quan không chỉ từ góc độ pháp lý (phải thực hiện theo quy định) mà còn là nhân tố quan trọng trong cạnh tranh (để thu hút đơn hàng từ các khách hàng EU).

Khuyến nghị doanh nghiệp thích ứng

Mặc dù hầu hết các chính sách xanh bắt buộc liên quan mới đang ở giai đoạn dự thảo, chưa thông qua và chưa có hiệu lực chính thức, yêu cầu từ người tiêu dùng EU về các sản phẩm dệt may xanh lại là thực tế hiện hữu rõ ràng. Không những thế, ở nhiều thị trường xuất khẩu trọng điểm khác của dệt may Việt Nam (như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc...), các phong trào tiêu dùng xanh trong lĩnh vực thời trang cũng đang rất mạnh mẽ. Vì vậy, có thể nói dệt may nằm trong số các lĩnh vực xuất khẩu chịu sức ép chuyển đổi xanh lớn nhất hiện nay.

Do đó, bên cạnh những khuyến nghị chung về cách thức ứng xử trước xu hướng xanh trong chính sách, pháp luật xanh ở EU cho tất cả các ngành bị ảnh hưởng (xem thêm Chương II), doanh nghiệp dệt may xuất khẩu được khuyến nghị cần xây dựng chiến lược cụ thể về chuyển đổi xanh ngay từ bây giờ để đáp ứng các yêu cầu thực tế của thị trường (từ phía người tiêu dùng và khách hàng).



Chiến lược của mỗi doanh nghiệp có thể rất khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu sản xuất kinh doanh tổng thể, thị trường xuất khẩu trọng tâm, nguồn lực sẵn có..., tuy nhiên tất cả đều cần bao gồm các hành động chủ động để từng bước xanh hóa quy trình sản xuất, trong đó có:

- *Về năng lượng:* Chuyển dần sang sử dụng năng lượng tái tạo (đặc biệt là điện mặt trời/áp mái) nhằm giảm lượng phát thải carbon trong quá trình sản xuất tính trên sản phẩm đầu ra;
- *Về nguyên phụ liệu:* Tìm kiếm, phát triển các nguồn nguyên liệu xanh thích hợp (đặc biệt là các nguyên liệu mới từ một số loại thực vật tự nhiên, nguyên liệu từ xơ sợi tái chế), từ đó nâng dần tỷ trọng nguyên liệu xanh trong sản xuất, đáp ứng đòi hỏi của người tiêu dùng; hạn chế sử dụng các loại phụ kiện từ nguyên liệu nhựa, kim loại...
- *Về quy trình sản xuất:* Chuyển đổi dần công nghệ sản xuất để tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng các loại hóa chất trong xử lý sản phẩm, giảm rác thải, nước thải...
- *Về quy trình đóng gói:* Tăng cường sử dụng vật liệu đóng gói thân thiện với môi trường, giảm các loại bao bì không cần thiết...
- *Về quy trình xử lý chất thải:* Nâng cấp công nghệ xử lý rác thải, nước thải từ quá trình sản xuất để đạt hiệu quả xử lý cao hơn.

Đối với phần lớn các doanh nghiệp dệt may tham gia gia công xuất khẩu, chuyển đổi quy trình sản xuất để giảm phát thải, hạn chế ô nhiễm, sản xuất ra các sản phẩm xanh... là yếu tố quan trọng để cạnh tranh thu hút các đơn hàng.

Còn với các doanh nghiệp có kế hoạch tham gia sâu vào các công đoạn có giá trị cao hơn trong chuỗi cung ứng hàng dệt may (như thiết kế mẫu mã, tự cung ứng nguyên phụ liệu...) hoặc có chiến lược xây dựng thương hiệu riêng (tự chủ hoàn toàn trong toàn chuỗi sản xuất) để xuất khẩu sang EU và thị trường các nước phát triển, chuyển đổi xanh là yêu cầu bắt buộc để có thể tiếp cận và phát triển tại các thị trường này trong tương lai.

Tóm lại, nông sản thực phẩm và dệt may, hai mũi nhọn xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường châu Âu, đã và đang là các lĩnh vực trọng điểm tập trung của nhiều chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU, đặc biệt là với Chiến lược Từ trang trại đến bàn ăn (F2F) và Chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững. Ở cả hai khía cạnh, các biện pháp và hành động xanh của EU có ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam được nhận diện tới thời điểm này đều tập trung vào việc giảm thiểu các nhân tố gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất (quy định giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại, hạt vi nhựa, thiết kế sinh thái, chống phá rừng...), tăng cường thông tin để tạo điều kiện cho các lựa chọn xanh của người tiêu dùng (quy định về ghi nhãn sản phẩm hữu cơ, hộ chiếu số cho sản phẩm, ghi nhãn dệt may...), xử lý rác thải (trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, cấm tiêu hủy hàng tồn...). Tuy phần lớn các chính sách xanh cụ thể ở cả hai lĩnh vực này đều mới ở dạng dự thảo, chưa chính thức áp dụng trên thực tế, việc theo dõi, kịp thời nhận diện các quy định, chuẩn bị sẵn sàng cho chuyển đổi xanh trong sản xuất, xuất khẩu nông sản thực phẩm và dệt may là điều cần thiết. Đối với nông sản, thực phẩm, mô hình sản xuất toàn chuỗi (từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến thực phẩm...) tại Việt Nam đòi hỏi các nhà sản xuất, xuất khẩu phải chủ động và tích cực hơn trong tìm hiểu và tuân thủ các tiêu chuẩn xanh của EU. Đối với dệt may, mặc dù có sự chia sẻ trách nhiệm trong tuân thủ các tiêu chuẩn xanh của EU giữa khách hàng EU và đơn vị gia công Việt Nam, chuyển đổi xanh trong quy trình sản xuất hàng dệt may là đòi hỏi cấp bách để doanh nghiệp Việt Nam có thể cạnh tranh với các đối tác trong thu hút các đơn hàng và phát triển bền vững ở thị trường EU.

THỎA THUẬN XANH EU VÀ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Trường hợp của ngành Nông sản, Thực phẩm và Dệt may

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc
Trương Thu Hiền

Biên tập

Trương Hữu Thắng

Thiết kế đồ họa

Thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

In 500 cuốn, khổ 19x26 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3777-2023/CXBIPH/01-207/CT
Số Quyết định xuất bản: 290/QĐ-NXBCT ngày 07 tháng 11 năm 2023
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2023
Mã số ISBN: 978-604-481-049-2



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84-24-35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn

Trung tâm WTO và Hội nhập là đơn vị thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung tâm là đầu mối vận động chính sách, cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và lợi ích, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ WTO, các hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định thương mại quốc tế khác.

ISBN: 978-604-481-049-2



9 786044 810492

SÁCH KHÔNG BÁN